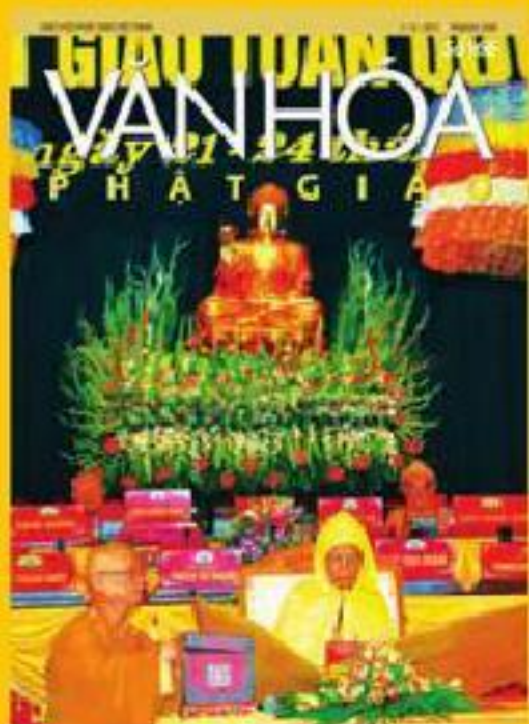


VĂN HÓA

PHẬT GIÁO





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Trích đạo từ của Đức Pháp chủ	3
Thư của Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần VII gửi Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước	4
Sương mai	6
Đẩy thuyền và lật thuyền (Nguyễn Cẩn)	7
Xã hội tiêu dùng nhìn qua lăng kính văn hóa Phật giáo (Nguyễn Hồng)	11
Vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên ở Trung Quốc (Lý Triết Lương, Từ Vy dịch)	14
Những mối lạ trong <i>Đấu về gió xóa</i> (Nghiêm Lương Thành)	18
Giới thiệu các bản in sách <i>Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục</i> (Ngô Quốc Trường & Vũ Thị Hải Yến)	22
Ý nghĩa Sa-môn (Ánh Ngọc)	25
Bát nhã quán chiếu (Nguyễn Thế Đăng)	28
Phật giáo Huế: trầm mặc và linh thiêng (Nguyễn Văn Toàn)	32
Khổ và giải thoát trong đạo Phật (Nguyễn Văn Nghệ dịch)	34
Chúng tôi phóng sinh (Nguyễn Mạnh Hùng)	36
Nhân chi sơ rờ vú mẹ (Võ Văn Lân)	38
Phật giáo và văn hóa Phật giáo (Hoàng Tá Thích)	41
Hàng xóm láng giềng (Lê Hải Đăng)	44
Về nhà (Nguyễn Huy Trường)	46
Chiếc bếp cà-ràng của khách thương hồ Tây Nam Bộ (Phan Văn Chín)	48
Thơ	50
Chợ âm phủ (truyện ngắn của Tâm Không Vĩnh Hữu)	52
Khói bếp chiếu quê (Nguyễn Đại Chơn)	56
Tỏa sáng tinh thần vượt qua trong Lễ hội Katê (Nguyễn Văn Nhật)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	61

Bìa 1: Suy tôn Pháp chủ. Ảnh: Lương Hòa

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ bảy diễn ra tại Hà Nội đã bế mạc trong sự hân hoan và tin tưởng của chư Tăng Ni và Phật tử Việt Nam trong nước cũng như ở nước ngoài. Suốt hai ngày 23 và 24-11-2012, toàn thể 1.104 vị đại biểu chính thức gồm chư tôn đức thuộc Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, đại diện các ban ngành Trung ương và địa phương, đại diện các tỉnh, thành hội, đại diện các cộng đồng Phật tử Việt Nam ở hải ngoại... đã đóng góp trí tuệ tập thể trên tinh thần có trách nhiệm với vận mệnh của GHPGVN trong thời hội nhập. Đại hội có một số bổ sung về mặt nhân sự cho Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, và có một ít thay đổi về nội dung bản Hiến chương của Giáo hội. Nói chung, thành phần lãnh đạo của GHPGVN nhiệm kỳ VII vẫn như cũ. Mong rằng quý độc giả cùng với Văn Hóa Phật Giáo chia sẻ niềm hân hoan trước kết quả của Đại hội.

Trong số báo này, VHPG có trình bày một số thông tin về lễ hội Ka-tê năm 2012 của cộng đồng người Chăm, một đề tài mà chúng tôi đã đề cập liên tiếp hai lần trong hai năm vừa qua, nhằm giới thiệu với quý độc giả một vài nét văn hóa của dân tộc Chăm, một dân tộc trong số 54 tộc người hình thành cộng đồng dân tộc Việt Nam mà tinh thần đoàn kết dân tộc cũng như những cố gắng gìn giữ truyền thống của tộc người này đáng để cho mọi tộc người đang tồn tại trên trái đất thân yêu của chúng ta cùng suy ngẫm trong việc xây dựng một đất nước có nền văn hóa phong phú và đa dạng.

Bước vào tháng cuối cùng của năm 2012, VHPG đã nhận được khá nhiều bài vở gửi về cho số báo đặc biệt mừng mùa xuân Quý Tỵ 2013. Chúng tôi kính mời quý vị cộng tác viên tiếp tục gửi thêm cho chúng tôi những bài viết dành cho số báo đặc biệt đó để nội dung Văn Hóa Phật Giáo xuân Quý Tỵ của chúng ta thêm phần phong phú.

Chân thành kính chúc quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Trích

ĐẠO TỪ CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần VII

...

Bậc cổ đức có dạy rằng: Phật pháp lấy kỳ túc làm trang nghiêm. Tôi năm nay đã gần 100 tuổi, thẹn vì mình tài đức không đủ, nhưng lại được Tăng sai vào ngôi vị trọng trách của Giáo hội. Đây là một vinh dự, song cũng là một trách nhiệm lớn lao. Tôi thành kính tri ân công đức chư tôn thiện đức Tăng Ni và toàn thể Đại hội đã một lần nữa đặt niềm tin và giao phó trọng trách cho tôi cùng với chư tôn thiện đức hoằng dương Chính pháp, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

...

Hãy vì sự xương minh của Đạo pháp, vì sự hưng thịnh của Dân tộc mà khắc cốt ghi tâm để mỗi Phật sự của Giáo hội chúng ta đều thành tựu được những kết quả tốt đẹp, để Phật giáo chúng ta có vị thế xứng đáng trong lòng dân tộc, cùng với Phật giáo đồ trên toàn thế giới đoàn kết, hòa hợp, góp phần vào sự nghiệp hoằng dương Phật pháp, bảo vệ hòa bình, đem lại hạnh phúc đích thực cho nhân loại.

...





Thư của Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần VII gửi Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước

Kính gửi: Quý Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước

Kính thưa chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni và quý Phật tử ở trong nước cũng như ở nước ngoài.

Nhiệm kỳ VI Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã khép lại với nhiều thành quả to lớn đạt được, để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp trong lòng Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Ngày 23, 24 tháng 11 năm 2012, Đại hội VII GHPGVN được trọng thể tổ chức tại Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt-Xô, thủ đô Hà Nội, là một sự kiện đặc biệt quan trọng, là ngày đại hoan hỷ của tất cả những đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia, là bước ngoặt mang dấu ấn quan trọng để tất cả chúng ta cùng nhau viết tiếp trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ 21 và những thế kỷ tiếp theo - thế kỷ của hội nhập, phát triển bền vững.

Để tiếp tục khẳng định Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Giáo hội duy nhất đại diện cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, là tổ chức kế thừa một cách trọn vẹn 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, Đại hội đã tổng kết các mặt công tác Phật sự của Giáo hội trong nhiệm kỳ VI (2007-2012); thảo luận thông qua chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012-2017); Đại hội đã suy tôn bổ sung 89 thành viên Hội đồng Chứng minh và Ban Thường trực; tái suy tôn Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ ngôi vị Pháp chủ GHPGVN; theo tiêu chí: "Kế thừa - Ổn định - Phát triển", Đại hội nhất trí suy cử Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh tiếp tục đảm nhận cương vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự, 199 thành viên Hội đồng Trị sự và Ban Thường trực; tấn phong 332 Hòa thượng, 322 Thượng tọa, 223 Ni trưởng và 474 Ni sư; Đại hội đã thông qua nội dung tu chỉnh Hiến chương lần thứ 5, với Lời nói đầu, 13 chương và 71 điều.

Trong tinh thần đoàn kết hòa hợp, phát huy tính dân chủ và trí tuệ tập thể, tiếp tục khẳng định sự phát triển bền vững, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, vị thế và vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và trên trường quốc tế, Đại hội đã nhận được nhiều bài tham luận, ý kiến đóng góp của đại biểu cho chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội nhiệm kỳ VII.

Kính thưa quý liệt vị,

Thông qua Báo cáo tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ VI của Giáo hội, chúng ta sẽ càng hoan hỷ và tự hào về các mặt công tác của Giáo hội đã được triển khai một cách đồng bộ, có chiều rộng lẫn chiều sâu, một sự phát triển bền vững, có tầm nhìn chiến lược vĩ mô, vi mô và thành tựu mỹ mãn, như: hệ thống tổ chức hành chính của

các cấp Giáo hội được kiện toàn; công tác Tăng sự, giáo dục được quan tâm đặc biệt; hoằng pháp, hướng dẫn Phật tử được đẩy mạnh và phát triển rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu vùng xa; từ thiện xã hội đã phát huy tính tích cực, đạt hiệu quả cao; sự hợp tác, giao lưu trong lĩnh vực quan hệ quốc tế được phát triển; nghiên cứu, phiên dịch, in ấn xuất bản đã góp phần vào việc nghiên cứu, học tập của Tăng Ni, Phật tử cùng nhiều công tác khác được các cấp Giáo hội quan tâm, tổ chức triển khai, thực hiện có kết quả tốt đẹp. Tất cả những thành quả đó đã chứng tỏ sức mạnh tổng lực của cả hệ thống Giáo hội, sự đồng tình, ủng hộ của các hệ phái thành viên, Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước, khẳng định vị trí, vai trò của GHPGVN trong mọi mặt đời sống của nhân dân và bạn bè trên thế giới. Tuy nhiên, theo quy luật khách quan, đã có thành tựu thì có tồn đọng, bước sang nhiệm kỳ VII, Giáo hội sẽ phát huy những thành tựu đạt được và khắc phục những công tác còn tồn đọng.

Đại hội đã thông qua Chương trình hoạt động nhiệm kỳ VII của Giáo hội, gồm 6 điểm:

1. Xây dựng, phát triển Giáo hội trên nguyên tắc phát huy tinh thần đoàn kết, hòa hợp vì Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội.
2. Hoằng dương Chính pháp, truyền bá đạo đức Phật giáo, góp phần xây dựng xã hội an vui, hạnh phúc, phù hợp với đạo đức, văn hóa, truyền thống dân tộc.
3. Giáo dục đào tạo đội ngũ Tăng Ni trẻ có đạo hạnh, năng lực, trình độ; vững vàng trong quan điểm, thâm hiểu giáo pháp, có kiến thức chuyên sâu và chuyên môn cao đáp ứng sự phát triển của Giáo hội trong thời đại mới.
4. Mở rộng và đẩy mạnh việc nghiên cứu Phật học và học thuật Phật giáo.
5. Đẩy mạnh hoạt động của Ban Kinh tế Tài chính, khuyến khích phát triển kinh tế tự túc, vận động gây quỹ cho các hoạt động của Trung ương Giáo hội và Tỉnh, Thành hội Phật giáo.
6. Phát huy tinh thần đoàn kết của Phật giáo Việt Nam đối với Phật giáo các nước trên thế giới, góp phần xây dựng hòa bình, ổn định nếp sống hiền thiện ở mọi nơi. Chú trọng mối quan hệ của Giáo hội đối với Tăng Ni, Phật tử người Việt ở nước ngoài.

Công tác Phật sự được trình bày trong chương trình hoạt động 5 năm tới của Giáo hội, chính là nội dung căn bản để triển khai và thực hiện đối với các cấp Giáo hội trong xu thế đổi mới, hội nhập thế giới hiện nay của đất nước và Giáo hội. Qua đây, các cấp Giáo hội sẽ nỗ lực làm cho Giáo hội không ngừng phát triển bền vững trong tất cả các lĩnh vực; tích cực góp phần vào mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh, giữ gìn và phát huy văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc.

Kính thưa quý liệt vị,

Lời dạy của Đức Phật về hành động trong đời sống cho Tứ chúng đệ tử đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Do đó, những việc gì khi làm đem lại lợi ích cho Đạo pháp, lợi ích cho Dân tộc, chúng ta phải làm và làm hết khả năng của mình và ngược lại thì chúng ta không làm. Đạo Phật là đạo của hòa bình, an lạc, chúng ta hãy bằng những việc làm cụ thể để đem lại hòa bình, an lạc cho Tổ quốc và nhân loại.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam kêu gọi toàn thể quý tôn đức Tăng Ni, Phật tử ở trong nước hay ở nước ngoài, luôn luôn nêu cao truyền thống "Kính Phật – Phụng đạo – Yêu nước", hướng về Tổ quốc, hướng đến Đạo pháp để cùng chung lo sự nghiệp đạo thịnh, nước hưng; áp dụng lời Phật dạy trong đời sống thường nhật để xây dựng và phát triển Giáo hội ngày càng trang nghiêm, vững mạnh trong lòng dân tộc. Vì lợi ích của số đông mà tích cực làm việc, tham gia công tác Phật sự của các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Trung ương đến địa phương.

Giáo hội tin tưởng mỗi Tăng Ni, Phật tử luôn luôn nêu cao trách nhiệm và bốn phận của đệ tử Phật, của công dân Việt Nam để làm cho đất nước và Giáo hội không ngừng phát triển bền vững, bảo tồn, phát huy văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc.

Giáo hội mong muốn Tăng Ni, Phật tử hãy tận dụng thời gian có được để thực hiện các Phật sự, lý tưởng và hoài bão về một cuộc sống hiền thiện, đạo đức, an lạc ở khắp mọi nơi, trong đó có quốc độ quê hương Việt Nam thân yêu của chúng ta. Giáo hội tin tưởng rằng, chúng ta sẽ cùng với toàn nhân loại xây dựng một thế giới của đạo đức, tình thương, tự do, dân chủ, công bằng và sự thật, một cõi Niết-bàn tại thế gian này.

Ngưỡng cầu Tam bảo hộ trì cho hết thầy chúng sinh, cho đất nước Việt Nam, cho Giáo hội và cho toàn thể quý tôn đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước đầy đủ thắng duyên, đầy đủ nghị lực, đầy đủ sự gia trì để hoàn thành trách nhiệm và bốn phận của người đệ tử Phật, của người công dân Việt Nam, của một thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH
Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

**Như Lai sống vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với
tất cả chúng sinh và loài hữu tình.**

Tương Ưng Bộ - Kinh Tương ưng thôn trưởng



Đẩy thuyền và lật thuyền

NGUYỄN CÂN

Nhận diện quốc nạn?

Nếu như người ta phải tổ chức bầu chọn vất vả tốn kém và gây tranh cãi mới xác định được quốc hoa hay quốc phục thì ngày nay khi nói đến quốc nạn hay quốc nhục, ai ai cũng có thể chỉ ngay đó là... tình trạng tham nhũng đang hoành hành đến mức bất trị. Các đại biểu Quốc hội đều có chung nhận xét là chưa bao giờ từ "tham nhũng" lại có tần số xuất hiện nhiều như bây giờ, từ vỉa hè quán xá đến trường học nhà thương, ở ngoài đường phố hay trong công sở... Tham nhũng đã thách thức Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; hiển nhiên là thách thức sự kiên nhẫn và sức chịu đựng của công dân; xói mòn tình cảm, niềm tin của nhân dân về khả năng lãnh đạo của chính quyền.

Tại phiên thảo luận về phòng chống tham nhũng sáng ngày 1-11-2012, một đại biểu thuộc đoàn Bà Rịa-Vũng Tàu, ông Trần Đình Nhã, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng An ninh, đã lên tiếng kêu gọi tuyên chiến với tham nhũng.

Sự phẫn nộ của các vị đại biểu cũng chính là tâm tư bức bối của người dân đối với quốc nạn này. Nếu lãng phí trong việc chi ngân sách lấy từ tiền thuế là bỏn rút tiền thu được từ mồ hôi xương máu của nhân dân, thì việc chi lấy từ tiền bán rẻ tài nguyên quốc gia lại là ăn mòn vào của để dành mà lẽ ra các thế hệ con cháu chúng ta phải được hưởng. Sự phung phí ngân sách đã quá đáng đến độ cam kết tăng lương dầu chỉ 100.000 đồng hàng tháng cho mỗi công chức cũng không thực hiện được. Người ta ước tính số tiền thất thoát chỉ riêng vụ Vinashin cũng đủ xây 214.000 phòng học.

Đam mê quyền lực

Vì sao tham nhũng lại có đất sinh sôi phát triển như vậy? Người ta phải trở lại "bản năng gốc" của con người, trước hết là sự "đam mê quyền lực" và sau đó là dục vọng cá nhân. Một trong những người khai sáng ra nền dân chủ Hoa Kỳ là Alexander Hamilton đã cảnh giác về sự đam mê không giới hạn ấy khi phát biểu, "Tại sao chính quyền

được thành lập? Bởi vì đam mê của con người sẽ không tuân theo tiếng gọi của lý trí và công lý nếu không có sự kiểm chế. Như vậy, một trong những nhiệm vụ của chính quyền là kiểm chế lòng đam mê của con người. Nhưng khi lòng đam mê ấy lại là hạt mầm được gieo trồng trên cánh đồng quyền lực và được nuôi dưỡng bởi “cơ chế” hay sự lỏng lẻo của hệ thống giám sát, được hưởng sự chăm bón của “nhóm lợi ích”, của “phe cánh” thì quyền lực lại nuôi dưỡng quyền lực, sẽ bám rễ sâu, leo nhanh, vươn cao và hút cạn dưỡng chất – là sức chịu đựng của dân – với một tốc độ khó tưởng tượng. Người ta cũng đã nghe quá nhiều cụm từ “chạy chức, chạy quyền”, đã thấy xuất hiện một thị trường mua bán quyền lực; và khi phải mua thì người ta phải nghĩ đến hoàn vốn, thu lợi. . . , bên cạnh đó là lối tư duy cục bộ, tư duy nhiệm kỳ khiến người ta chỉ nhắm mắt vờ vét, bất chấp hậu quả. . . Đó là lý do của những dự án “chỉ định thầu” dù không được phép, đó là nguồn gốc của “sân sau” của “công ty gia tộc”. . . Ngoài ra, còn một hình thức khác là “tham nhũng chính sách”, một hình thức tham nhũng vô cùng nguy hiểm. Loại tham nhũng này dựa trên những cơ sở của pháp luật, xuất phát từ vai trò chủ trì soạn thảo pháp luật, dựa trên cơ sở hợp pháp nên tinh vi hơn mà tác hại lại càng ghê gớm hơn. Về điều này, vị đại biểu thuộc đoàn Thái Nguyên là bà Lê Thị Nga, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp, nhắc tới một công thức có tính ẩn dụ đã được quốc tế công nhận, rằng tham nhũng (TN) thì bằng với tình trạng độc quyền (ĐQ) cộng với sự bùng bít thông tin (BB) rồi trừ đi trách nhiệm giải trình (GT), hay: $TN = ĐQ + BB - GT$; và cho rằng “Hạn chế việc tiếp cận, công khai kết luận thanh tra như trong vụ Vinalines ảnh hưởng lớn đến việc chống tham nhũng”.

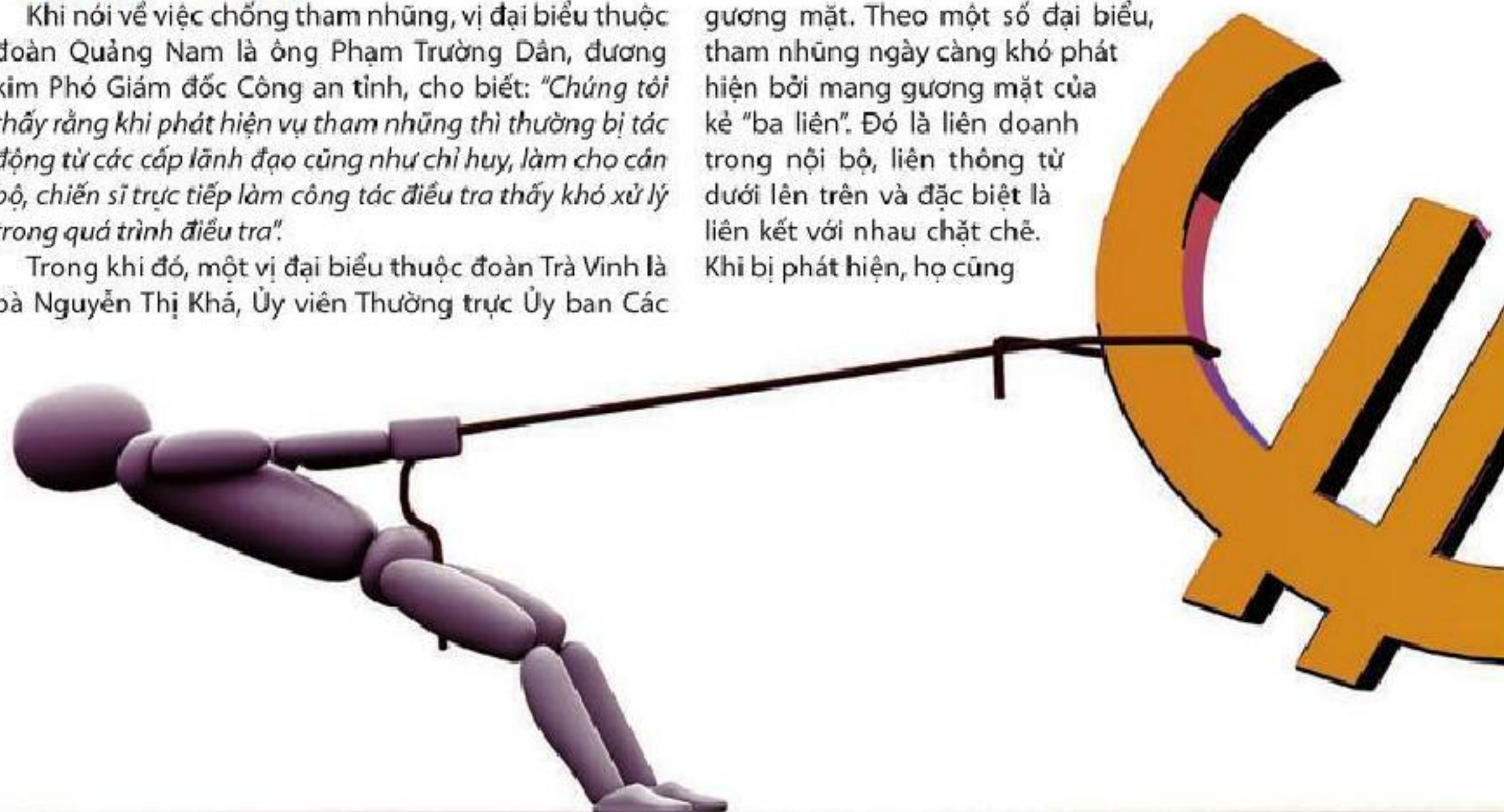
Biện pháp cải lương

Khi nói về việc chống tham nhũng, vị đại biểu thuộc đoàn Quảng Nam là ông Phạm Trường Dân, đương kim Phó Giám đốc Công an tỉnh, cho biết: “Chúng tôi thấy rằng khi phát hiện vụ tham nhũng thì thường bị tác động từ các cấp lãnh đạo cũng như chỉ huy, làm cho cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm công tác điều tra thấy khó xử lý trong quá trình điều tra”.

Trong khi đó, một vị đại biểu thuộc đoàn Trà Vinh là bà Nguyễn Thị Khả, Ủy viên Thường trực Ủy ban Các

vấn đề xã hội, bình luận: “Khi bị phát hiện, người tham nhũng có ba chạy: chạy án tử có tội thành không tội, chạy tội từ tội nặng thành tội nhẹ, và chạy từ tù ngồi thành tù treo”.

Những phát biểu trên minh họa một thực tế là hệ thống luật pháp vừa muốn trừng trị kẻ có tội tham nhũng, đồng thời lại vừa muốn lấy những đặc điểm như nhân thân, thành tích quá khứ của bị cáo ra để châm chước giảm tội, cho hưởng án treo. Vì thế, không thể nói tòa sai khi xử nhiều án treo; vì nếu cả 100 bị cáo tham nhũng trước đây đều có công hay xuất thân từ gia đình “tốt”, thì tòa cũng có thể cho hưởng án treo đủ cả 100. Như vậy, có thể nói chính việc áp dụng luật pháp không đồng đều cho mọi đối tượng đã cản trở việc chống tham nhũng. Vì thế, vấn đề là cần xem xét lại những quy định về các điều kiện để được hưởng án treo đối với tội phạm tham nhũng. Nói đến tham nhũng, người ta thường nghĩ và nói nhiều đến hành vi đưa và nhận hối lộ. Nhưng khi đã cho rằng tham nhũng là quốc nạn thì lại phải có giải pháp tương ứng để tăng hiệu quả phòng chống. Xử lý người nhận hối lộ, đồng thời cũng xử lý cả người đưa hối lộ tức là chặn cả hai đầu. Như thế thì khi một người tố giác hành vi nhận hối lộ đồng nghĩa người ấy tự tố cáo chính mình, tròng đầu mình vào vòng “tố tụng” . . . Thực tế đã từng có nhà báo bị dính “bẫy” này khi tìm cách chứng minh người khác phạm tội. Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho rằng: “Các lực lượng chức năng đã có nhiều cố gắng trong điều tra, truy tố, xét xử nhiều vụ án tham nhũng lớn nhưng tội phạm tham nhũng vẫn phức tạp, tinh vi, nhân dân kêu ca, oán trách. Trung ương cũng kết luận phòng chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu”. Vì sao ư? Vì tham nhũng biến hóa như Phạm Nhan và có nhiều gương mặt. Theo một số đại biểu, tham nhũng ngày càng khó phát hiện bởi mang gương mặt của kẻ “ba liên”. Đó là liên doanh trong nội bộ, liên thông từ dưới lên trên và đặc biệt là liên kết với nhau chặt chẽ. Khi bị phát hiện, họ cũng



dễ dàng thoát án do thực hiện “ba chạy”, là chạy án, chạy tội, chạy tù.

Nhiều nhà làm luật đã yêu cầu phải thực hiện cho được bốn chống: 1. chống bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm, bao biện, trù dập; 2. chống đầu tư dàn trải, phân tán, lãng phí, xin cho, bắt tay, móc nối; 3. chống chạy thành tích, chạy chức, chạy dự án, chạy trách nhiệm, “được thì ưu điểm thuộc về tôi; sai trái, khuyết điểm thuộc về chúng ta”; và 4. chống để tội phạm trốn ngoài vòng pháp luật do lộ thông tin.

Về việc “đánh” tham nhũng, đại biểu Trần Đình Nhă đề nghị “... đã đến lúc phải thay đổi cách đánh và cả người đánh. Về cách đánh, phải như đánh tội xâm phạm an ninh quốc gia, đánh một tên gián điệp, một kẻ nội gián, một kẻ khủng bố. Đánh tham nhũng phải đánh từ ngoài vào, đánh từ trên xuống... Kinh nghiệm thời gian qua cho thấy cơ quan điều tra cấp tỉnh vất vả, thậm chí bất lực thế nào khi điều tra các tội tham nhũng của quan chức cấp tỉnh”. Đây là thời điểm chín muồi để Quốc hội quyết định thành lập cơ quan độc lập chuyên trách điều tra tội phạm tham nhũng, một loại cơ quan độc lập do Quốc hội lập ra, báo cáo công tác trước Quốc hội. Cơ quan này tập trung vào việc tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác về tội phạm tham nhũng, khởi tố điều tra, truy tố ra tòa án những người phạm tội tham nhũng. Ngoài ra, đại biểu Hà Nội đề xuất đưa chế định hối tố vào luật để xử lý những trường hợp cán bộ chưa bị phát hiện hoặc đã phát hiện có hành vi tham nhũng nhưng vì lý do để bảo đảm ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia hoặc lý do đặc biệt khác mà chưa thể xử lý người đó. Vi hành vi tham nhũng diễn ra khi họ còn đang đương chức nên việc hối tố sẽ bảo đảm cơ sở pháp lý để mọi đối tượng tham nhũng đều bị xử lý một cách nghiêm minh như kinh nghiệm nhiều nước đã áp dụng.

Đại biểu Nguyễn Văn Hiến thuộc đoàn Bà Rịa-Vũng Tàu nêu quan điểm cho rằng không cần sửa đổi bất cứ luật nào, chỉ cần thực hiện trách nhiệm quản lý một cách nghiêm túc thì “... sẽ không có hàng chục con tàu cũ được mua về. Nếu giám sát tốt, sẽ không có bê tông cốt tre, sẽ không có những con đường, công trình vừa làm xong đã

hỏng. Không cần sửa đổi bất cứ luật nào nếu người đứng đầu nghiêm túc thì cấp dưới không dám nhũng nhiễu...”.

Theo nhận định của nhiều người, Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành đã tương đối tốt. Vấn đề là mọi quy định của luật đều thực hiện không nghiêm túc, rất hình thức và thiếu giám sát, kiểm tra.

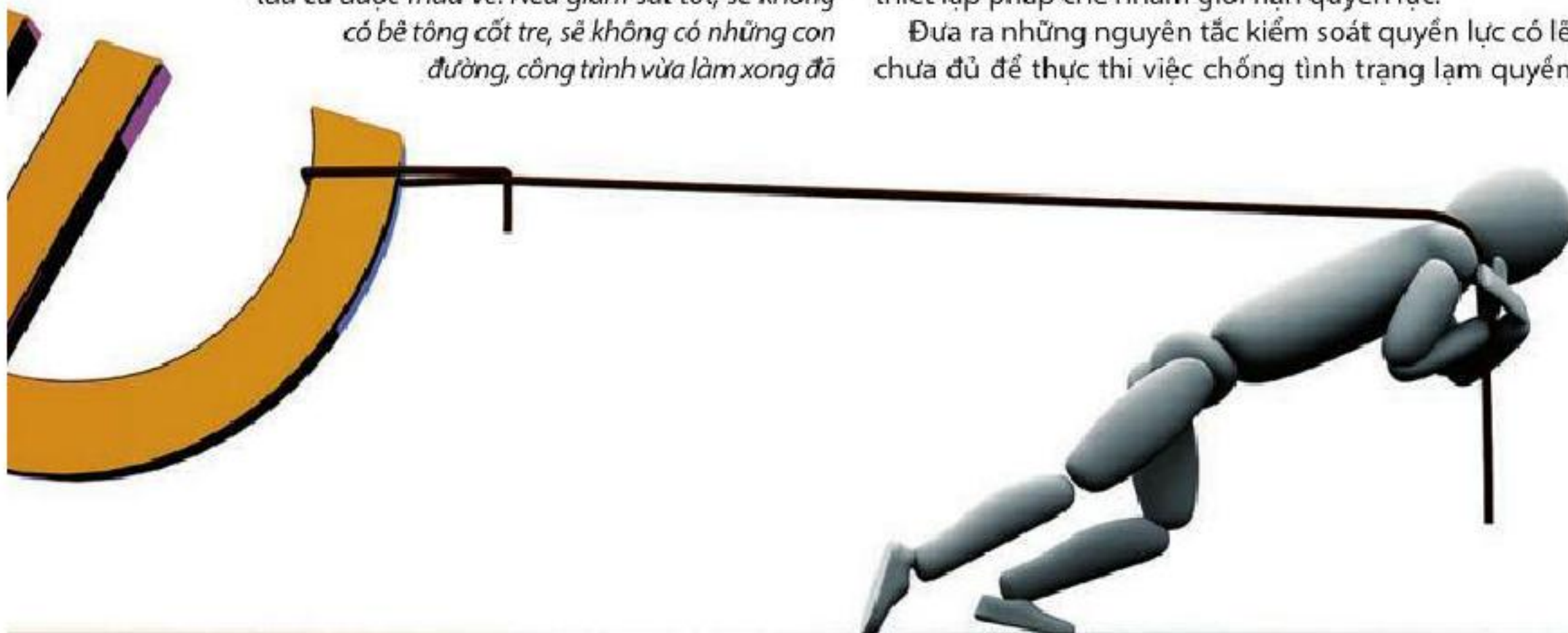
Làm hể thì khỏi làm quan...

Bổ sung cho lý do nhân thân, nhiều bị cáo tham nhũng còn được châm chước vì lý do thiếu năng lực quản lý. Điều này làm người ta nhớ đến chú hể Hoạn trong vở kịch *Bài ca giữ nước* của nhà viết kịch hiện đại Việt Nam, Tào Mạt (1930-1993). Hể Hoạn được vua Lý Thánh Tông thương, muốn phong ông ta làm ‘vua hể’ nhưng ông ta từ chối, cho rằng một mình nhà vua không thể phong một ‘vua hể’ vì diễn trò có hay thì dân mới phong là ‘vua hể’. Còn nếu vua phong cho một chức quan thì “được phần áo mũ, mất phần thành thoi”. Và lại, “làm quan thì phải coi việc, hể thì phải làm trò, vừa làm quan vừa làm hể mà không phải bậc đại tài thì quan dở, hể nhạt”. Cách từ chối của hể Hoạn hết sức chuyên nghiệp, rằng việc gì mình giỏi thì hãy làm, đừng vì ai yêu cầu mà ngồi nhăm ghe. Đây là chuyện Việt Nam ngày xưa. Còn ngày nay, chẳng những đang ngồi rất đúng cái ghế của mình, nhưng chỉ nhăm lẫn trong ứng xử cũng đủ khiến một viên tướng cảm thấy cần phải từ chức. Đó là trường hợp tướng David Petraeus, Giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA) Hoa Kỳ đã làm đơn xin từ nhiệm khi bị phát giác có một mối quan hệ ngoài hôn nhân, mặc dù ông đã từng đảm nhiệm các cương vị khác nhau ở nhiều nơi trên thế giới, có đóng góp ở cả những mặt trận khốc liệt như Trung Đông. Thì ra, xưa cũng như nay, những người tự trọng luôn biết đến chính danh định phận.

Khi lòng tham làm lật thuyền?

Theo Montesquieu trong *Tinh thần Pháp luật* (L’Esprit des Lois) thì bất kỳ ở đâu có quyền lực đều xuất hiện xu thế lạm quyền và chuyển quyền, vì thế, nhà nước phải thiết lập pháp chế nhằm giới hạn quyền lực.

Đưa ra những nguyên tắc kiểm soát quyền lực có lẽ chưa đủ để thực thi việc chống tình trạng lạm quyền



này. Người ta cần đi xa hơn trong việc xây dựng các thể chế cụ thể để kiểm soát quyền lực, như chế độ bỏ phiếu bất tín nhiệm, chế độ điều trần của các ban chuyên môn của Quốc hội, việc đảm bảo sự độc lập của các tòa án. Những nhà lập hiến cũng đã nhìn ra những lỗ hổng của pháp chế nên trong Tờ trình về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, họ đã đề cập: “Cần sửa đổi Hiến pháp năm 1992 để bảo đảm đổi mới đồng bộ cả về kinh tế và chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, và vì nhân dân, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, xây dựng và bảo vệ đất nước, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế”.

Cũng có người đề nghị cần giáo dục cán bộ tiết chế lòng tham (?), trau dồi tư đức bằng những lớp tập huấn, bằng công việc thực tế... Nhưng dù bằng cách nào đi nữa, nếu không cải tạo môi trường “ô nhiễm” bấy lâu, không có những thiết chế vững vàng, không có sự nghiêm minh của luật pháp... thì việc “phòng chống” hay có người nói “tiêu diệt” tham nhũng vẫn chỉ nửa vời bất chấp việc kê khai tài sản, quản lý thu nhập... hay kiểu gì đi nữa thì cũng không hiệu quả. Mà như vậy, quốc nạn sẽ trở thành “đại nguy”. Đại nguy ở chỗ tham nhũng đang thách thức sự kiên nhẫn và lòng bao dung của nhân dân. Một khi dân đã không còn sức chịu đựng được nữa thì cực kỳ nguy hiểm. Nói như đại biểu Trần Đình Nhã: “Nghị quyết của Đảng nói rằng tham nhũng đang thách thức sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước. Tôi muốn nói thêm là tham nhũng cũng đang thách thức Quốc hội, nguy hiểm hơn là thách thức sự chịu đựng của nhân dân”.

Trong đợt tiếp xúc cử tri TP.HCM ngày 17.10 vừa qua, ông Trương Tấn Sang, Chủ tịch nước, đã nhắc lại lời nói bất hủ của Nguyễn Trãi: “*Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân*”. Tất nhiên, người dân không thể và không bao giờ đại dốt lật thuyền nếu lèo lái con thuyền ấy là những người lãnh đạo dù lớn dù nhỏ đều là những người đức độ, trong sáng và tận tụy lo toan cho họ. Chính những kẻ không biết giới hạn lòng tham từ quyền lực đến của cải mới làm lật thuyền vì đi ngược hướng gió “lòng dân”, ngọn gió đẩy luôn tiếm ẩn những sức mạnh phi thường có thể đẩy thuyền lao vút về những chân trời rực rỡ nhưng cũng sẵn sàng nhấn chìm những con thuyền chứa đầy dục vọng cá nhân.

Phật giáo nói gì về trị nước?

Người lãnh đạo lý tưởng trong giáo lý nhà Phật là một vị Chuyển luân vương (Cakkavatti), đủ tài năng, đức độ trị nước đúng theo Chánh pháp, đem lại hạnh phúc cho toàn dân. Kinh *Chuyển Luân Thánh Vương Tư Hành* (Trường A-hàm số 6) và kinh *Luân Chuyển Luân Thánh Vương* (Trường Bộ kinh III, ĐTK Việt Nam) cho thấy rằng nhà vua dùng Chánh pháp trị dân tạo nên hòa bình, thịnh trị, an lạc, hùng cường; là điều kiện để

phát triển mạnh cả về quốc phòng, an ninh, về tổ chức kinh tế, tài chính, và cả về văn hóa, xã hội, đạo đức...

Thế nào là trị dân theo pháp?

Đức Phật dạy:

“Nhà vua phải y theo Chánh pháp, trọng pháp, kính pháp, suy nghĩ về pháp, tôn vinh pháp, ca tụng pháp, dựng phước pháp, cờ pháp, y vào pháp mà bảo hộ các thể nữ, quân thần, quân nhân Sát-đế-lợi, cư sĩ, làng xóm, thành thị, Sa-môn, Bà-la-môn cho đến chim chóc, thú vật, cây rừng”. Trong *Nikaya Jataka* (Kinh Bổn sanh) I, II, III và V, Đức Phật có nhắc đến 10 đức tính (tức 10 bốn phận) của một vị vua như sau:

1. Quảng đại, từ ái;
2. Giữ gìn giới đức: không giết hại, không bóc lột, không cướp của, không gian dâm, không dối trá, không rượu chè;
3. Vì hạnh phúc của nhân dân, sẵn sàng hi sinh lợi lạc, danh vọng và cuộc đời mình vì nhân dân;
4. Liêm chính, thành thực, thể hiện nghiêm túc nhiệm vụ của mình;
5. Dịu dàng, hòa ái;
6. Nghiêm chỉnh, đúng đắn, sống giản dị, không xa hoa, biết chế ngự mình;
7. Không ganh ghét, thù hận;
8. Không sử dụng bạo lực;
9. Vị tha, kiên nhẫn, thông cảm với người;
10. Không khắc nghiệt, hòa hợp với nhân dân.

Người lãnh đạo phải là gương mẫu; mà điều đòi hỏi cao nhất là đức. Đức mới là cái gốc; tất nhiên phải kèm theo cái tài phụ cho cái đức ấy. Theo *Sớ giải kinh Pháp Cú* (Dhammapadatthakathā), ngài Buddhaghosa ghi nhận rằng Đức Phật có lưu ý đến vấn đề tổ chức một nền hành chánh nhân đạo. Đức Thế Tôn chỉ ra rằng cả một xứ bị suy vong, đổ nát và khốn khổ khi những người nắm vận mạng quốc gia như vua chúa, quân thần, quan lại quá dối tham tàn và bất công. Muốn cho xứ sở được thanh bình thịnh trị thì những người cầm quyền phải công minh, chánh trực. Với trí tuệ và lòng từ vô hạn, Đức Phật hiểu rất rõ vấn đề này nên mỗi khi nói chuyện với các vị quốc vương về chính sự, Ngài thường khuyên họ phải trau dồi tư đức. Người đời sau cũng kế thừa lời dạy ấy và nhấn mạnh rằng “*Tôn trọng Chánh pháp là tôn trọng sự thật, tôn trọng sự sống và tôn trọng giá trị con người*” (HT.Thích Minh Châu). Con thuyền đất nước đang đi lên, vượt qua vòng xoáy. Các nhà lãnh đạo phải luôn nhớ rằng bến bờ của nó là sự phát triển kinh tế và xã hội, luôn hướng về hạnh phúc toàn dân với tính cách là những người chủ thực sự của đất nước. Từ nhìn nhận vấn đề đến hành động thực tế luôn là một khoảng cách, nhưng vượt qua khoảng cách ấy nhanh hay chậm là trách nhiệm của mỗi người đang có mặt trên con thuyền, với sự quyết tâm cao nhất là từ phía những người lãnh đạo, những ai thực lòng muốn xây dựng một đất nước an bình, thịnh trị và... trong sạch. ■

Xã hội tiêu dùng nhìn qua lăng kính văn hóa Phật giáo

NGUYỄN HỒNG

Chủ nghĩa tiêu dùng của xã hội tư bản phương Tây nhìn dưới lăng kính của Phật giáo phương Đông lộ rõ rất nhiều nghịch lý. Ngày nay người ta đề cập nhiều về chủ đề hạnh phúc có lẽ vì cuộc sống tôn thờ vật chất không mang lại cái hạnh phúc mà nó hứa hẹn. Nó được ví như một kiểu tôn giáo mới, một kiểu thực dân mới vì cả hai thứ này đều tìm cách bóc lột và nô lệ con người để thủ lợi. Nó sản sinh một mẫu người hoàn toàn xa lạ với triết lý nhà Phật.

Một kiểu tôn giáo mới

Thứ tôn giáo này được định nghĩa như là một hoạt động cuồng nhiệt và đều đặn của con người, như bóng đá, nhạc rock, thời trang.

Các nhà sản xuất cần bán được nhiều hàng hóa để duy trì sản xuất. Họ cần một biển người mua cái núi hàng cao ngất của họ làm ra. Để lôi kéo được đám đông chạy đến các siêu thị, họ sẵn sàng bỏ ra những khoản tiền lớn để nghiên cứu thị trường, nắm bắt thị hiếu, thói quen mua sắm của đám đông rồi dùng công nghệ quảng cáo tiếp thị, bán hàng cho thật hiệu quả; giáo đường là các trung tâm mua sắm sang trọng, đầy ắp hàng hóa, dịch vụ.

Người ta vào đó, cúi đầu và trả tiền. Mọi động tác của người mua sắm đều đã được lập trình sẵn. Các mã vạch, như những điều răn, không cho ai quyền trao đổi hay mặc cả. Đức tin của họ là "Mua sắm để thúc đẩy phát triển kinh tế". Người mua sắm tin rằng "Càng mua nhiều, sở hữu nhiều, càng hạnh phúc".

Để truyền bá đức tin ấy, nhà sản xuất không ngừng rao giảng, ru ngủ, thúc dục mọi người mua sắm. Hãy bật TV lên, hãy mở một tờ nhật báo, một tạp chí. Hãy bước ra đường. Hãy lên mạng. Đầu đầu cũng rao bán. Có nhắm mắt lại bạn cũng thấy.

Không có tôn giáo nào cầu kinh từng giây, từng phút như tôn giáo tiêu dùng. Chiến lược quảng cáo là liên tục quấy rối, không cho đầu óc người tiêu dùng nghỉ ngơi, tỉnh táo. Đứng trước một sản phẩm với nhiều màu sắc, kích thước, và giá cả khác nhau, người tiêu dùng hoa mắt, bối rối không biết chọn cái nào, nhưng chắc chắn là cuối cùng họ sẽ mua. Những cái tên Adidas, McDonald, Vuitton gắn gũi và thân thiện với họ hơn cả tên các vị thánh. Tiếp thị không còn là một phương thức bán hàng, nó đã trở thành một công cụ quan trọng nhằm biến những khách hàng nhẽo thành nô lệ thói quen mua sắm lung tung.

Một kiểu thực dân mới

Gọi chủ nghĩa tiêu dùng là một kiểu thực dân mới vì nó bóc lột con người và biến con người thành nô lệ một cách tinh vi, không cần dùng vũ lực. Hầu như không có kháng cự trong thuộc địa kiểu mới này.

Người tiêu dùng bị ru ngủ bằng những ngôn ngữ đường mật, tặng bốc, lừa phỉnh: khách hàng là thượng đế, người sành điệu, khách hàng thân thiện, khách hàng VIP, thẻ ưu đãi, chương trình chăm sóc khách hàng, chương trình tri ân khách hàng, chương trình hậu mãi, khuyến mãi, tư vấn, hỗ trợ khách hàng... Hàng khủng, hàng gốc, hàng "hot", hàng xách tay, hàng chính hãng, sản phẩm độc quyền... Người sành điệu là người sẵn sàng vứt bỏ cái máy nghe nhạc mp3 để mua cái iPod đắt tiền hơn, là người ăn bánh trung thu trước cả tháng, là người đầu tiên sở hữu một sản phẩm mới có trên thị trường... Các nhân vật nổi tiếng như diễn viên, người mẫu, vận động viên trẻ đẹp luôn xuất hiện bên cạnh các sản phẩm mới. Ai mua sản phẩm ấy cũng tưởng mình là Brad Pitt, Beckham hay Jennifer Lopez.

Thực dân kiểu mới áp đặt ách nô lệ lên con người bằng nhiều thủ đoạn. Người tiêu dùng chạy theo cuộc



Ví dụ: Trước kia chúng ta thường hiểu thực phẩm là cái làm ra để ăn, nhưng ngày nay nhà sản xuất nói rằng thực phẩm là cái làm ra để bán. Muốn ăn bạn phải mua, nghĩa là bạn phải có tiền. Đó là lý do tại sao người nông dân đứng giữa đồng lúa chín vàng mà vẫn đói. Đất đai không nhất thiết phải trồng cây lương thực. Ngày nay các tập đoàn kinh doanh, các nhà tư bản đi khắp thế giới thuê đất để trồng cỏ nuôi bò, lấy sữa, thịt, cung cấp cho McDonald. Những vùng đất màu mỡ nhất không trồng lúa mì, nhưng trồng hoa, cà-phê, và cây công nghiệp. Sản phẩm làm ra không dành cho mọi người, mà chỉ bán cho các nước giàu, người giàu. Nhiều nơi trên thế giới con người không có nước sạch để uống, nhưng người chăn nuôi vẫn có đủ nước để tưới cây, tắm cho vật nuôi, vệ sinh chuồng trại.

Ngày nay xã hội con người có quá nhiều ngày lễ: lễ Tình nhân, lễ Nhà giáo, lễ Quốc tế Phụ nữ, lễ Quốc tế Lao động, lễ Giáng sinh, lễ chúc thọ, lễ sinh nhật, lễ đính hôn, lễ cưới, lễ nhậm chức, lễ khai trương, lễ khởi công... Lễ là dịp để mua sắm và tặng quà. Một loại văn hóa mới ra đời: văn hóa quà tặng. Ngày lễ hay ngày hội cũng biến thành những phiên chợ bán hàng. Ngày hội sách ở thành phố HCM mới đây chìm trong tiếng nhạc, tiếng loa rao hàng, mời gọi. Ngày hội sách biến thành cái chợ sách.

Đời sống chạy theo vật chất tạo nên một kiểu tư duy mới, tuy lạ lẫm nhưng được người tiêu dùng các nước nghèo dễ dàng chấp nhận.

Có một thời người ta định nghĩa con người là một cây sậy, nhưng là một cây sậy biết tư duy. *Cogito, ergo*

Trong xã hội tiêu dùng ngày nay, con người định nghĩa mình một cách cụ thể hơn "*I shop therefore I am*". *Tôi mua sắm, vậy tôi hiện hữu*. Trong xã hội vật chất, giá trị con người được đo đạc bằng tiền bạc. Vật chất được dùng để thuyết phục kẻ khác công nhận cái "tôi" của mình, để khẳng định vị thế của con người trong xã hội. Ông kia khoe mình ăn tô phở gần triệu bạc, cô nọ mặc chiếc quần da trị giá bằng chiếc xe hơi Lexus, cha của một doanh nhân trẻ khoe con mình chỉ đi lại bằng máy bay hạng thương gia.

Ngày nay quan niệm hôn nhân cũng thay đổi, câu "một mái nhà tranh hai trái tim vàng" chỉ còn được dùng để nói đùa. Các cô gái ngày nay rất thực dụng. Khi nhìn một người đàn ông mà họ muốn kết duyên, chỗ đầu tiên mà họ để mắt tới không phải là đẹp trai, trẻ trung hay thông minh, mà là cái tài sản của anh ta.



Cô gái có thể lấy làm chồng bất kỳ người đàn ông nào, thậm chí một ông già lớn tuổi hơn bố mình, miễn là cái hủ bao người đàn ông ấy căng to. Quan hệ giữa con người với nhau cũng đã khác. Để bày tỏ lòng hiếu thảo, tình bạn, tình yêu, không có vật chất không thể làm được. Đến các đình chùa không ai còn ngạc nhiên trước các mâm lễ vật cao ngất ngưỡng dâng lên thần thánh. Mọi người đều dùng cái thấy được, sờ mó được trưng bày ra để khẳng định cái “tôi”, hay xác định vị trí của mình trong xã hội. Những kẻ không có vật gì để phô trương thì rũ bỏ xiêm y, khoe các loại bằng cấp, chức vụ.

Những hệ lụy

Chủ nghĩa vật chất tư bản tôn thờ cái “tôi” cá thể, xem nhẹ các mối quan hệ với con người. Một người Việt lấy vợ Pháp kể lại: Hối mới lấy nhau – ba mươi năm trước – vợ anh rất khó chịu mỗi khi anh liên lạc với gia đình cha mẹ ở Việt Nam. Lối sống ích kỷ này thời nay rất phổ biến ở thành phố chúng ta. Nhà ở sát vách nhau nhưng không ai muốn kết thân với người hàng xóm. Nhà nào cũng khóa kỹ cửa trong cửa ngoài. Có khi nhà trước mặt vắng chủ, trộm vào dọn hết đồ đạc ra đường, người lối xóm vẫn đứng đứng nhìn. Ngoài đường, cảnh người bị tai nạn giao thông quần

quai trên vũng máu không ai dừng lại giúp đỡ đã trở nên quen mắt.

Tham lam, ích kỷ sinh ra sân si. Mới đây báo chí kể chuyện một cửa hàng nợ bị đập phá tan hoang trong cơn phẫn nộ của những người hút mua máy tính bảng bán giới hạn trong ngày ra mắt, dù họ đã đến châu chực từ lúc nửa đêm. Họ muốn trở thành người đầu tiên sở hữu sản phẩm mới ấy, dù họ không biết rõ về chất lượng, tuổi thọ, chức năng của nó. Thấy quảng cáo hấp dẫn rồi háo hức mua. Không mua được thì nổi loạn, phá phách. Một fan hâm mộ không tiếp cận được chàng ca sĩ Hàn Quốc, liền giành lấy chiếc ghế anh vừa ngồi hôn hít như điên dại.

Văn hóa Phật giáo

Câu hỏi: “Chủ nghĩa tiêu dùng tư bản có thực sự đem lại hạnh phúc cho người tiêu dùng không?” đang được trả lời bằng cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay. Con người lâu nay được khuyến khích chạy theo cuộc sống hoang phí, nay bị ép buộc từ bỏ thói quen ấy, phải thắt lưng buộc bụng. Kết quả là xuống đường, đình công, phản đối. Hệ lụy của một kiếp sống nô lệ bị áp bức đến tận cùng.

Mua sắm là một nhu cầu trong đời sống, nhưng “mua sắm ngu xuẩn” – nói theo thuật ngữ của các chuyên gia kinh tế, “crass consumerism” – là điều không nên. Con người có thể sống hạnh phúc với cái tối thiểu, không cần đến các món đồ xa xỉ. Cái hố phân chia giàu nghèo cứ sâu dần thêm vì lòng tham vô đáy của người giàu. Gandhi nói: “Trái đất có đủ cho nhu cầu của mọi người, nhưng không đủ cho lòng tham của họ”. Hiện nay chỉ 1% những người giàu nhất trên thế giới đã nắm giữ trên 40% của cải trên trái đất này. Người giàu không thể tồn tại nếu không có người nghèo. Biết vậy nhưng họ lại không sẵn sàng giúp đỡ hay cải thiện cuộc sống của người nghèo. Tính ích kỷ của người giàu đã từng làm Lão Tử phải thốt lên: “Ai là người có dư mà cung cấp cho những người thiếu thốn trong thiên hạ...”.

Phật giáo không tìm cách thay đổi xã hội đầy dẫy bất công. Bản thân Đức Phật cũng đã từ bỏ vật chất xa hoa để đi tìm con đường giải thoát cho mình. Và Ngài chỉ con đường đó cho chúng sanh, muốn họ tự cứu lấy mình. Có lẽ vì con đường giải thoát không vẽ trên bản đồ thành phố, nhiều người không thấy được, hoặc thấy mà không đi theo, nên cứ chạy lòng vòng, không thoát ra được cái quỹ đạo tham sân si, không từ bỏ cái ngã nhỏ nhoi của mình, không nhận thức hiện hữu của cộng đồng, mặc dù trong vạn vật không có gì hiện hữu độc lập cả. Trong một xã hội mà con người chỉ xem tha nhân như phương tiện, chỉ biết có mình, ích kỷ, vô cảm thì sự quan tâm, giúp đỡ của bạn dành cho kẻ khác, dù khiêm tốn như ly trà đá miễn phí hay bữa cơm hai ngàn, cũng là chút công đức từ bi vô lượng mà người con Phật nào cũng làm được. ■



Vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên ở Trung Quốc

LÝ TRIẾT LƯƠNG
TỪ VY dịch



Phật giáo sử Trung Hoa đã ghi nhận Chu Sĩ Hành (203-282) là vị Tăng đầu tiên ở Trung Quốc; thế còn vị Ni đầu tiên xuất hiện trên mảnh đất này vào thời điểm nào? Đây là vấn đề gây nhiều hứng thú trong văn hóa Phật giáo Trung Quốc. Và tất nhiên, sự xuất hiện của chư Ni so với các vị Tăng khó khăn hơn rất nhiều.

Ở Ấn Độ cũng thế, các vị Tăng có trước, rồi sau đó mới có Ni cô. Sau khi Đức Thích-ca thành đạo, rất nhiều người đến quy y với Ngài, xin làm đệ tử. Theo kinh điển, đầu tiên Đức Phật thọ nhận hai vị thương gia làm đệ tử [tại gia], tiếp đến là [năm anh em Kiều-trần-như rồi đến] ba anh em Ca-diếp. Khi đến thành Vương Xá, thủ đô nước Ma-kiệt-đà, Ngài lại thọ nhận mười vị Đại đệ tử, như: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v. Lúc trở về cố hương, Ngài độ Nan-đà người em cùng cha khác mẹ, A-nan người em họ, và người con yêu dấu của Ngài là La-hầu-la, tất cả đều xuất gia theo Ngài. Kể cả người thợ cắt tóc trong cung là Ưu-ba-ly cũng xuất gia tham dự vào Tăng đoàn và trở thành vị thông hiểu giới luật nổi tiếng sau này.

Lúc đó, di mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề, người đã nuôi nấng Đức Phật từ lúc bé, cũng muốn xin xuất gia. Nhưng cho đến bấy giờ, Ngài chưa thu nhận đệ tử nữ nào, huống gì là di mẫu mình. Do đó, Ngài không quan tâm về vấn đề này.

Nhưng không ngờ, A-nan người đệ tử trẻ tuổi nhất cũng là người đẹp trai nhất mà Ngài thu nhận, đã trình bày kiến nghị lên Đức Phật, thuyết phục Ngài cho phép người nữ được xuất gia, và cuối cùng điều nan giải ấy đã được chấp nhận. Thế là trong hàng đệ tử Phật, xuất hiện vị đệ tử nữ đầu tiên. Từ đó về sau, liên tiếp từng đoàn nữ giới gia nhập giáo đoàn.

Trong hàng đệ tử xuất gia của Đức Phật, đệ tử nam gọi là Tỳ-kheo, cũng gọi là Ô-ba-đà-da, nghĩa là Thân giáo sư, tức là Sư phó (thầy dạy). Đệ tử nữ gọi Tỳ-kheo-ni, những người đã thọ giới cụ túc, nói gọn là Ni. Đệ tử tại gia, nam gọi là Ưu-bà-tắc, nữ gọi là Ưu-bà-di. Đệ tử xuất gia và tại gia của Đức Phật hợp thành Tăng bảo

một trong Ba ngôi báu. Sự nghiệp truyền bá Phật pháp nói chung thành tựu đều nhờ ở họ.

Khi các vị Tăng Ấn Độ truyền bá Phật pháp vào Trung Quốc thì được người dân xứ này tiếp đón một cách rất nồng nhiệt. Họ xem những vị Tăng này như những vị đem đến điềm lành cho họ. Nhưng đương thời, pháp luật đất Hán không cho bất cứ ai xuất gia làm Tăng. Mãi đến đời Tào Ngụy, vẫn tuyên bố “người Hán thì không được xuất gia”. Song đến đời Tấn thì phòng tuyến kiên cố này cuối cùng đã bị Chu Sĩ Hành đột phá. Nhưng mà, lúc đó chỉ giới hạn ở người nam, còn việc người nữ xuất gia vẫn còn cấm đoán.

Phật giáo Trung Quốc có Tăng không có Ni, hiển nhiên là một sự thiệt thòi, bất lợi lớn đối với sự phát triển văn hóa Phật giáo Trung Quốc. Vì vậy, Phật giáo Trung Quốc luôn mong mỏi sớm xuất hiện hình ảnh một vị Tỳ-kheo-ni.

Vào năm thứ nhất niên hiệu Thăng Bình, đời Tấn Mục Đế (năm 357), cuối cùng hình ảnh vị Tỳ-kheo-ni đã xuất hiện ở Trung Quốc. Người ấy chính là vị thiên kim tiểu thư con của một vị quan ở đất Giang Tô, sau khi xuất gia có pháp danh là Tịnh Kiểm.

II

Tịnh Kiểm người Bành Thành (Tứ Châu, Giang Tô ngày nay). Về sau, gia đình dời đến Lạc Dương. Theo *Tỳ-kheo-ni truyện* của Bảo Xương thì: “Tịnh Kiểm họ Chúng, tên Linh Nghi. Phụ thân là Chúng Đản, từng nhậm chức Thái thú ở Vũ Oai (thuộc Đông bắc Dân Lặc, tỉnh Cam Túc ngày nay), thì ra Tịnh Kiểm cũng là một người xuất thân từ nhà quan.

Từ nhỏ, Chúng Linh Nghi đã thông minh, tài sắc hơn người, được cha mẹ rất mực cưng chiều. Nàng đã được đào luyện trí tuệ từ nhỏ, am tường âm luật, chơi đàn rất hay. Linh Nghi thường theo cha mẹ ra vào các nhà quan lại, các gia đình quý tộc giàu sang; mọi người ai cũng khen nàng là một nữ sĩ tài hoa.

Chúng Linh Nghi là con gái đã có chồng và chẳng may chồng qua đời sớm, đã thành góa phụ. Theo quy định tập tục đương thời thì từ đó Linh Nghi phải sống đơn độc, không được tiến thêm bước nữa. Sau đó, vì cuộc sống quá khó khăn, Linh Nghi đã về lại nhà cha mẹ mình.

Chuyện kể rằng, một hôm nàng đến phía Tây cửa thành Lạc Dương nghe Hòa thượng Pháp Thi thuyết pháp. Tuy không hiểu Hòa thượng giảng gì nhưng nàng cảm thấy lòng bốn chón, bất chợt nảy ra ý niệm xuất gia. Sau khi biết ý định của con, cha mẹ nàng lúc đầu đánh mắng tới bời, đánh xong rồi lại dùng lời lẽ êm dịu để khuyên răn, nhưng bằng đủ mọi cách vẫn không thuyết phục được nàng. Cuối cùng, Linh Nghi thưa với cha mẹ: *Nếu không được xuất gia, con sẽ tự vẫn!* Tình hình trở nên khó xử, hai ông bà đành phải chiều

theo ý con, và cho rằng âu cũng là định mệnh của nó, nó là con của Phật rồi.

Nhưng phá vỡ “gia môn” hoàn toàn không có nghĩa là đã có thể đi vào “Phật môn”. Vì tiến lệ xã hội thời đó chưa có người nữ nào được xuất gia, cũng chưa có giới luật nào cho Ni chúng.

Lúc đó, tuy ngài Đạo An đã soạn định giới luật Tăng Ni, nhưng vẫn chưa chính thức định hình, hơn nữa, phần nhiều chỉ áp dụng cho Tăng. Do đó, Chúng Linh Nghi phải tìm đến Hòa thượng Pháp Thi, cầu xin xuất gia. Hòa thượng Pháp Thi nói với Linh Nghi: “*Tuy ở Thiên Trúc Tăng Ni đều có, nhưng ở Trung Quốc chỉ có Tăng không có Ni, Phật pháp cũng chưa được hoàn bị, vậy thì làm sao ta dám độ con xuất gia được?*”.

Chúng Linh Nghi thưa với Hòa thượng Pháp Thi rằng: “*Giới pháp áp dụng cho Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni có gì khác nhau?*”.

Hòa thượng Pháp Thi trả lời: “*Ni thì có 500 giới, không giống Tăng. Thôi, để ta hỏi pháp sư Trí Sơn xem sao...*”.

Pháp sư Trí Sơn là vị cao tăng đến từ Thiên Trúc, đã cho Pháp Thi biết: “*Giới pháp cho Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni phần lớn tuy giống nhau, nhưng hiện tại vẫn chưa có pháp truyền thọ cho Tỳ-kheo-ni*”. Không có pháp nào để nương tựa, xem ra Linh Nghi cũng không thể xuất gia được.

Không có Tỳ-kheo-ni thì rõ ràng sẽ không có giới pháp cho Tỳ-kheo-ni. “Không có pháp” để nương tựa, thì đương nhiên “không có pháp” để xuất gia. Nhưng đã có Tỳ-kheo-ni chẳng lẽ không có giới pháp Tỳ-kheo-ni sao? Nếu lúc đầu như thế thì nhất định phải có người đưa ra chứ! Nàng đem ý kiến này trình với pháp sư Trí Sơn, và ba lần nàng thể hiện rõ ý chí quyết tâm xuất gia của mình.

Nghe qua lời thưa của Linh Nghi, pháp sư Trí Sơn cảm thấy có lý, liền mở cửa phương tiện, tạm thời cho nàng thọ giới Sa-di-ni.

Sa-di-ni là chỉ cho một vị tiểu Ni cô từ 7 tuổi đến dưới 20 tuổi, thọ trì mười giới. Lúc này, tuy vẫn chưa đủ tư cách chính thức làm Ni nhưng Linh Nghi được xem như là một vị Ni cô.

Dù một trăm giới cũng bắt đầu từ mười giới này, Linh Nghi sau khi thọ giới với ngài Trí Sơn, có pháp danh là Tịnh Kiểm. Ni cô đã cho xây dựng một ngôi chùa ở phía Tây thành Lạc Dương, đặt tên là Trúc Lâm.

Không lâu sau, đã có 24 thiếu nữ đến chùa Trúc Lâm, xin xuất gia cầu Tịnh Kiểm làm thầy. Tịnh Kiểm không ngại mình có đủ tư cách thọ nhận đệ tử hay không, cũng không ngại Tăng đoàn có thừa nhận mình hay không, chỉ nghĩ rằng đã lập chùa thì phải có Ni chúng cùng nhau tu hành, và chấp nhận yêu cầu của các thiếu nữ.

Đây là Ni chúng đầu tiên ở Trung Quốc, chùa Trúc Lâm cũng chính là ngôi chùa Ni đầu tiên xuất hiện ở Trung Quốc.

Nhưng ranh giới giữa Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đương

thời chưa rạch ròi. Vả lại, cách xưng hô cũng không giống như ở Ấn Độ. Lối xưng hô ở Trung Quốc theo cách riêng, thông thường gọi Tỳ-kheo là Hòa thượng hoặc Sư phó, Tỳ-kheo-ni là Ni cô hay Sư cô, những vị niên cao lập trường là Lão ni, hoặc Sư thái.

Việc xuất gia tu hành của Tịnh Kiềm và môn đệ chùa Trúc Lâm ở Lạc Dương được truyền đi rất nhanh. Nhiều người lúc đầu lấy làm kinh ngạc nhưng về sau cũng phải kính trọng.

Ngày mồng tám tháng Hai năm đầu niên hiệu Thăng Bình đời Đông Tấn (năm 357), Sa-môn Tăng Kiến

thỉnh cao tăng nước ngoài là Đàm-ma-kiệt-đa đến Lạc Dương, căn cứ theo *Tăng kỳ ni yết ma* và *Giới bốn*, chính thức kiến lập giới đàn truyền giới cụ túc cho Tịnh Kiềm cùng hàng môn đệ.

Lúc đó, Đàm-ma-kiệt-đa thả thuyền trên sông Tứ để kiết đàn, Tịnh Kiềm cùng môn đệ thọ giới cụ túc với các vị cao tăng trên thuyền, vì vậy mà gọi là "Thuyền thượng thọ giới" (thọ giới trên thuyền). Như vậy, thấy trò Tịnh Kiềm chính thức trở thành Ni đoàn đầu tiên ở Trung Quốc. Ni chúng Trung Quốc thọ giới cũng bắt đầu từ đây.

Cũng có nhiều người cho rằng A Phan là người phụ nữ đời Hán được thọ giới sớm nhất, là vị Ni cô đầu tiên ở Trung Quốc. Tịnh Kiềm chỉ mới xuất gia vào đời Tấn, chẳng phải là người đầu tiên. Nhưng, chuyện A Phan đời Hán xuất gia làm Ni cô rốt cuộc chỉ là truyền thuyết, còn Tịnh Kiềm xuất gia thọ giới là một sự thật có thể kiểm chứng (theo *Tỳ-kheo-ni truyện*). Cho đến năm thứ 11, niên hiệu Nguyên Gia, đời Lưu Tống (năm 434), có những vị như: Huệ Quả, Tịnh Âm v.v. xuất gia thọ giới, trở thành Ni cô. Hình thức thọ giới lúc này cũng có khác so với Tịnh Kiềm trước kia. Do đó, chúng ta có thể kết luận vị Ni đầu tiên ở Trung Quốc là Tịnh Kiềm.



Chu Sĩ Hành là vị Tăng đầu tiên ở Trung Quốc, xuất hiện sớm hơn Tịnh Kiềm 180 năm. Hơn nữa, từ đó về sau, quá trình phát triển và ảnh hưởng của chư Ni cũng không rực rỡ bằng chư Tăng. Chỉ cần xem qua các sách: *Cao tăng truyện*, *Tỳ-kheo-ni truyện*, và *Tăng sử lược* v.v. đều thấy các vị cao tăng, các bậc long tượng Phật pháp lần lượt xuất hiện vô cùng hiển hách. Còn các Ni cô hình như lặn lẽ, không nổi bật gì mấy. Trong thực tế Phật giáo, các Ni cô rất khó tạo nên ảnh hưởng đối với xã hội.

Điều này là vì việc xuất gia khó, người nữ xuất gia lại càng khó hơn. Người ta cho rằng tâm người nữ yếu đuối, nhiều buông lung. Đức Phật biết thế nên để phòng cẩn thận bằng cách chế giới cho Ni nhiều hơn gấp đôi so với Tăng (cuối bài tựa *Tỳ-kheo-ni giới bốn*, Trúc Pháp Thái dịch). Ngoài ra, Nho gia cho rằng "con gái cùng với tiểu nhân như một thứ tội lỗi, khó tu dưỡng" càng làm cho người nữ bị áp lực thêm, không thể nào vươn lên được. Nói cách khác, người nữ làm người tại gia còn khó, đừng nói chi đến xuất gia tu đạo.

Nhưng lúc bấy giờ đã xuất hiện Tịnh Kiềm – một Ni cô phóng khoáng, trượng phu, khai phóng tinh thần tự do và hoàn cảnh nhân văn.

Đúng như nhà mỹ học Tông Bạch Hoa (1897-1986) đã nói, Ngụy Tấn lục triều tuy là thời đại thống khổ nhất trong xã hội và hỗn loạn nhất về chính trị ở Trung Quốc, "nhưng lại là thời đại tự do, phóng khoáng, giàu chất trí tuệ, tinh thần hoạt bát nhất". Từ khía cạnh cái



đẹp của nhân cách và nghệ thuật, Tông tiên sinh đã tóm tắt vài điểm chính ở thời đại này như sau:

1. Chủ nghĩa cá tính và chủ nghĩa tự nhiên đều được thể hiện trong nhân cách và cuộc sống người đời Tăng. Nó đã xóa bỏ sự thống trị của nền lễ giáo trói buộc của Nho gia, dẹp đi trật tự xã hội phong kiến, phá vỡ hệ thống tập tục cố hữu.

2. Người dân đời Tấn đã biết nhìn ra bên ngoài để phát hiện tình cảm sâu đậm tự nhiên và hướng vào bên trong để nhận diện chính mình. Núi sông cũng biến thành linh thiêng, hứng thú. Điều này không chỉ biểu hiện thâm tình nơi con người với vũ trụ tự nhiên mà còn hiện ra tình cảm sâu sắc giữa con người với nhau. Từ đó, khiến cho hoài bão của họ như cây cối được nường nhờ mặt đất, mà nở hoa xinh đẹp; tiếp nhận toàn cảnh vũ trụ nhân sinh mà thể hội được ý nghĩa thâm trầm của hoàn cảnh bên ngoài, tức là phát sinh giai điệu tình yêu cuộc sống mới, cảm nhận về vũ trụ. Từ đó, nhân cách được thăng hoa, trải rộng dài ra.

3. Nét đẹp tự nhiên và nhân cách được người đời Tấn cùng một lúc phát hiện. Hai nét đẹp này được lấy từ vũ trụ quan trong triết học Lão Trang làm nền tảng. Ý nghĩa phong phú nhất của nó là ở chỗ đơn giản và thâm sâu. Đạo đức quan của người đời Tấn chính là “lấy cái ngông để phản kháng lại xã hội hương nguyên giả dối, phản kháng lại lễ giáo gông cùm và sự thấp hèn của tầng lớp sĩ phu, hướng đến tính chân thực của chính mình, từ tính thẳng thắn phát hiện ra chân ý nghĩa, chân đạo đức của nhân sinh”.

Do đó, họ không tiếc tính mạng, cũng như địa vị, danh dự của mình, họ đã dám xúc phạm giai cấp thống trị, những con người chỉ biết mượn lễ giáo để duy trì thế lực tàn bạo. Họ gan dạ, truy tìm nhân cách độc lập và cá tính phóng khoáng của mình. Cũng từ đây xuất hiện một loại phong thái: “Không màng đến vật chất”, “chẳng cần thành đạt”, “chí khí phóng khoáng”, “Không chịu khuất phục”. Tông tiên sinh gọi những người này đúng là bậc “trượng phu vĩ đại.” (Trích từ *Mỹ học tân bộ*).

Tuy thời đại này chuyên bàn luận về huyền lý nhưng chúng ta cũng thấy được điểm kết hợp giữa tướng mạo và tài năng.

Về mặt “tài năng” thì bàn luận huyền lý sâu nhiệm, về mặt “tướng mạo” thì dung mạo hoàn toàn đẹp đẽ. Hơn nữa, nam nữ bình đẳng, được đối xử như nhau. Những cách ngôn: “Người nữ không có tài chỉ có đức” và việc phụ nữ phải xem đàn ông như “ông trời” đã không còn lưu hành mấy vào thời này. Địa vị phụ nữ lúc đó tương đối cao, những việc như: kiện tụng, tiếp đón quan vị v.v., người nữ đều đảm nhận được. Nhất là vào thời Nam Bắc triều, dân tộc thiểu số cuối cùng đã không còn chịu đựng sự hun đúc nặng nề của Nho giáo. Như thế có nghĩa là phụ nữ thời Ngụy Tấn cũng giống như người nam: được đọc sách, giao tiếp, chọn lựa đời v.v.

Vào thời đại này, chúng ta cũng thấy được điểm kết hợp giữa Phật giáo và Đạo giáo, sự hợp nhất giữa thể chất và tinh thần.

Về Đạo giáo, tư tưởng “vừa Đạo vừa Tục, có Tiên có Quan” do Cát Hồng đề xướng và thuyết hợp nhất giữa thể xác và tinh thần được Đào Hoàng Cảnh xiển dương đều được nhiều người hoan nghênh, đồng thời sự cải cách của Đạo giáo đã trở nên sâu sắc hơn. Phụ nữ đương thời vào đạo cũng rất tài hoa. Phụ nữ đã có người xuất gia tu đạo, và tự lập Đạo quán, khai đàn giảng đạo, như trong *Sơ học ký chép*, “Nữ đạo sĩ Vương Đạo Linh đến Long Sơn tự lập Đạo quán, đặt tên Huyền Diệu Quan”.

Về Phật giáo, có Phật Đỗ Trừng ở Lạc Dương hiển lộ thần thông, nhưng đồng thời cũng truyền bá tư tưởng Bát-nhã Đại thừa. Ngài Đạo An tuy không đánh giá cao về thần thông của Phật Đỗ Trừng nhưng cũng không triệt để bỏ hẳn gia phong “Huyền đạo”. Đạo An chủ trương: Phật, Nho, Lão đồng hành. Pháp sư Huệ Viễn, đệ tử của Đạo An, chủ trương Tam giáo kết hợp càng triệt để hơn. Điều này khiến cho Phật giáo từ nước ngoài đi vào Trung Quốc trở nên uyển chuyển. Lúc này, chư Tăng ở Trung Quốc đã xuất hiện nhiều, nhưng Tỳ-kheo-ni hầu như chưa có.

Trong thời đại tự do và không khí văn hóa như vậy, một vị Ni cô tài năng như Tịnh Kiểm xuất hiện thật là đúng lúc.

Đạo giáo có Đạo cô, lại có thể tự lập Đạo quán để truyền đạo, Phật giáo tại sao lại không có Ni cô?

Xuất gia làm Ni cô không chỉ là một sự chọn lựa phương thức sinh tồn của con người mà còn là một sự tự do cần có của mỗi cá nhân.

Can đảm và văn nhã như Tịnh Kiểm chắc chắn Phật giáo Trung Quốc rất cần đến. Tịnh Kiểm đến của Phật một cách bình tĩnh, không chịu bó buộc, nghĩ rằng nơi đây là một cõi Phật, tự tạo cho mình một mảnh ruộng phước.

“Giới” hay “không giới”, hoặc là “mười giới” hay “trăm giới”, đối với Tịnh Kiểm không quan trọng. Đó chỉ là một hình thức để trở thành tư cách của một Ni cô mà thôi! Điều quan trọng là tâm ý phải thanh tịnh, thành khẩn, tự mình chấp nhận, tự mình khẳng định, tự mình hoàn thành, tự mình thực hiện.

Do đó, Tịnh Kiểm không sợ người khác đối xử với mình ra sao, có thừa nhận mình hay không, Ni cô tự mình đã: 1. Xây dựng một ngôi chùa; 2. Thâu nhận đệ tử; 3. Mở lớp giảng dạy; 4. Có được pháp danh.

Đây chính là tinh thần phóng khoáng của người đời Tấn. Tịnh Kiểm là một nhân vật tiêu biểu có chí khí cao lớn, một nhân cách sáng chói. Sau khi chính thức đăng đàn thọ giới, Ni cô Tịnh Kiểm đã làm vinh hiển tông môn đạo pháp. ■

Nguồn: *Hong chen fó nu*, Hà Nam Nhân Dân xuất bản xã, 1997, tr. 76-84.

Những mối lạ trong Dấu về gió xóa

NGHIÊM LƯƠNG THÀNH

Trong *Dấu về gió xóa*¹, Hồ Anh Thái đã đưa ra một bản liệt kê gồm năm tiêu chuẩn, dựa vào đó ta có thể xác định một tín ngưỡng đã phát triển thành một tôn giáo hay chưa: 1) Có khái niệm về một đấng tối cao; 2) Có người sáng lập; 3) Có kinh sách; 4) Có nơi linh thiêng để thờ phụng và 5) Thực hành tụng niệm. Xét theo năm tiêu chuẩn ấy, nhà văn đã nghiêm túc đặt ra một câu hỏi: *Có mấy ai trên thế gian này thực sự không có tôn giáo? Và, hình như thờ dài: nhiều thứ chủ nghĩa đang tồn tại hội đủ những điều trên, thực tế cũng là một kiểu tôn giáo.*

Thực tế đã cho thấy, có những thứ tôn giáo - chủ nghĩa có sức lôi cuốn thật mạnh mẽ; chỉ non thế kỷ số lượng tín đồ đã vượt xa số tín đồ của những tôn giáo khác đi trước hàng nghìn năm. Sự hứa hẹn một thiên đường ngay tại thế giới này đã làm nên sức mạnh cuốn hút những đồng thời cũng là điểm yếu, là con dao hai lưỡi, ảnh hưởng tiêu cực đến sức mạnh và tuổi thọ của nó. Vậy bản vị của tôn giáo là gì? - Chất lượng cuộc sống tại chính thế giới *trăm năm một đời* người này thường là thước đo khách quan và chân xác. Điều hứa hẹn một cuộc sống thiên đường tại thế cho những đời sau thật ra cũng chẳng khác lời hứa hẹn nơi thiên đường chín tầng mây sau cái chết. Nhưng việc lên thiên đường chín tầng mây có cái hơn là phần hồn, phần tinh túy của con người ta vẫn tồn tại. Sức mạnh và sự bền vững đích thực của tôn giáo chính ở lòng cảm thông, tình bác ái và những giá trị trí tuệ tâm linh. Bản vị của tôn giáo là những giá trị tinh thần này chăng?

Lâu nay, trong văn học, tôn giáo là một đề tài không được nhiều người đề cập. Thảng hoặc có nói đến thì lại với thái độ phê phán ít nhiều tư ý, thái độ đặc trưng của tuýp người luôn *mặc cảm nhỏ bé và chỉ có sức mạnh đầy đủ, tự tin đầy đủ khi nào có cả một tập thể.* Đó không phải là cách nhìn của những người thấu hiểu về sự tồn

tại, biết rõ tôn giáo nào cũng có những kẻ phản phúc Judas, tôn giáo nào cũng chứa chất trong nó tính mâu thuẫn tất yếu giữa hai mặt đối lập thường tồn; nhìn nhận sự việc đúng đắn là cái nhìn toàn diện trên cả hai mặt. Đó cũng không phải là cái nhìn của những người không bao giờ dám tự tin đến mức tự cho mình là những ông bà *Biết Tuốt*, những *Mr* và *Ms Know-all*.

Tạo nên một thế giới phẳng về thông tin và kinh tế là điều ít nhiều khả thi. Nhưng, hình như, với hơn sáu tỷ người trên cõi thế gian này, một thế giới phẳng về trí tuệ, tài năng và sinh đức là điều không thể. Có lẽ vì thế mà đạo Lão đã nhìn nhận thế giới như một thực thể mang thuộc tính "phù vật bất tề", phàm là vật thì không thể đồng đều. Vậy mà, thật hóm, những người bình thường chúng ta thường ngửa mắt với những gì nổi trội, khác biệt, không giống số đông, không giống ta, dù chỉ một chút: một đôi mắt không bao giờ trông ngang, một kiến giải khác biệt, một người không uống rượu... hoặc cao hơn: một lối tư duy, một xu hướng, một hành động muốn thoát khỏi những niêm luật đã trở nên nhàm nhạt cũ kỹ... Thay vì vươn lên cho bằng người thì lại tìm cách kéo người xuống bằng ta. Chưa thỏa, phải kéo nó xuống nữa, xuống nữa, nó phải ê chề cô độc, nó phải "biết thân" ta mới "hépby" hài lòng. Con người chúng ta đã tạo ra thế giới phẳng về trí tuệ, tài năng và đức hạnh như thế đấy. Nguồn cơn từ đâu? - Nhiều người bảo đó chính là lòng đố kỵ. Đố kỵ? Một sự tiến hóa ô nhục của tư duy chăng? Lòng đố kỵ khiến mọi sự trở nên tối tăm chật chội, nó có thể đưa một ngôi sao màn bạc thế giới vào cái "nhà tù quốc tế" trên Đảo Xanh ngay cả khi cô đã từ già trường quay để làm một người "phổ cập", để thực hiện một ước muốn *giản dị là được đi dạo chơi.* Thậm chí, lòng đố kỵ làm người ta có thể nghi ngờ và sổ toẹt vào tính cao cả, tấm lòng trong sáng của những bậc chân tu bằng những thứ xảo hoạt

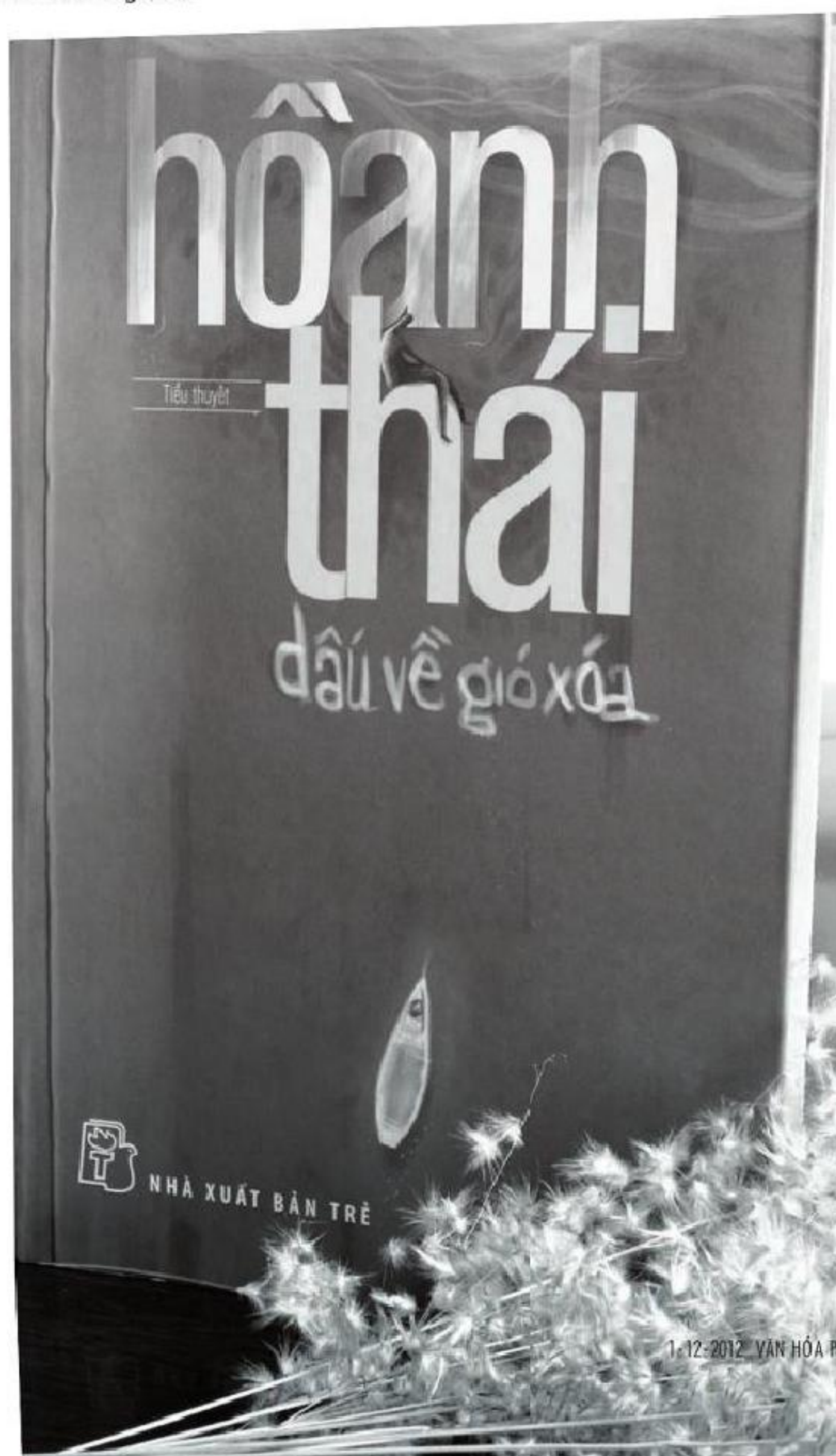
ngôn sồn người: *Tu cho lắm vào để làm gì, để lên thiên đàng, để lên cõi Niết-bàn? Tu hành đầy tính mục đích như thế cũng chẳng phải là chân tu.* Câu này nghe quen. Rất không ít người khôn ngoan và lành mạnh chúng ta đến đến chùa là để xin xỏ cầu lợi cầu lộc cho ấm vào thân. Đã có mấy ai đến đây để chiêm bái cái đức cả của các bậc Thánh Phật để tự răn mình và rốt ráo noi theo? - "Ồi dào, trần sao thánh vậy!" là điều cốt lõi trong tư duy tâm linh thuần tục chẳng? Thế thì, làm Phật có vui không?

Trong tiểu thuyết *Dấu về gió xóa*, Hồ Anh Thái đã dành một dung lượng lớn để nói về tôn giáo. Với một vốn hiểu biết sâu rộng về văn hóa, đặc biệt là văn hóa phương Đông; với sự trải nghiệm thực tế sâu rộng nhiều năm ở nhiều quốc gia và ngay từ chính bản ngã, tác

giả đã đưa người đọc đến trạng thái đứng ngoài tôn giáo để cùng xem xét, cùng cảm nhận, cùng mổ xẻ... và cùng xác quyết về tính không thể thiếu, tính thực hành vị nhân của tôn giáo trong hành trình mưu cầu hạnh phúc cho con người. Một hành trình không ít máu và nước mắt nhưng ngập tràn ánh sáng và hoa trái. Trong vầng ánh sáng ấy, con người, vượt lên muôn loài, đã tìm thấy cho mình những giá trị phổ quát tất yếu.

Tôn giáo nào cũng hướng con người đến những điều tốt lành. Có phải đó là cái lý để ngài giáo sĩ xây nên một ngôi đền Đa giáo, Hợp chủng giáo? Trong ngôi đền lớn đó, ngài đã từng đạt đến tầm cao của phép nhần. Ngài đã tự nguyện dùng khẩu trang tự bịt miệng mình để đạt mức Vô ngôn. Ngài đã tự nguyện để người ta tổng giam bàn tay của mình để đạt mức Vô vi. Nhưng rồi trước những trải nghiệm thực tế về nỗi thống khổ, nhục nhã, đắng cay, ngang trái ngoài đời mà người dân phải chấp nhận; sự đầy đoạ tinh thần, nhục mạ nhân phẩm cùng sự bóc lột vật chất và tinh thần trong cái siêu "nhà tù quốc tế" mà những con người ưu tú phải chịu đựng, vị giáo sĩ chủ trương ngôi đền Đa giáo ấy đã nhúc nhối bản khoán: *Một giáo sĩ có nên dấn sâu vào sự ngộ nhận hỗn loạn của đời sống hay không? Không. Tôi tự nhủ như*

vậy. Sự can thiệp của một giáo sĩ vào cái vô minh vô thường là một hành động vô nghĩa. Phải hay trái cũng chỉ nằm trong giới hạn trăm năm một đời người. Qua hết trăm năm ấy mọi hình hài đều nhập diệt. Giàu hay nghèo rồi cũng là cát bụi. Phải hay trái rồi cũng là nấm mồ. Nhưng, cuối cùng, sức mạnh trí tuệ của thiên lương đã giúp ngài đã ngộ ra: Nhưng tốt đạo phải đẹp đời. Ta không thể ngồi yên nhìn sự ngang trái mà tự bảo rồi cái ngang trái sẽ bị phủ định bằng cái ngang trái khác, rồi sự ngang trái khác sẽ hủy diệt cùng vòng quay trăm năm một kiếp người. Tôn giáo khoan tay đứng nhìn không phải là tôn giáo, mũ ni che tai bịt mắt che miệng không phải là tôn giáo. Và đã đến lúc người muốn điếu muốn mù muốn câm cũng phải đứng lên hành động.



Hoàng tử, giáo sĩ và những người yêu tự do, công lý - lực lượng cấp tiến - đã đem lại cho người dân Đảo Xanh một môi trường xã hội trong lành và đầy sinh khí. Hơn ba trăm tù nhân được giải phóng khỏi cái "siêu nhà tù", địa ngục của địa ngục ấy. Hoàng tử trực tiếp lên truyền hình tuyên bố với toàn thể dân chúng Đảo Xanh thiết lập một nền cộng hòa dân chủ thực sự... Tất cả những danh xưng tàn tích thời chế độ quân chủ đều phải bị thủ tiêu. Hãy ném vào sọt rác lịch sử những danh từ hoàng gia, triều đại, nhà vua, hoàng tử... dù chỉ là thói quen. Chúng ta phải làm quen với một nền dân chủ đúng nghĩa...

Theo kế hoạch của phe cấp tiến: Một ngày nữa cả thế giới sẽ phải nhón nhác lên vì cuộc họp báo chưa từng có ở sân bay JFK. Ba trăm con người danh tiếng cùng lúc đổ bộ xuống sân bay New York. Ba trăm con người không có visa sẽ làm cho cả nước Mỹ và bao nhiêu nước liên quan hoảng hốt. Liên Hiệp Quốc chuẩn bị khai mạc kỳ họp thường niên sẽ vô cùng bối rối.

Nhưng hai ngày sau không có thông tin gì từ phi trường JFK về việc chiếc máy bay Đảo Xanh hạ cánh.

Tại sao? - Thế giới đã phẳng đâu!

Thế là Anh - nhân vật chứng kiến và tham gia sự kiện giải phóng Đảo Xanh từ đầu đến cuối - đã phải đặt câu hỏi cho chính mình: *Đi hay về? Đi đâu cho thoát kiếp người? Đi đâu cho thoát chính mình?* khi tiến bộ khoa học đã khiến cho Thế giới này đã là một cái làng toàn cầu. Nơi chôn rau cắt rốn của ta là ở cái xóm nói tiếng mẹ đẻ, nơi ta trưởng thành kiếm kế sinh nhai lại ở một xóm khác, nơi thứ tiếng khác. Nơi chôn rau cắt rốn không còn là nam châm hút ta trở về. Câu hỏi truyền kiếp tưởng như đã cũ kỹ với bao kiếp người tang bồng hổ thỉ, chỉ ở bốn phương, nay được nâng cấp: bốn phương quốc tế cộng hòa. Đi: là kiếm ăn, là hòa mình vào Ngôi làng Toàn cầu thượng vàng hạ cám những tư tưởng, mưu mô, ánh sáng và bóng đen diêm lệ, là góp phần vào sự nghiệp quốc tế cộng hòa? Về: là về với cái xóm nói tiếng mẹ đẻ đầy rẫy lễ thói để rồi trở thành một công chức "khôn ngoan và có giáo dục" đầy hãnh tiến hay một người ôm trọn một hoài bão bèn một đám nước bắt ngát phủ đầy cành sen lá sen hoa sen che mắt tầm nhìn mà từ từ xuống mồ? *Cái biết của nàng Draupadi chỉ trong năm đêm tân hôn đã đủ cho cả một đời? Nguồn vốn trải nghiệm ở Đảo Xanh chỉ ba năm đã đủ cho cả một kiếp người?* - Có thể như vậy. Nhưng đau xót. Nhưng cay đắng. Nhưng là sự thật.

Đi hay về? Sẽ còn lâu, về sau này, vẫn là câu hỏi lớn đau đầu lòng người.

* * *

Với tôi, *Dấu vết gió xóa* là một cuốn tiểu thuyết không sao đọc nhanh được. Điều này diễn ra một cách hoàn toàn tự nhiên, không hề có sự can dự của lý tính. Sau khi đọc mỗi phần, tâm không định mà tay từ từ hạ cuốn sách xuống bởi có điều gì đó âm ỉ, quấy động trong đầu.

Một câu chuyện không thể nói là không có cốt truyện. Nhưng cái cốt như thế thì cũng có thể coi như

không có. Truyện ngắn không có cốt truyện không phải là hiếm, nhưng tiểu thuyết mà như vậy thì cũng có phần khác lạ. Không ngừng muốn *thoát khỏi chính mình* cũng là điều lạ. Mạc Ngôn cho rằng nhà văn phải là người hiếu kỳ, rằng không có những con người lạ, không có những việc lạ thì xã hội chỉ là cái ao tù. Gương hiếu kỳ của Kim Thánh Thán vẫn còn đó. Một người đến chết vẫn không ngừng hiếu kỳ. Một người đến giờ danh xưng vẫn còn nguyên. Cũng là chuyện lạ.

Tiểu thuyết *Dấu vết gió xóa* lại có mấy cái lạ nữa:

Thứ nhất: nó là một cuốn tiểu thuyết chính trị - tôn giáo, thứ khó có thể "đụng hàng" ở Việt Nam.

Thứ hai: mặc dù vậy, cuốn sách lại có sức lôi cuốn người đọc, sự lôi cuốn đó không khiến người ta phải ngấu nghiến cho thỏa mà buộc phải thưởng thức như một thứ trà đạo.

Thứ ba: sự hài hước hóm hình đã đạt tới độ đậm và bén đến khó lường, có lúc mang vẻ như ngô nghê, xen vào nhiều chỗ nhiều tình huống, đem lại cái cười hạ hỏa cho những vấn đề rất nghiêm túc nhưng nóng đầu. *Kinh Dịch* nói bậc trí giả thường biểu hiện ra ngoài như kẻ ngu đần là vậy chăng?

Ở đoạn xưng tội, tác giả đã sử dụng thứ ngôn ngữ hình sự và thể thức biên bản hình sự hiện trường để tóm tắt màn xưng tội của một ả gái chơi được thuê cảm dỗ, sập bẫy giáo sĩ, một bậc chân tu, hòng đưa ông ra bêu riếu trước pháp tòa, đã khiến người đọc phải gập bụng mà cười. Điều thú vị ở đây là tại sao tác giả không dùng loại ngôn ngữ khác - ví dụ toán học, sex học, máy móc học, tâm lý học, động vật học... - mà lại là hình sự học? Thật ngoạn mục khi dùng mỡ nó để rán nó.

Và đây là đoạn tả về không khí làm việc của cơ quan quyền lực cao nhất của quốc gia Đảo Xanh:

Một cái chợ cá. Một cuộc đấu giữa buôn làng.

Cuộc đấu đấu ấy không thể đẹp bằng phương pháp của nền dân chủ. Phải là cách giải quyết của già làng giữa nhà rông...

- *Nghị sĩ Một, cái chân bệnh gút cụ thân sinh nhà ông có đỡ chưa?* - Nhà vua hỏi.

Giọng nói qua micrô, nhẹ nhàng nhưng đầy quyền uy. Câu nói lạc đề, nhưng nó nhắc nhở cái đám chợ vờ kia rằng chợ nào cũng có chủ. Tộc trưởng đang ngồi đây. Vua đang ngồi đây. Tổng thống đang ngồi đây...

Chuỗi câu thông báo cảnh báo Tộc trưởng đang ngồi đây. Vua đang ngồi đây. Tổng thống đang ngồi đây... thực tế không hề được phát ra nhưng ai cũng nghe thấy rất rõ, thậm chí còn thấy chúng được tập hợp trong một giai điệu gồm những quãng tăng nối nhau liên tiếp. Thế rồi, câu cuối cùng, vẫn vô thanh, nhưng đậm chất dân gian sơ mộc, đột nhiên vút hẳn lên một quãng tám đậm đà bản sắc chợ cá, réo rắt lạnh lạnh như tiếng kim loại chà siết lên nhau: *Bố chúng mày đang ngồi đây.* Câu này không có dấu chấm than đặt ở cuối, có lẽ bởi từng chữ trong câu đều đã mặc định trong nó sắc thái của cái

dấu ấy rồi. Đến đây, chất hài và lối biểu tả, thiết tưởng, đã đến ngưỡng mầu mực, đầm và bén. Đầm vì không phô lộ ồn ã, bén vì tiểu ý tiểu tượng tuy giản đơn mà cứ từng từng lắng tích vào tâm tư người đọc, tự nhiên như sự hít thở, khiến mỗi lần nhớ lại, người đọc không thể hãm được một nụ cười, cười một mình, rất dễ bị bác sĩ khoa thần kinh hiểu nhầm một cách tai hại.

Thứ tư: ngôn từ có vị phóng túng nhưng không tùy tiện, mới mẻ mà không ẩu (*Hợp chúng giáo; thỏa dục; khẩu tâm...*), độn chút Anh ngữ vào câu Việt mà không thấy lỗi bởi chẳng đó cũng là một cách phản ánh tình hình dân trí xã hội Việt Nam đương đại. Dùng nhiều câu ngắn, có câu chỉ gồm hai từ, thậm chí một từ. Hồ Anh Thái đã sử dụng thành công loại câu này trong việc tạo ra những tiết tấu phù hợp với văn cảnh, cảm xúc biểu tả, nâng cao hiệu quả cảm thụ và sự thú vị cho người đọc; việc này khiến người đọc không khỏi liên tưởng đến một trường phái túc cầu có lối chơi bóng ngắn với hiệu quả khó đoán trước. Cách dùng dấu phẩy của tác giả cũng thật tinh tế; hãy lấy một câu làm ví dụ: *Anh thấy rõ hai gương mặt của họ, trẻ trung, đẹp đẽ, mắt nhắm lại như đang thiêu thiêu ngủ, bên nhau.* Hãy thử bỏ dấu phẩy giữa chữ *ngủ* và chữ *bên* mà xem. Câu vẫn chỉnh, ý cần diễn đạt vẫn thế. Nhưng có dấu phẩy này, nhịp câu văn sẽ khác, bởi nó tạo nên sự ngân nga của hai chữ *bên nhau*. Nếu câu này là lời của một ca khúc thì sau nốt nhạc của chữ *ngủ* có thể sẽ là một dấu lặng ngắn² và phía trên nốt nhạc của chữ *nhau* chắc hẳn sẽ được đặt một dấu mắt ngỗng³. *Bên nhau* là quy luật lớn nhất của trời đất mà. Đẹp lắm. Ai cấm “ta đi yêu người ta yêu nhau”, ai cản ta ngợi ca người ta yêu nhau?

Thứ năm: lối viết giản dị, tự nhiên. Cứ như nghĩ thế nào viết ra thế ấy. Có thể do cái tự nhiên giản dị đó, tác giả đã đem đến chất tươi tắn cho một tiểu thuyết thuộc thể loại khô khan, dễ làm cho người đọc nhức đầu mệt mỏi; loại tiểu thuyết nếu có đọc thì cũng là việc cố xem cho hết một cách ý chí. Là tiểu thuyết chính trị - tôn giáo nhưng được viết dưới cảm quan của cái tâm nên khả năng dẫn cảm cao. Đoạn nói về gia đình của nhân vật “Anh” thật cảm động. Đọc đoạn ấy, ta thấy xót xa cho những con người bị vùi lấp, bị tước đoạt mất cái quyền làm việc, quyền cống hiến cho những người đồng bào của mình chỉ vì những ý thích vu vơ ngớ ngẩn và ngu ngốc nhưng luôn được coi là sáng tạo, được dễ dãi pháp lệnh hóa bằng các thủ tục hành chính hời hợt. Như một hệ quả tất yếu, gia đình, cái tổ ấm của xã hội cũng bị lâm vào tình cảnh nhân đi một nơi, nguyên sinh chất đi một nẻo. Xót xa. Xót xa như xót xa cho bạn, cho tôi, cho những thân phận không bao giờ được bảo hiểm... Nhưng, như khả năng trời ban, con người vẫn cất tiếng hát: “... In the dark we'll dream about the sun. In the dark we'll feel the light. Warm our hearts and everyone.../ Trong đêm đen chúng ta mơ về vầng dương. Trong tối tăm chúng ta cảm nhận ánh sáng. Hãy sưởi ấm trái tim chúng ta và mọi người...”. Người Cha, bên đầm sen ngát

hương, vẫn bền bỉ với từng trang viết cho đời; người Mẹ quay về quê, sống giữa những người họ hàng “mới lạ”, đem tri thức đến cho con cháu và hờn hờ chẳng giữ lại gì cho mình, chia hết những đồng tiền Anh tiết kiệm gửi về nuôi bà.

Với tiểu thuyết *Dấu về gió xóa*, người đọc khó mà tránh được cảm giác bị ngợp trước một hàm lượng tri thức nhân văn đậm đặc và phong phú; người đọc cũng không khỏi ngạc nhiên về tính ngẫm luận thông thái, sự thông thái trong một hỗn thể hàn lâm và đời. Chỉ mấy câu *Cái biết của nàng Draupadi chỉ trong năm đêm tân hôn đã đủ cho cả một đời. Nguồn vốn trải nghiệm ở Đào Xanh chỉ ba năm đã đủ cho cả một kiếp người. Đi đâu cho thoát côi người. Đi đâu mà không thấy nhàm thấy chán thấy những cuộc phiêu lưu không lặp lại. Đi đâu cho thoát chính mình* cũng đủ suy tư, nghĩa lý, cảm hứng để người đời viết ra nhiều chuyên luận lớn và nghiêm túc.

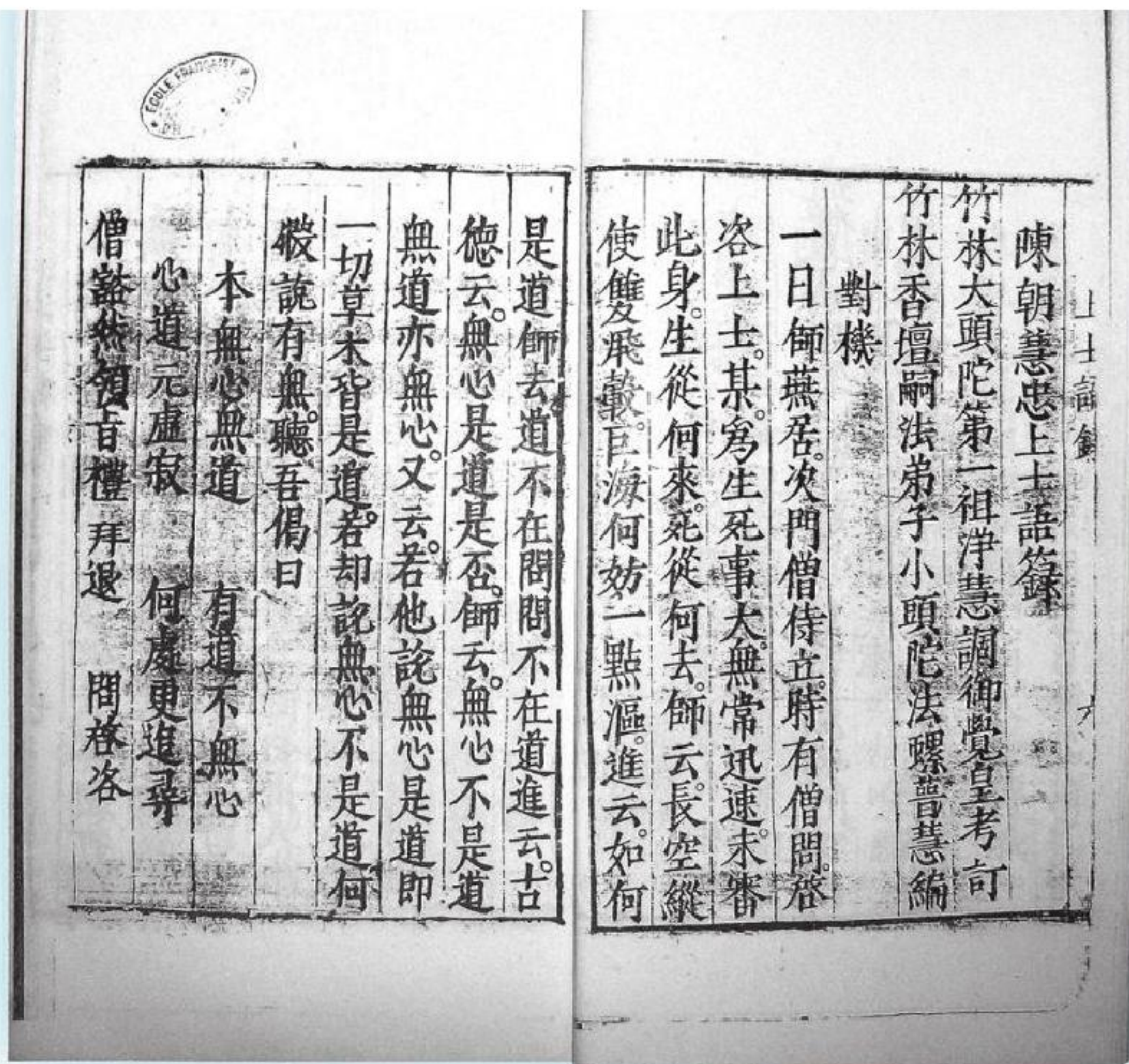
Trong mạch viết, đôi chỗ, tác giả có vẻ hơi “tham”. Nhưng, xin bạn đọc lượng thứ, tôi lại học thêm được nhiều điều ở những chỗ “tham” ấy. Rồi lại nghĩ, trong khi viết, tỷ như tác giả thỉnh thoảng lại dùng bút hoặc vừa viết vừa phân tâm tự biên tập thì còn đâu cái hứng mà viết tiếp, còn đâu cái tươi mới để truyền vào từng trang viết? Đạo lý lợi lộc thì thiệt đường đi là như vậy chẳng?

Trong khi đọc cuốn tiểu thuyết này, nhiều lúc tôi như nghe từ đâu đó, trong những trang sách, văng vẳng giai điệu của bản Piano Concerto N°2 của Rachmaninov. Lại. Đọc hết cuốn sách, tôi thử nghe lại bản nhạc đó. Càng lạ. Một sự tương đồng kỳ thú! Trong concerto này, gây ấn tượng với tôi nhất chính là phần bốn: một bầu trời u ám, mây đen quánh đặc mà không sao mưa được. Cảnh vật xác xơ tiêu điều, con người âm thầm tiều tụy, có gì đó như sự quẩn quại, đè nén... rồi gió nổi lên, nổi lên, mạnh, càng mạnh. Những đám mây đen bị gió thổi thốc tung, rã rời tã tã. Những vệt lửa xoạc ngang bầu trời, mạnh mẽ, nhằng nhịt; sấm nổ, sấm rền rĩ, rền vang... Đột nhiên, những đám mây đen bị xé toang... mảng trời xanh, xanh thẳm, xanh mượt lộ ra. Một luồng ánh sáng rực rỡ, không, sáng chói, chói lòa, thứ ánh sáng kỳ diệu, như phát ra từ trí tuệ, lòng khao khát tự do, công lý và sáng tạo, tỏa tràn xuống mặt đất héo khô đang thoi thóp trong chút sinh khí còn lại... khiến tôi có cảm giác không chịu nổi, cặp mắt vô thức nhắm lại, nheo nheo...

Cầm cuốn sách trên tay, tôi băn khoăn tự hỏi: có phải đây là tiếng sấm đầu mùa, một dẫn sáng mở đầu cho một loại hình, một hướng viết mới trong văn học Việt Nam đương đại? ■

Chú thích:

1. *Dấu về gió xóa*, tiểu thuyết của Hồ Anh Thái, NXB Trẻ 2012.
2. Âm thanh sẽ dừng ngân trong khoảng thời gian dấu lặng quy định.
3. Nốt nhạc có dấu mắt ngỗng này được ngân lên dài/ngắn tùy ý theo sự cảm thụ của người hát.



Giới thiệu các bản in sách **Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục**

NGÔ QUỐC TRƯỜNG & VŨ THỊ HẢI YÊN

Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục (gọi tắt là *Thượng sĩ ngữ lục*) là một tư liệu Thiền tông được biên soạn vào thời Trần. Sách do "Trúc Lâm đại đầu đà đệ nhất tổ Tịnh Huệ Điều Ngự Giác Hoàng khải định, Trúc Lâm hương đàn tự pháp đệ tử tiểu đầu đà Pháp Loa Phổ Tuệ biên" tức do Pháp Loa biên soạn, được Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông khải định; sau sách còn có bài bạt của Trần Khắc Chung. Sách sưu tầm những bài thuyết pháp và thi kệ của Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Tung (1230-1291). Tuệ Trung Thượng sĩ là một tác gia lớn của văn học đời Trần¹. Xem trong các bản in không tìm thấy niên đại đời Trần nên chưa biết sách được soạn năm nào. Đây là một tập ngữ lục ra đời khá sớm ở nước ta mà vẫn còn được lưu truyền. Hiện sách đã có nhiều người nghiên cứu, nhưng chưa có được sự giới thiệu tổng quan, lai

lich sách chỉ được nói tới một cách sơ sài, không giới thiệu chung về các bản in. Chúng tôi mới tìm được ba đợt in của sách, một bản được in dưới đời Hậu Lê và hai bản in trong đời Nguyễn. Về hai bản in đời Nguyễn, thực chất cả hai bản chỉ cùng được đập từ một bộ ván của chùa Pháp Vũ. Sau đây, xin giới thiệu vài nét về các bản in sách hiện được bảo tồn tại các thư viện.

1. Bản chùa Long Động

Sách do chùa Long Động khắc ván trùng san nên gọi chung là bản Long Động, được bảo tồn tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu A.1932. Sách có tất cả 44 tờ, mỗi tờ hai trang, mỗi trang 8 dòng, mỗi dòng 15 chữ, gáy để "Thượng sĩ ngữ lục" chữ khắc chân phương, rõ ràng, dễ đọc. Bài tựa đầu sách chiếm 4 tờ, mặt a tờ 1 như dạng tờ bia. Bố cục khá hay, chia làm 7 dòng, hai dòng ngoài cùng ghi một bài kệ:

Thái hư nhất thể bản trường linh, tâm ấn nhân nhân nguyên tự thành.

Tam thể chư Phật truyền tâm ấn, tứ mục tương cố thái phân minh.

Ở giữa có kẻ một khung vuông, bên trong một vòng tròn biểu thị sự viên mãn. Bên trên có ba dòng chữ Hán mà dòng giữa để chữ Hán lớn “Trúc Lâm Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục”, hai câu hai bên: “Bổ để tâm ấn, viên đồng thái hư”. Phía dưới bốn dòng chữ Hán, mỗi dòng một câu bốn chữ “Sư đệ tứ mục, tuệ nhân tương giao. Ấn chứng Như Lai, truyền y tự tổ”.

Tờ 1b mới đi vào bài tựa. Dòng đầu ghi tác giả bài tựa “Trúc Lâm hội thượng Yên tử sơn Long Động tự đồng tử tỳ kheo Tuệ Nguyên trùng san” nghĩa là: Đồng tử tỳ-kheo Tuệ Nguyên chùa Long Động núi Yên Tử trên hội Trúc Lâm trùng san. Bài tựa do chính Tuệ Nguyên soạn vào năm Quý Hợi niên hiệu Chính Hòa thứ 4 (1683) nhà Lê. Trong một bài nghiên cứu, chúng tôi đã chứng minh Tuệ Nguyên là cách nói tắt của Tuệ Đăng-Chân Nguyên, chính là Tuệ Đăng Hòa thượng Chân Nguyên thiền sư trụ trì chùa Long Động. Bài tựa có khẩu khí của Thiền sư Chân Nguyên nên biết rõ do Chân Nguyên soạn mà ông gọi tắt tên mình là Tuệ Nguyên².

Phía sau bài tựa có bài *Lược dẫn thiền phái đồ tịnh tự dẫn* từ tờ 4b đến 6a. Theo học giới, bài này cũng được soạn vào đời Trần, có thể in vào trước bộ *Ngũ lục*.

Nội dung chia làm 4 phần:

1. Đối cơ: từ tờ 6b đến tờ 17a6
2. Thi tụng: từ tờ 17a7 đến tờ 35a4
3. Thượng sĩ hành trạng: từ tờ 35a5 đến 40a2
4. Chư nhân tán tụng: từ tờ 40a3 đến tờ 44a.

Tờ 44b7 ghi “Thanh hà huyện Hào xá xã Bình bộ thư tả Huệ Nghĩa bái tả” tức sách do Huệ Nghĩa giữ chức Bình bộ thư tả người Hào Xá huyện Thanh Hà chép. Dòng cuối ghi “Trần triều Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục” chữ Trần viết theo lối kiêng húy đời Lê, phía dưới có chữ “chung” tức hết tập sách. Dòng tiếp theo để “Bản lưu tại Yên Tử sơn Long Động tự dĩ hiển hậu ấn, học thức kỳ xứ” nghĩa là: bản lưu tại chùa Long Động núi Yên Tử để cho người sau biết mà in, kẻ học thức biết nơi. Mặt b ghi danh sách Tăng tục công đức in sách. Dòng đầu chữ lớn “Thiệu thừa pháp chỉ tỳ kheo Chân Thiền cập đạo tràng” và tiếp đó là thập phương công đức, khắc chữ nhỏ, mỗi khung được khắc hai dòng nhỏ.

2. Bản chùa Pháp Vũ

Sách được trùng san vào năm Quý Mão niên hiệu Thành Thái thứ 15 do Tỳ-kheo Thanh Cừ chùa Pháp Vũ thôn Quảng Nội xã Đông Lai tổng Đông Cao huyện Vĩnh Lại phủ Ninh Giang tỉnh Hải Dương (gọi là bản chùa Pháp Vũ). Tờ cuối có ghi rõ “Cựu bản lưu tại Đông Triều huyện An Lâm xã Đoan Nghiêm tự” tức bản cũ được gìn giữ tại chùa Đoan Nghiêm, xã An Lâm, huyện Đông Triều. Phía sau bài tựa trùng san của Tuệ Nguyên chùa Long Động có ghi niên đại “Cảnh Hưng nhị thập tứ

niên tuế thứ Quý Mùi đông tiết cốc nhật trùng san” nghĩa là: in lại vào ngày lành tiết đông năm Quý Mùi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 24 (1763). Nhiều nhà nghiên cứu khi sử dụng bản này đều cho bài tựa viết năm Cảnh Hưng thứ 24; thực chất, tựa do Tuệ Nguyên viết năm Chính Hòa thứ 4 theo như đã nêu khi bàn về bản A. 1932 (bản Long Động). Sách được đóng trước tập *Tam tổ thực lục* mà phía sau của bộ sách có bài dẫn của tỳ-kheo Thanh Cừ nói rõ. Theo bài đó thì sư Thanh Cừ trước chưa tìm được *Thượng sĩ ngữ lục*, sau tìm ra bản cũ nên cho khắc in rồi đóng vào trước bộ *Tam tổ thực lục* mà bản đó đã khắc ván vào năm Thành Thái thứ 9. Do đó mà ta thấy có hai loại bản *Tam tổ thực lục*, một bản giấy in riêng tập đó và một bản đóng chung với *Thượng sĩ ngữ lục*. Bản in riêng *Tam tổ thực lục* được dập vào trước những năm Thành Thái thứ 15 (1903).

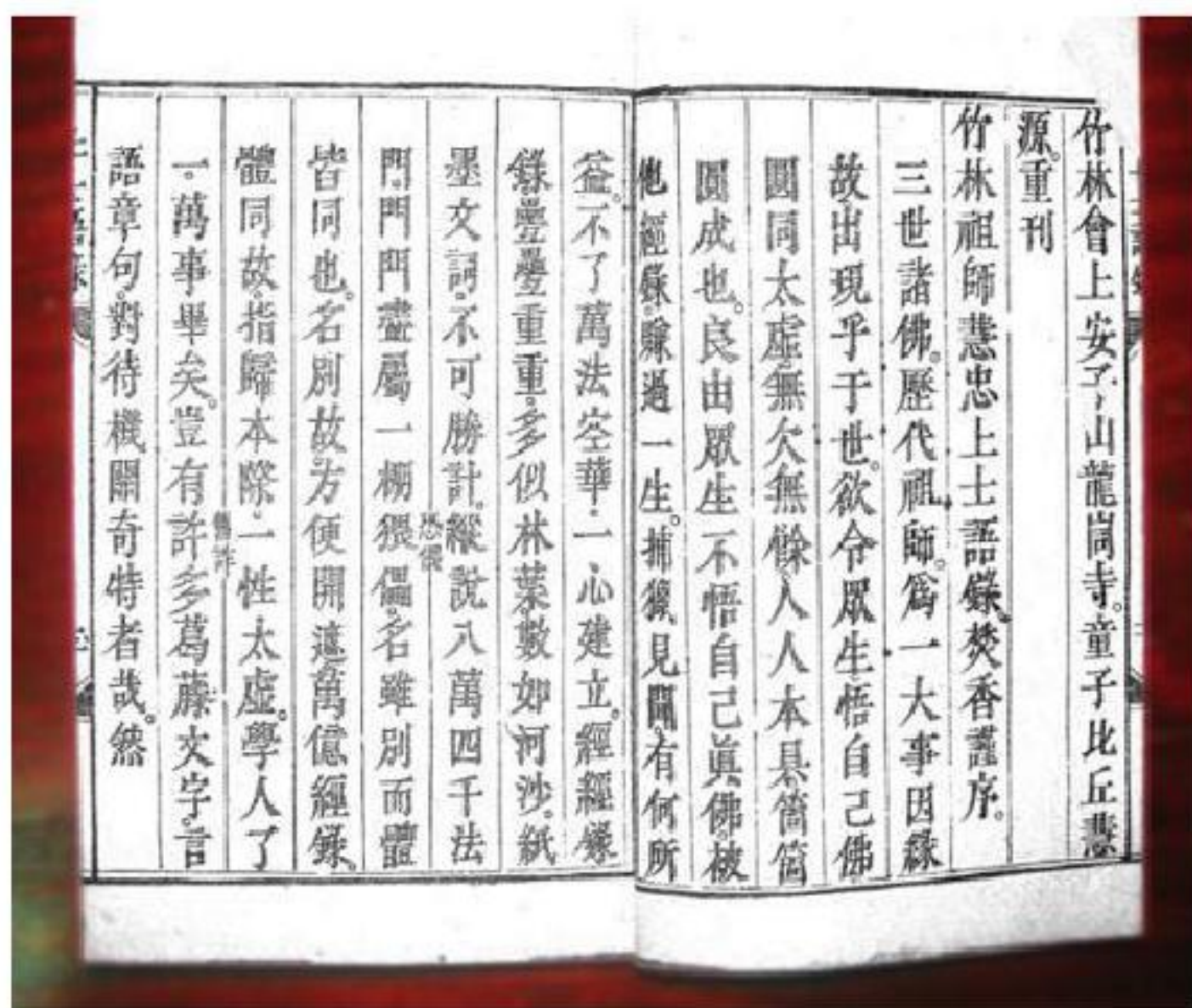
Sách gồm có 47 tờ, mỗi tờ hai trang, mỗi trang có 8 dòng, mỗi dòng 14 chữ, khắc chân phương, rõ, đẹp. Trên gáy, phía trên để *Thượng sĩ ngữ lục* phía dưới đánh số tờ. Trước sách có bài *Trùng san Thượng sĩ ngữ lục tiểu dẫn* do Tỳ-kheo Thanh Hanh soạn vào năm Thành Thái thứ 15 (1903). Bài tiểu dẫn chiếm nguyên một tờ. Kế đến là một tờ dạng mao đầu mà bản A.1932 đã in. Kể từ đây, cách trang trí khá giống với bản trên. Riêng tờ cuối, mặt b ghi “Trần triều Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục chung” tức hết nội dung sách *Thượng sĩ ngữ lục*. Phía sau còn bốn dòng, ba dòng ghi đoạn văn mà sách dựa vào tập *Hoàng Việt văn tuyển*³ bổ sung cứ liệu về Tuệ Trung. Chính đoạn văn này mà nhiều người tin theo cho Tuệ Trung là Trần Quốc Toản, gây ra nhiều tranh cãi, khác với bài *Thượng sĩ hành trạng* do Trần Nhân Tông soạn nói rõ, Tuệ Trung là con cả của Trần Liễu. Dòng sau cùng ghi lại nơi tàng bản cũ mà ta đã nói trên.

Bản Pháp Vũ, ngoài chính văn ta còn thấy sách có chú thích, khảo dị các từ. Có thể công tác này do Thanh Hanh kiểm hiệu chăng? Ta không còn bản in chùa Đoan Nghiêm, mà còn bản chùa Long Động nên tra phần chưa đó thấy khá giống. Mỗi góc chủ đều để “cựu” tức bản cũ. Đôi khi các bản in dùng từ theo lối cổ, bản mới đính chính lại cho hợp lối chữ đương thời.

3. Bản Việt Nam Phật điển tùng san

Năm 1943, Hội Phật giáo Bắc Kỳ đứng in bộ *Việt Nam Phật điển tùng san*. Hội nhờ Trường Viễn Đông Bác Cổ giúp đỡ cho công tác sao dập. Theo tổng mục, bộ đó có tám tập, gồm: *Bát Nhã trực giải*, *Pháp Hoa để cương*, *Chư kinh nhật dụng*, *Lễ tụng hành trì tập yếu chư nghi*, *Thụ giới nghi phạm tổng tập*, *Trần triều dật tôn Phật điển*, *Khóa hư* và *Kế đăng lục*⁴. *Thượng sĩ ngữ lục* nằm trong tập thứ sáu với tiêu đề *Trần triều dật tôn Phật điển*.

Tờ đầu tiên của tập *Trần triều dật tôn Phật điển* ghi rõ *Việt Nam Phật điển tùng san*, *Hà Nội Viễn Đông Bác Cổ họa viện hộ san*, *Hà Nội Bắc Kỳ Phật giáo Tổng hội phát hành*. Mặt b ghi các bậc tôn túc chứng minh mà sách để “chứng minh đạo sư:



Cảnh Linh tự, Hòa thượng Thích Quang Minh
Hưng Long tự, Hòa thượng Thích Thanh Thịnh
Bảo Khâm tự, Hòa thượng Thích Doãn Hải
Hương Sơn động Thiên Trù tự, Hòa thượng Thích Thanh Tích

Yên Ninh tự, Hòa thượng Thích Tâm Đức
Tuệ Tạng Thiền sư Thích Thanh Huyền
Bắc kỳ Phật giáo Tổng hội ấn hành kinh điển bộ vụng tập.

Tờ thứ hai ghi Trần triều đặt tôn Phật điển, bên phải đề chữ nhỏ Việt Nam Phật điển từng san chỉ lục, tức quyển sáu của bộ Việt Nam Phật điển từng san. Mặt sau ghi mục lục gồm: Thượng sĩ ngữ lục, Tam tổ thực lục, Thiền đạo yếu học và Bản hạnh ngữ lục. Thực chất, hai phần Thiền đạo yếu học và Bản hạnh thực lục nằm trong tập Tam tổ thực lục. Tờ thứ ba mới đến tờ bìa của bộ Thượng sĩ ngữ lục. Từ đây, sách dựa vào bản ván chùa Pháp Vũ in nguyên Thượng sĩ ngữ lục và Tam tổ thực lục. Sách in cả bài tiểu dẫn của Thanh Hanh cho đến tờ 47 là hết phần Ngữ lục. Ở đây không mô tả vì đã nói ở mục Bản chùa Pháp Vũ rồi.

Ta thấy bảy dòng chữ Pháp, dịch từ tờ đầu của bản chữ Hán, phía dưới cùng ghi "HA NOI 1943" tức được in năm 1943 tại Hà Nội.

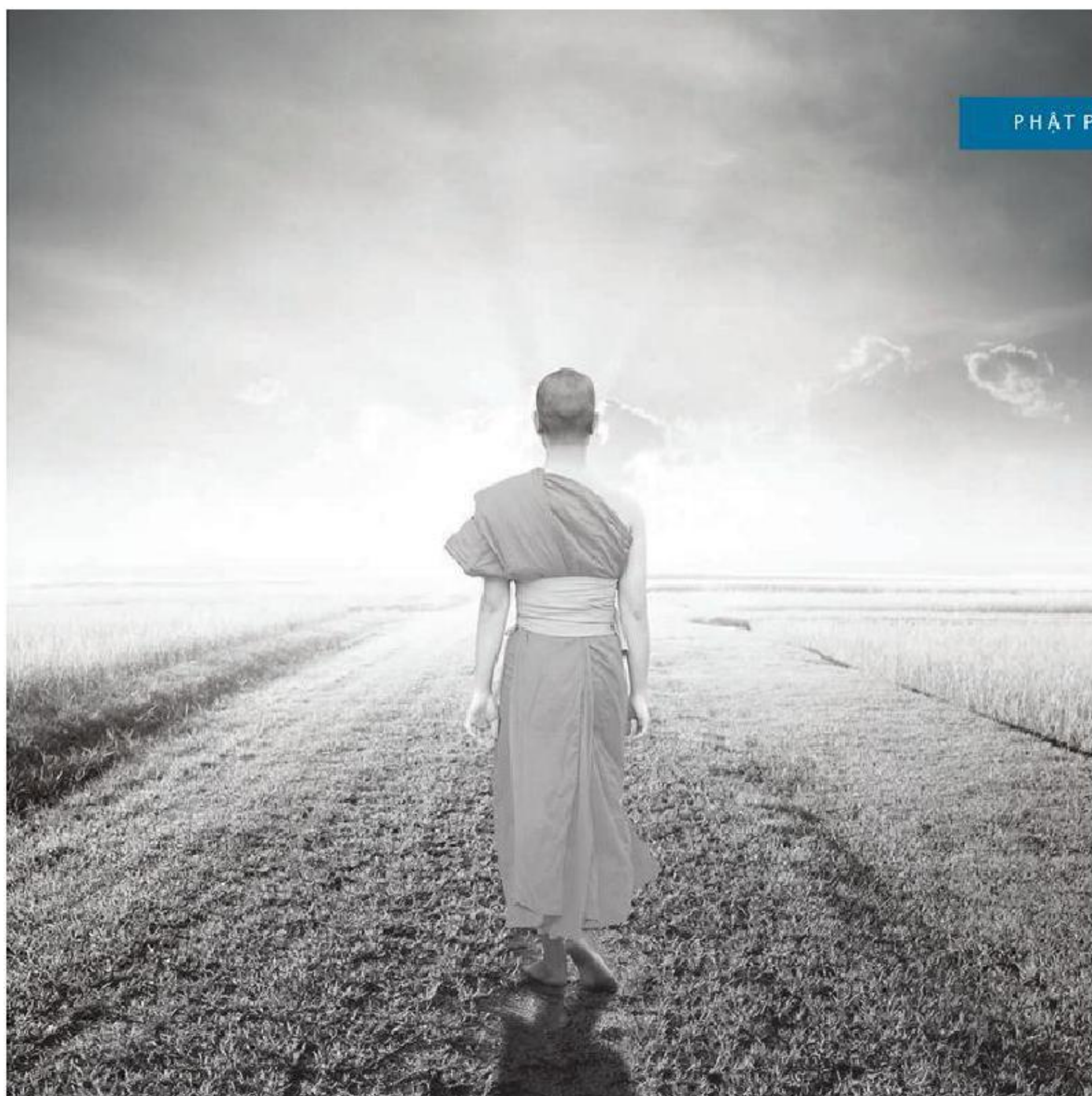
Một vấn đề đặt ra là Thượng sĩ ngữ lục được soạn năm nào đời nhà Trần. Trước hết, năm Tuệ Trung viên tịch là năm Tân Mão niên hiệu Trùng Hưng thứ 7 (1291)⁵. Sách phải biên soạn sau năm 1291, vì trong sách có đề năm tịch của Tuệ Trung Thượng sĩ và lời của các thế hệ sau tán tụng ngài, tiêu biểu là Trần Nhân Tông và đám học trò. Cứ liệu thứ hai, dựa vào người biên soạn và người hiệu đính, cho phép ta đoán định được năm soạn. Pháp Loa biên soạn và Trần Nhân Tông hiệu đính như tờ 6a ghi rõ, cho thấy bấy giờ cả hai đều còn tại thế, và nhất là niên đại của

Nhân Tông nối kết với Pháp Loa. Lúc đó, Nhân Tông (1278-1308) đã xuất gia và Pháp Loa Phổ Tuệ (1284-1330) cũng kế thừa dòng pháp nên gọi là "Tự pháp" mà chưa lên ngôi đệ nhị tổ. Theo truyện vua Trần Nhân Tông trong Thánh Đăng ngữ lục thì vua xuất gia năm Kỷ Hợi niên hiệu Hưng Long thứ 7 (1299). Nhân Tông gặp Pháp Loa năm Giáp Thìn niên hiệu Hưng Long thứ 12 (1304) và Loa xin xuất gia. Năm sau (1305) Pháp Loa mới được Nhân Tông khai ngộ và trao truyền giới Thanh văn và Bồ-tát tại liêu Kỳ Lân. Từ đó, Điều Ngự và Pháp Loa mới ở gần nhau và có thể hai vị có điều kiện soạn Thượng sĩ ngữ lục trong khoảng thời gian từ năm 1305 đến năm 1308 trước khi Điều Ngự viên tịch. Ta đoán sách soạn thảo trong năm 1306 hoặc 1307, chứ năm cuối đời, Điều Ngự sức khỏe yếu, lại thường hay đi lại, không có điều kiện để đọc bản thảo. Truyện Pháp Loa cho biết, Điều Ngự truyền trao ngôi tổ cho Pháp Loa vào năm Mậu Thân niên hiệu Hưng Long thứ 16 (1308). Sách đề "Tự pháp" chứ không phải "Trúc Lâm đệ nhị đại" nên biết Pháp Loa soạn sách trước năm 1308. Sau khi sách soạn xong có in ngay hay phải đợi một thời gian. Cứ liệu là cuối sách có bài bạt của Trần Khắc Chung thực hiện dưới lệnh của vua Trần Anh Tông. Và truyện Pháp Loa có ghi sư từng giảng sách Thượng sĩ ngữ lục năm 1313. Ta ngờ sách được in trong lễ đại tường của Điều Ngự?

Từ việc giới thiệu các bản in cho đến khảo sát năm soạn sách cùng năm khắc in đợt đầu, chúng ta đã có một số nhận định khách quan như xác định một bản in có giá trị nhất, xưa nhất hiện còn giữ được. Đó là bản in do Tuệ Nguyên chùa Long Động đứng khắc vào năm Chính Hòa thứ 4 (1683). Bản in chùa Pháp Vũ trùng san dựa trên bản in chùa Đoan Nghiêm khắc ván vào năm Cảnh Hưng thứ 24 (1763) mà bản Đoan Nghiêm hay bản Pháp Vũ sau này là "phỏng lại bản Chính Hòa"⁶. Bản Pháp Vũ chỉ dùng trong công việc đối chiếu, khảo dị một số lỗi. Định hình được năm soạn và năm in sách đời Trần cho ta một cái nhìn niên đại rõ ràng, không còn mờ mịt như nhiều người mới sử dụng văn bản. ■

Chú thích:

1. Theo thống kê của Nguyễn Huệ Chi mục Khảo luận văn bản của sách Thơ văn Lý Trần, tập 1 thì Thượng sĩ ngữ lục bao gồm 72 bài thơ, kệ, ngâm, tụng và 1 chương ngữ lục của Trần Tung, 12 bài thơ và văn của 10 tác giả khác (tr.115).
2. Đồng Dưỡng, Đi tìm một số bài tựa, bạt của Thiền sư Chân Nguyên, trong tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 113.
3. Đối chiếu bản Hoàng Việt văn tuyển, quyển 1, tờ 21a4 thì khá giống với lời chú thích trong Thượng sĩ ngữ lục. Chỉ khác mấy từ cuối, bản Hoàng Việt văn tuyển đề "Hựu tác thứ ca", còn Thượng sĩ ngữ lục ghi "tĩnh tác Phóng Cuống ca".
4. Dựa vào Tổng mục trong Bát nhã trực giải, tập 1 của bộ Việt Nam Phật điển từng san. Pháp Đăng viện tàng thư.
5. Theo "Thượng sĩ hành trạng" trong Ngữ lục, tờ 39b.
6. Dùng chữ của Nguyễn Huệ Chi trong Thơ văn Lý Trần, tập 1, tr. 113.



Ý nghĩa Sa-môn

ÁNH NGỌC

Đức Phật rời bỏ đời sống giàu sang ở chốn hoàng cung, chấp nhận nếp sống kham khổ của một vị Sa-môn không nhà không cửa, quyết tâm tu dưỡng giới đức, tâm đức, tuệ đức và sau cùng trở thành một con người hoàn thiện, một bậc giác ngộ. Kể từ đó, Ngài được mọi người tôn quý gọi là Sa-môn Gotama - bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác¹. Qua đạo hạnh của Ngài - một vị Sa-môn giác ngộ suốt đời tận tụy với sự nghiệp thuyết pháp độ sinh, thế gian càng nhận ra phẩm giá đáng quý của đời sống Sa-môn: “Tôn giả Gotama thật sự đã gọi ở nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tịnh tín Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tôn kính Sa-môn đối với các Sa-môn”².

Sa-môn (*Samana*) được mọi người quý trọng và tin tưởng như vậy nên Đức Phật rất quan tâm giáo dục hàng đệ tử xuất gia của mình về lý tưởng và mục đích của đời sống Sa-môn. Ngài nhắc nhở các Tỷ-kheo:

“Sa-môn! Sa-môn! Đây các Tỷ-kheo, dân chúng biết các Thầy là vậy. Và nếu các Thầy có được hỏi: “Các Thầy là ai?”, các Thầy phải tự nhận: “Chúng tôi là Sa-môn”. Đây các Tỷ-kheo, các Thầy đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này các Tỷ-kheo, các Thầy phải tự tu tập như sau: “Những pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, chúng ta sẽ tu tập pháp môn ấy. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chính và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật. Và những thứ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng



tọa, được phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích”³.

Thế nào là xuất gia làm Sa-môn có kết quả, có thành tích, không trở thành vô dụng? Theo lời Phật thì Sa-môn có nghĩa là “người làm cho dừng lại các ác, bất thiện pháp, những pháp này làm ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai”⁴. Do vậy, Ngài khuyến nhắc các Tỷ-kheo cần phải chuyên tâm thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, nghĩa là phải tập trung thực hành sâu về giới-định-tuệ để các ác, bất thiện pháp như tham dục, sân hận, phẫn nộ, thù hận, giả dối, náo hại, tật đố, xan lẫn, man trá, xảo trá, ái dục, tà kiến... dần dần đi đến giảm thiểu và đoạn diệt. Có như thế thì việc xuất gia làm Sa-môn mới có kết quả lớn, lợi ích lớn và không trở thành vô dụng. Sau đây là hai định nghĩa quan trọng của Đức Phật về Sa-môn. Định nghĩa thứ nhất mang ý nghĩa cảnh báo các Tỷ-kheo về sự nguy hại của lối sống “không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn”⁵, nghĩa là sống với hình tướng Sa-môn nhưng tâm tràn đầy dục vọng, tràn đầy các ác, bất thiện pháp⁶. Định nghĩa thứ hai có ý nghĩa khích lệ các Tỷ-kheo về sự lợi lạc của nếp sống Sa-môn đích thực, tức một nếp sống tinh tấn làm cho dừng lại các ác, bất

thiện pháp, hướng đến sự hoàn thiện về giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức, mang lại lợi ích cho mình và lợi lạc cho người:

“Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn? Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo có tâm tham dục và lòng tham dục không được đoạn diệt, có tâm sân hận và lòng sân hận không được đoạn diệt, có tâm phẫn nộ và lòng phẫn nộ không được đoạn diệt, có tâm thù hận và lòng thù hận không được đoạn diệt, có tâm giả dối và lòng giả dối không được đoạn diệt, có tâm náo hại và lòng náo hại không được đoạn diệt, có tâm tật đố và lòng tật đố không được đoạn diệt, có tâm xan lẫn và lòng xan lẫn không được đoạn diệt, có tâm man trá và lòng man trá không được đoạn diệt, có tâm xảo trá và lòng xảo trá không được đoạn diệt, có tâm ái dục và lòng ái dục không được đoạn diệt, có tà kiến và tà kiến không được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, nếu vị ấy không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, thì không thể đoạn diệt được những cấu uế cho Sa-môn, những tỳ vết cho Sa-môn, những lỗi lầm cho Sa-môn, sự đọa sanh vào đọa xứ, sự thọ lãnh các ác thú.

Này các Tỷ-kheo, ví như một loại vô khí nguy hiểm tên mataja có hai lưỡi rất sắc bén, có thể được bao lại và bỏ vào trong một cái bao. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói sự xuất gia của Tỷ-kheo ấy là như vậy...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn? Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo có tâm tham dục và lòng tham dục được đoạn diệt, có tâm sân hận và lòng sân hận được đoạn diệt, có tâm phẫn nộ và lòng phẫn nộ được đoạn diệt, có tâm hiềm hận và lòng hiềm hận được đoạn diệt, có tâm giả dối và lòng giả dối được đoạn diệt, có tâm náo hại và lòng náo hại được đoạn diệt, có tâm tật đố và lòng tật đố được đoạn diệt, có tâm xan lẫn và lòng xan lẫn được đoạn diệt, có tâm man trá và lòng man trá được đoạn diệt, có tâm xảo trá và lòng xảo trá được đoạn diệt, có tâm ái dục và lòng ái dục được đoạn diệt, có tà kiến và tà kiến được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, nếu vị ấy thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, thì có thể đoạn diệt được những cấu uế cho Sa-môn, những tỳ vết cho Sa-môn, những lỗi lầm cho Sa-môn, đoạn sanh vào đọa xứ, sự thọ lãnh các ác thú. Vị ấy thấy tự ngã được gột sạch tất cả những ác, bất thiện pháp và vị ấy thấy tự ngã được giải thoát. Do thấy tự ngã được gột sạch tất cả những ác, bất thiện pháp ấy, do thấy tự ngã được giải thoát nên hân hoan sanh; do tâm hân hoan nên hỷ sanh; do hỷ nên thân được khinh an; do thân khinh an nên lạc thọ sanh; do lạc thọ nên tâm được định tĩnh. Vị ấy an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy, phương thứ hai, cũng vậy, phương thứ ba, cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thầy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thầy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ. Nếu có người từ phương Đông đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước. Người ấy đi đến hồ sen ấy giải trừ khát nước và giải trừ nóng bức. Nếu có người từ phương Tây đi đến... nếu có người từ phương Bắc đi đến, nếu có người từ phương Nam đi đến, nếu có người từ bất cứ ở đâu đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước, người ấy đi đến hồ sen ấy, giải trừ khát nước, giải trừ nóng bức¹⁷.

Nhìn chung, Sa-môn (Samana) là một từ ngữ dùng trong Phật học để chỉ những người xuất gia tu học theo giáo pháp của Phật; hoặc đã đoạn tận mọi tâm thức nhiễm ô, trở thành bậc giác ngộ; hoặc đang nỗ lực diệt trừ các tâm thức nhiễm ô, hướng đến mục tiêu giác ngộ theo phương pháp giới-định-tuệ do Đức Phật giảng dạy. Cứ theo các định nghĩa của Phật thì Sa-môn là người có các phẩm hạnh cao quý hướng đến tự giác

và giác tha. Đó là những con người hoàn thiện hoặc đang nỗ lực hoàn thiện chính mình khiến ảnh hưởng lợi lạc đến người khác, được ví như những hồ nước trong mát khéo xây cất ở ven đường, có thể giúp giải trừ cảm giác mệt mỏi và nóng bức, mang lại sự thoải mái, an lạc cho những kẻ bộ hành đường xa bị mệt mỏi và nóng bức. Do phẩm hạnh cao quý trong đời sống tự lợi và lợi tha, Đức Phật đánh giá cao nếp sống Sa-môn và khuyến nhắc các Tỷ-kheo cần phải chuyên tâm thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn để làm lợi lạc cho mình và làm lợi lạc cho mọi người. Ngài nói đến bốn hạng Sa-môn với các phẩm chất thanh tịnh khác nhau, tương ứng với bốn Thánh quả giác ngộ, nhằm lưu nhắc các Tỷ-kheo về ý nghĩa và mục đích cao quý của đời sống xuất gia làm Sa-môn:

“Này các Tỷ-kheo, bốn hạng Sa-môn này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng, Sa-môn tinh luyện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc hướng đến giác ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, là bậc Nhất lai, chỉ có một lần trở lui đời này rồi chấm dứt khổ đau. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị Bất lai, từ đây nhập Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do đoạn tận các lậu hoặc, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại với thẳng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng Sa-môn này có mặt, xuất hiện ở đời¹⁸. ■

Chú thích:

1. Kinh Ambattha, Kinh Kùtadanta, Trường Bộ, Kinh Canki, Trung Bộ
2. Kinh Potaliya, Kinh Canki, Trung Bộ.
3. Mã ấp tiểu kinh, Trung Bộ.
4. Mã ấp đại kinh, Trung Bộ; Pháp Cú, kệ số 265
5. Kinh Đấng ghê tởm, Tăng Chi Bộ; Kinh Khúc gỗ, Tương Ưng Bộ.
6. Pháp cú, kệ số 264.
7. Mã ấp tiểu kinh, Trung Bộ.
8. Kinh Các hạng Sa-môn, Tăng Chi Bộ.



Bát nhã quán chiếu

NGUYỄN THẾ DĂNG

Nói đến Bát-nhã (Trí huệ), các luận thường phân làm ba: Bát-nhã văn tự, Bát-nhã quán chiếu, và Bát-nhã thật tướng. Bát-nhã văn tự là sự nghiên cứu ở cấp độ ý thức những bản văn của hệ thống Kinh Bát-nhã. Sự nghiên cứu này chưa đủ để đi vào Bát-nhã, phải thực hành Bát-nhã. Bát-nhã quán chiếu là sự thực hành Bát-nhã để đạt đến thật tướng của Bát-nhã, tức là tánh Không.

Chân lý, hay thực tại, đối với người Hy Lạp cổ là *aletheia*, lột bỏ sự che đậy, vén màn. Nhưng chân lý hay thực tại thì không tự che đậy, không phủ màn. Sơ tổ Vô Ngôn Thông đã nói về chân lý hay thực tại: “Không từng che giấu”, và “Khắp tất cả chỗ”. Thế thì sự che đậy, phủ màn này là do chúng ta. Chính chúng ta tự bịt mắt mình bằng những lớp màn chấp ngã chấp pháp để cái thấy về thực tại bị khúc xạ, méo mó, phân mảnh.

Sự quán chiếu của Bát-nhã là để lột bỏ những tấm

màn ấy, đang ngăn che chúng ta với thực tại của mọi sự vật là tánh Không, bởi vì sự vật thì từ vô thủy đến vô chung vẫn chính là tánh Không: “Sắc tức thị Không, Không tức thị sắc”. Sự vật vẫn bình thường là tánh Không như vậy. Nhưng chính sự bất bình thường của tâm, chính những bệnh tật trong tâm của chúng ta khiến cho chúng ta thấy sắc chẳng phải là Không, Không chẳng phải là sắc. Vậy thì Bát-nhã quán chiếu là chỉnh sửa lại cái thấy cho đúng, thấy không điên đảo méo mó. Cái thấy đúng (chánh kiến) này giải thoát chúng ta khỏi những bất bình thường, những bệnh tật thấy biết sai lầm của chúng ta, cũng những thứ này nuôi dưỡng cho thế giới khổ đau sanh tử của chúng ta.

Dùng thuật ngữ hiện đại thì Bát-nhã quán chiếu là giải cấu trúc, giải kiến lập (*déconstruire*) hệ thống những mê lầm vô minh của chúng ta.

Tác phẩm *Trung Đạo luận* hay *Trung luận* của Bồ-tát Long Thọ là một luận giải về tánh Không. Nhưng thật

ra, 27 phẩm của cuốn luận là 27 pháp quán để thấy ra tánh Không: quán nhân duyên, quán sự đến đi, quán sáu giác quan, quán năm ấm, quán sự nhiễm ô và người nhiễm ô, cho đến quán có không, quán Niết-bàn, quán 12 nhân duyên... Những chữ “quán” này ngài Cưu-ma-la-thập phần nhiều dịch thành chữ “phá”: phá nhân duyên, phá sự đến đi, phá sáu giác quan... Quán các tướng là để phá các tướng do vọng chấp phân biệt tạo thành. Khi các giả tướng tiêu trừ đến đâu thì thật tướng tánh Không hiện ra đến đó.

Kinh *Đại Bát-nhã* có rất nhiều pháp quán chiếu, đủ mọi góc cạnh, đủ mọi phương diện, đủ mọi đối tượng, cho đủ mọi khuynh hướng cá nhân. Ở đây chúng ta chỉ trích ra vài pháp quán trong phẩm *Vô Sanh* thứ 26, để thấy con đường Văn, Tư, Tu của Bát-nhã, để nghiên cứu, tư duy và thực hành Bát-nhã hầu thể nhập tánh Không.

Tánh Không này là Nền tảng của mọi bậc thánh Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và Phật. Tánh Không là Nền tảng của mọi tông phái Phật giáo. Phẩm *Vô Sanh* nói:

“Bát-nhã ba-la-mật hay sanh và dung chứa tất cả pháp lành của Thanh văn, Độc giác Phật, Bồ-tát và Phật”.

Phẩm *Vô Sanh* bắt đầu từ những câu hỏi căn bản của ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề trước sự hiện diện của Đức Phật:

“Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán các pháp. Những gì là Bồ-tát? Những gì là Bát-nhã ba-la-mật? Những gì là quán?”

Ngài Tu-bồ-đề nói: Vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà phát đại tâm, người này gọi là Bồ-tát. Người này cũng biết tất cả tướng tất cả pháp mà chẳng bám nắm, biết tướng của sắc cho đến biết tướng của các pháp bất cộng nhưng cũng chẳng bám nắm”.

Phát Bồ-đề tâm, muốn đạt đến tánh Không để cứu độ chúng sanh là con đường Bồ-tát. Bồ-đề tâm gồm đủ cả giới và hạnh của Bồ-tát, gồm cả bi và trí. Tất cả giới hạnh ấy phải được tiến hành trong sự không bám nắm, nghĩa là trong sự tương ứng với tánh Không. Bồ-đề tâm tương đối do có phát nguyện, có thực hành này dần dần thể nhập vào Bồ-đề tâm tuyệt đối, tức là tánh Không.

“Ngài Xá-lợi-phất hỏi: Những gì là tất cả tướng, tất cả pháp?”

Ngài Tu-bồ-đề nói: Nếu dùng danh tự và các nhân duyên hòa hợp để biết các pháp, đây là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi. Dùng danh tự ngôn ngữ để biết các pháp thì gọi là biết tướng của pháp.

Như lời ngài Xá-lợi-phất hỏi những gì là Bát-nhã ba-la-mật? Vì viễn ly nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Những gì là viễn ly? Viễn ly ấm, giới, nhập. Viễn ly ba-la-mật. Viễn ly Không. Do đây nên viễn ly gọi là Bát-nhã ba-la-mật”.

Các pháp là do danh tự và những nhân duyên hòa hợp mà có. Không có danh thì không có sự gọi tên phân biệt sự vật này với sự vật khác. Không có những nhân duyên hòa hợp thì cũng không có tướng của sự

vật. Tướng do những nhân duyên sanh và những nhân duyên diệt nên tướng không có tự thể, tướng không có tự tánh. Quán thấy các pháp chỉ là danh tướng, duyên sanh nên vô tự tánh, như vậy là quán tánh Không của tất cả các pháp. Bát-nhã quán chiếu hay Trí huệ quán chiếu là nhìn thấy thật tướng của tất cả các pháp, thật tướng đó là tánh Không. Như vậy tánh Không là sự giải thoát cho tất cả mọi tướng, nghĩa là giải thoát cho sanh tử.

Bắt đầu thấy tánh Không là bắt đầu viễn ly (xa lìa). Các tướng tiêu dung đến đâu, tánh Không hiện ra đến đâu thì viễn ly rộng ra đến đó. Viễn ly này là tự động vì tướng không có thật thì bám nắm cái gì? Mọi pháp có đó, nhưng không cứng đặc, không cốt lõi, không hình tướng, không có thật, như cầu vồng, như dơn nắng mà tướng là nước, như mắt nhắm thấy tóc rù hay con ruồi trước mặt, như thấy hoa đốm giữa không trung...

Sự viễn ly này không chỉ áp dụng cho đối tượng cần viễn ly, mà cho cả chủ thể đang sử dụng những phương tiện để viễn ly: “Viễn ly ba-la-mật. Viễn ly Không. Lại viễn ly bốn niệm xứ đến viễn ly mười tám pháp bất cộng, viễn ly Nhất thiết trí. Do đây nên viễn ly gọi là Bát-nhã ba-la-mật”.

“Những gì là Quán? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đại Bồ-tát quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải vui chẳng phải khổ, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, chẳng phải không chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng phải chẳng ly. Thọ tướng hành thức, các ba-la-mật... cho đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy. Đây gọi là đại Bồ-tát quán các pháp khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật”.

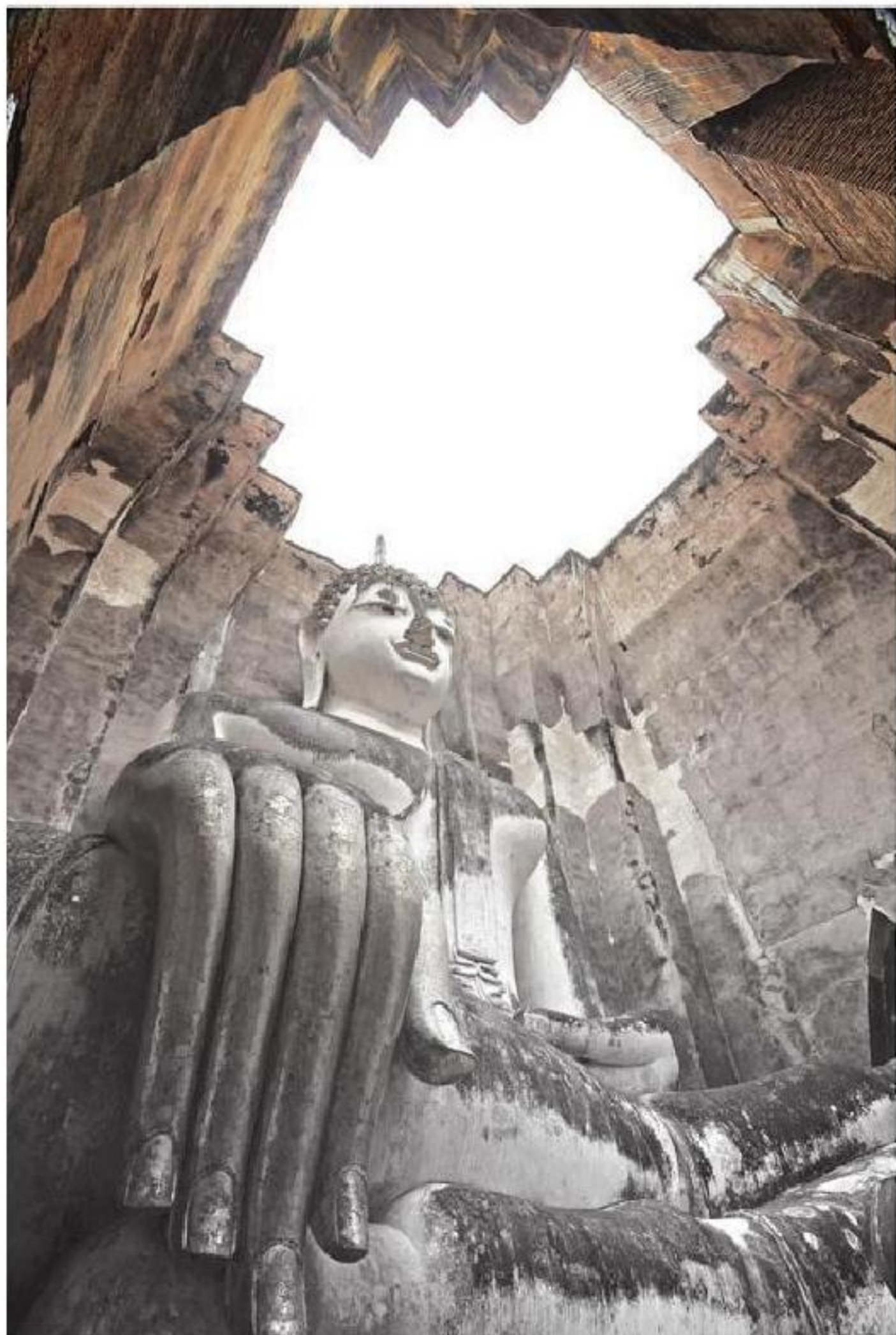
Quán là phá các tướng do bám nắm phân biệt mà có. Quán là phá các giả tướng để đưa chúng trở về thật tướng của chúng là tánh Không. Các tướng không còn che đậy thì thực tại tánh Không và cũng là thực tại tối hậu hiện ra: “Thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai” (*Kinh Kim Cương*).

“Ngài Xá-lợi-phất hỏi: Do nhân duyên gì mà sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải Nhất thiết chủng trí?”

Ngài Tu-bồ-đề nói: Sắc và sắc tướng rỗng không. Trong sắc rỗng không ấy không có sắc cũng không có sanh, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy. Do đây nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải Nhất thiết chủng trí”.

Sắc thọ tướng hành thức cho đến Nhất thiết chủng trí là rỗng không; rỗng không nên không có chỗ sanh ra. Sắc cho đến Nhất thiết chủng trí đã chẳng sanh nên chúng không phải là sắc cho đến Nhất thiết chủng trí. Chẳng sanh thì không có gì để gọi là sắc cho đến Nhất thiết chủng trí.

Chữ “chẳng phải” ở đây đồng nghĩa với chữ “chẳng



phải" trong câu kinh *Kim Cương* đã trích dẫn ở trên.

Quán sắc chẳng sanh, mà vốn đã chẳng sanh nên chẳng phải sắc, đó là quán chiếu của Bát-nhã ba-la-mật.

"Ngài Xá-lợi-phất hỏi: Do nhân duyên gì mà nói rằng sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhất thiết chủng trí?"

Ngài Tu-bồ-đề nói: Có sắc là có chẳng hai, cho đến có Nhất thiết chủng trí là có chẳng hai. Tất cả những pháp này chẳng hợp chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng. Do đây nên sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhất thiết chủng trí".

Sắc là chẳng hai, là vô tướng. Đã chẳng hai, vô tướng thì đó chẳng phải là sắc.

"Ngài Tu-bồ-đề nói: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh

chẳng khác sắc. Sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc. Do đây nên sắc ở trong không có hai. Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy".

Sắc là vô sanh cho đến tất cả các pháp là vô sanh. Đây là cái thấy giải thoát của Bát-nhã.

"Bấy giờ ngài Tu-bồ-đề bạch với Đức Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà quán các pháp như vậy thì thấy sắc là vô sanh, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Thấy thọ tướng hành thức vô sanh, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Cho đến thấy Phật và Phật pháp vô sanh vì rốt ráo thanh tịnh vậy".

Vì tất cả các pháp là vô sanh cho nên tất cả đều rốt ráo thanh tịnh, nghĩa là chưa từng bị nhiễm ô bởi sanh tử. Tại sao chưa từng bị nhiễm ô bởi sanh tử? Bởi vì trong Bát-nhã quán chiếu thì sanh tử là vô sanh, chưa từng sanh ra nên chẳng có sự nhiễm ô và cái gì bị nhiễm ô cả.

"Ngài Tu-bồ-đề nói với ngài Xá-lợi-phất: Tôi chẳng nghĩ pháp vô sanh có sở đắc. Tôi cũng chẳng nghĩ trong pháp vô sanh có được quả Tu-đà-hoàn, cho đến có được quả Độc giác Phật. Tôi cũng chẳng cho rằng trong pháp vô sanh có Bồ-tát làm việc khó làm là chịu khổ cho chúng sanh, Bồ-tát cũng chẳng dùng tâm khó làm để hành đạo. Tại sao vậy? Vì nếu sanh tâm khó tâm khổ thì chẳng có thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh.

Này ngài Xá-lợi-phất! Ở đây Bồ-tát thương xót chúng sanh. Với chúng sanh, Bồ-tát tưởng như cha mẹ anh em con cháu, cũng tưởng như thân mình. Thế nên Bồ-tát có thể lợi ích vô lượng vô số chúng sanh, vì chỗ dụng vô sở đắc vậy.

Bồ-tát nên sanh tâm như thế này: Như ngã là bất khả đắc, nơi tất cả chỗ, tất cả nội pháp ngoại pháp cũng đều bất khả đắc. Nếu sanh tâm như thế thì Bồ-tát không có tâm khó tâm khổ. Vì sao thế? Vì Bồ-tát này nơi tất cả chỗ, tất cả pháp đều chẳng lãnh thọ".

Vì tất cả đều ở trong thật tướng vô sanh nên sự chứng đắc của các bậc thánh và sự khổ đau của chúng sanh đều vô sở đắc. Tánh Không có thể hòa giải và hợp nhất hai điều đối nghịch: Sự tự giải thoát cho mình (Trí huệ) và làm việc cho sự giải thoát của người khác (Đại bi).

"Ngài Tu-bồ-đề nói: Đúng như vậy. Theo danh tự thế gian nên có trí, có đắc. Sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải đệ nhất nghĩa đế.

Vì sao thế? Vì trong Đệ nhất nghĩa đế (tánh Không) không có nghiệp, không có báo, không có sanh không có diệt, không có tịnh không có cấu".

Nghiệp và nghiệp báo có ra là do tâm phân biệt dựa trên danh tướng hư vọng, từ ý nghiệp này sanh ra khẩu nghiệp và thân nghiệp. Khi tâm và danh tướng đều Không, tâm và cảnh đều Không, thì nghiệp và báo cũng không còn chỗ để mọc mầm, thành cây, ra quả. Ba nghiệp chấm dứt thì sanh tử chấm dứt vậy.

"Ngài Xá-lợi-phất hỏi tiếp: Pháp chẳng sanh sanh chăng? Pháp sanh sanh chăng?"

Ngài Tu-bồ-đề nói: Tôi chẳng cho rằng pháp chẳng

sanh có sanh, cũng chẳng cho rằng pháp sanh có sanh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi: Pháp chẳng sanh nào không cho là có sanh?

Ngài Tu-bồ-đề nói: Sắc là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng cho là có sanh. Cho đến Vô thượng Bồ-đề là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng cho là có sanh”.

“Cái chẳng sanh cũng chẳng sanh”, đây là một trong những Văn tự Bát-nhã rất rõ, Quán chiếu Bát-nhã rất rõ và Thật tướng Bát-nhã rất rõ.

Kinh tiếp tục những đoạn về Bát-nhã quán chiếu:

“Ngài Xá-lợi-phất hỏi: Thế nào là các pháp không có chỗ y tựa?

Ngài Tu-bồ-đề nói: Tánh sắc thường Không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Cho đến tánh Nhất thiết trí thường Không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Do đây nên tất cả pháp không chỗ y tựa, vì tánh thường Không vậy”.

Với sự quán sát liên tục và tinh tế các pháp thường Không, không có chỗ y tựa, danh tướng của chúng mờ nhạt dần nhường cho tánh Không hiển lộ. Khi những tấm màn che của phiền não chướng và sở tri chướng đã bị loại bỏ một phần nào, người ta thấy trực tiếp tánh Không, tức là Đề nhất nghĩa đế. Thấy trực tiếp, dù còn chưa thật rõ, nghĩa là từ đây người ta không bao giờ mất Nó nữa, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, thời gian nào, không gian nào. Dùng chữ của kinh Pháp Hoa, đây gọi là Ngộ. Dùng chữ của Thiền tông gọi là thấy Tánh. Rồi tiếp tục đi sâu vào và sống trong tánh Không, thấm nhuần một cách trọn vẹn, đây là Nhập. Đến lúc chỉ còn là sự thanh tịnh tuyệt đối, vì không còn manh mún nào của phiền não và danh tướng của sanh tử.

Chúng ta trích một đoạn về Bồ thí ba-la-mật:

“Này ngài Xá-lợi-phất! Thế nào là sự Bồ thí ba-la-mật xuất thế gian? Chính là ba phần thanh tịnh vậy. Những gì là ba? Lúc bồ thí, đại Bồ-tát chẳng thấy có mình, chẳng thấy có người nhận, chẳng thấy có vật bồ thí, cũng chẳng trông mong báo đáp. Đây gọi là đại Bồ-tát bồ thí ba-la-mật ba phần thanh tịnh.

Lại lúc bồ thí, đại Bồ-tát bồ thí cho chúng sanh mà không thấy có chúng sanh, đem sự bồ thí này hồi hướng vô thượng bồ-đề, thậm chí không thấy có tướng pháp vi tế nào”.

Bồ thí mà an trụ trong tánh Không thì càng bồ thí người ta càng thâm nhập tánh Không. Bồ thí là việc làm phước đức. Không thấy có ba phần nên ba phần thanh tịnh là trí huệ quán chiếu tánh Không. Cả hai, phước đức và trí huệ, được hợp nhất trong cùng một quá trình. Nói cách khác, đây là sự hợp nhất của Phương tiện và Trí huệ.

Phần cuối của phẩm Vô Sanh, chữ “niệm đại bi” được nhắc tới ba lần.

“Người thực hành Bồ-tát đạo vì cứu tất cả chúng sanh nên tâm chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, bởi vì chúng sanh vô sở đắc vậy.

Bồ-tát phải thường chẳng rời niệm này: chính là đại bi niệm”.

Chỉ có trong Bát-nhã ba-la-mật mới hợp nhất được hai thực tại, mà với thế gian là mâu thuẫn với nhau, thành một. Đó là tánh Không vô sở đắc và đại bi chẳng rời bỏ chúng sanh.

“Ngài Tu-bồ-đề nói: Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không. Vì chúng sanh tánh Không nên tánh niệm cũng Không. Vì pháp chúng sanh không có nên pháp niệm cũng không. Vì chúng sanh ly nên niệm cũng ly. Vì chúng sanh rỗng không nên niệm cũng rỗng không.

Này ngài Xá-lợi-phất! Vì sắc không có nên niệm cũng không. Vì tánh sắc không có nên tánh niệm cũng không. Vì pháp sắc không có nên pháp niệm cũng không. Vì sắc ly nên niệm cũng ly. Vì sắc rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Cho đến Vô thượng bồ-đề cũng như vậy.

Này ngài Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bồ-tát đạo, tôi mong muốn vị ấy chẳng rời niệm này: chính là đại bi niệm”.

Sự thấu đạt tánh Không là Trí. Sự không bỏ chúng sanh là Bi. Trí và Bi phải có từ bắt đầu con đường, khi phát Bồ-đề tâm. Bồ-đề tâm này là tương đối vì có sanh khởi tác ý phát nguyện, nhưng cũng gồm đủ sự song hành của sơ trí và sơ bi. Cho đến khi đạt đến Bồ-đề tâm tuyệt đối (tức là tâm của các bậc giác ngộ) thì Trí viên mãn và Bi viên mãn hợp nhất trong Bồ-đề tâm tuyệt đối này.

Chính nhờ tánh Không mà Bi mới trở thành Đại. Nhờ tánh Không mà lòng bi mới mở rộng vô biên thành đại bi. Nhờ tánh không vô tự tánh và vô ngại mà có sự hợp nhất trọn vẹn của Trí và Bi. Một bậc giác ngộ thì có đủ ba thân hợp nhất: Pháp thân là Đại Trí, Báo thân và Hóa thân là Đại Bi.

Phẩm này kết thúc bằng đoạn kinh:

“Bấy giờ Đức Phật khen ngợi: Lành thay, lành thay! Đây chính là Bát-nhã ba-la-mật của đại Bồ-tát. Vị nào muốn nói thì phải nói như vậy. Tu-bồ-đề nói về Bát-nhã ba-la-mật đều là tuân thừa ý của Phật. Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải học như lời Tôn giả Tu-bồ-đề nói.

Lúc ngài Tu-bồ-đề nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật, cõi đại thiên chấn động sáu cách.

Bấy giờ Đức Phật mỉm cười.

Ngài Tu-bồ-đề bạch hỏi nguyên do.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Như ta nói Bát-nhã ba-la-mật tại quốc độ này, chư Phật ở trong vô số vô lượng quốc độ trong mười phương cũng nói Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Lúc Đức Phật nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật, có mười hai na-do-tha người và trời được Vô sanh pháp nhẫn. Lúc chư Phật mười phương nói Bát-nhã ba-la-mật cũng có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ-đề”.

Con đường Bồ-tát, con đường hợp nhất của Trí và Bi, là con đường thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Đây là con đường chung và phổ quát cho mọi thế giới, mọi cõi để đến giải thoát và giác ngộ. ■



Phật giáo Huế:

trầm mặc và linh thiêng

NGUYỄN VĂN TOÀN

Mặc dù đã khác trước nhiều, Huế ngày nay vẫn hấp dẫn du khách thập phương bởi nét đẹp của sông Hương núi Ngự, bởi sự uy nghi của đền đài lăng tẩm và vẻ thơ ngây của những tà áo dài phất phới lúc chiều tà. Và Huế vẫn giữ được sự trầm mặc vốn có được thể hiện trong phong cách của Phật giáo Huế.

Có thể nói chính Phật giáo Huế đã “điểm nhãn” để hoạt động du lịch Huế có “hồn” và có văn hóa hơn. Vào Đại lễ Phật đản 2012, khi nhìn bảy đóa sen hồng lung linh trên dòng Hương giang, người viết chợt nhận ra bảy điều vượt trội của Phật giáo Huế.

1 Huế: “miền đất hứa” của Phật giáo Việt Nam

Khi nhà Trần được vua Champa hiến tặng đất hai châu Ô - Lý, Phật giáo đã cùng người dân Đại Việt đến với vùng đất Thuận Hóa xưa.

Sau này, trải qua hàng thế kỷ, Phật giáo Huế đã trường

thành cùng với lịch sử phát triển kinh thành Phú Xuân - Huế, kể từ khi vùng đất này trở thành thủ phủ của xứ Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn (1558-1788), rồi trở thành kinh đô nhà Tây Sơn (1788-1801) và nhà Nguyễn (1802-1945). Cho đến thời điểm năm Nhâm Thìn 2012, Thừa Thiên - Huế vẫn mặc nhiên được xem là trung tâm Phật giáo của cả nước. Bởi theo số liệu của Ban Tôn giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế, tín đồ Phật giáo chiếm 60% dân số toàn tỉnh, trong đó có 1.035 tu sĩ, 563 tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường...

2 Liễu Quán - nét “rất Huế” của Phật giáo Huế

Phật giáo Liễu Quán là nét điển hình của cái riêng Phật giáo Huế. Liễu Quán là dòng phái thiền của người Việt Nam do chính người Việt Nam làm Sơ tổ nhờ sự gạn đục khơi trong, chắt lọc những tinh hoa của hai dòng Tào Động và Lâm Tế của người Trung Quốc hòa quyện với thuần phong mỹ tục của dân tộc trên tinh thần *giáo lý chỉ*

như đò đưa khách qua sông, không nô lệ văn tự để chống nhau. Điều quan trọng là đẹp đạo. Đẹp đạo mới là tất cả.

Không tin sấm ký, không chấp thần linh, Phật giáo Huế chỉ chọn điểm cao, thanh tịnh và tuân thủ luật phong thủy làm nơi tọa lạc của các chùa Huế. Đến các chùa Huế sẽ chẳng gặp chuyện bốc xăm bói quẻ, mà chỉ thấy cảnh nghiêm trang, trầm mặc, liên kết khứ-tại-lai, một thế giới suy tưởng vô lượng mà thu gọn. Trong những ngày lễ vía, tín đồ Phật giáo ở Huế và những người dân Huế đến lễ chùa, ngoài hương hoa trái cây, chỉ là tấm lòng thành kính Tín-Hạnh-Nguyện, tìm cho tâm hồn mình sự bình yên thanh thản, trong sáng, chứ không đến chùa cầu tài, cầu lộc, bói toán.

3 Lễ nhạc Phật giáo Huế hết sức độc đáo

Huế vẫn đầy bí ẩn và luôn luôn mới đối với giới nghiên cứu, đối với những người ưa thích tìm hiểu khám phá. Một nội dung mới của du lịch Huế hiện nay là chương trình Lễ nhạc Phật giáo đã từng được tổ chức nhiều lần ở một không gian diễn xướng rất thích hợp là Trung tâm Văn hóa Huyền Trân.

Ngoài chức năng nghi lễ tôn giáo, lễ nhạc Phật giáo có giá trị nghệ thuật được tích hợp từ những nét đặc thù trong dòng chảy văn hóa Huế nói chung, văn hóa Phật giáo Huế nói riêng. Không chỉ phục vụ đại chúng, lễ nhạc Phật giáo đang cuốn hút giới nghiên cứu tìm hiểu về ảnh hưởng của nhạc lễ Chăm đối với nhạc lễ Phật giáo Huế.

4 Ngôi chùa “định đô lập quốc”

Chùa Thiên Mụ – ngôi chùa được coi là cổ nhất ở Huế, gắn liền với huyền thoại chọn đất đóng đô của chúa Tiên Nguyễn Hoàng. Khi vào trấn thủ xứ Thuận-Quảng, chúa Nguyễn Hoàng đã đích thân đi xem xét địa thế ở đây nhằm chuẩn bị cho mưu đồ mở mang cơ nghiệp, xây dựng giang sơn cho dòng họ Nguyễn sau này.

Trong một lần đi dọc sông Hương ngược lên đầu nguồn, ông bắt gặp một ngọn đồi nhỏ nhô lên bên dòng nước trong xanh uốn khúc, thế đất như hình một con rồng đang quay đầu nhìn lại. Người dân địa phương cho biết, đây là đồi Hà Khê, đêm đêm thường có một bà lão mặc áo đỏ, quần lục xuất hiện trên đồi, nói với mọi người: “Rồi đây sẽ có một vị chân chúa đến lập chùa để tụ linh khí, làm bền long mạch, cho nước Nam hùng mạnh”.

Tin vào lời sấm truyền đó, năm 1601, chúa Nguyễn Hoàng cho xây dựng chùa trên đồi, ngoảnh mặt ra sông Hương, đặt tên là chùa Thiên Mụ. Trải qua hàng trăm năm tồn tại, mở rộng và phát triển từ thời các chúa Nguyễn đến vua Nguyễn, chùa Thiên Mụ được vua Thiệu Trị xếp vào “Thần kinh nhị thập cảnh” (20 cảnh đẹp của đất thần kinh) và ngày nay vẫn là biểu tượng tâm linh của người dân cố đô.



5 Ngôi chùa chôn cất thái giám “có một không hai” của cả nước

Chùa Từ Hiếu, hay còn gọi là chùa Thái giám, được xây dựng vào năm 1843, gắn với câu chuyện cảm động về tình mẫu tử của Thiền sư Nhất Định, người sáng lập chùa để phụng dưỡng mẹ già. Chuyện đến tai vua Tự Đức. Cảm phục tấm lòng hiếu thảo của sư Nhất Định, nhà vua đặt tên chùa là Từ Hiếu. Năm 1848, chùa được các vị quan lại trong cung triều Nguyễn, nhất là các vị thái giám, đóng góp cúng dường để trùng tu tôn tạo qui mô hơn cho việc thờ tự sau này. Chùa được coi là nghĩa trang thái giám có một không hai ở Huế và ở cả toàn quốc Việt Nam hiện nay.

6 Trung tâm Phật học cả nước xưa và nay

Chùa Từ Đàm, được xây dựng năm 1690 dưới đời chúa Nguyễn Phúc Thái, có tên gọi ban đầu là Ấn Tông, đến năm 1841 được vua Thiệu Trị đổi tên thành chùa Từ Đàm. Chùa trở thành trung tâm Phật học lớn của cả nước, hàng trăm niệm Phật đường và các khuôn hội thành lập sau này đều lấy bài trí cấu trúc và cách thờ tự của chùa Từ Đàm làm khuôn mẫu.

Nếu như chùa Từ Đàm là “khuôn mẫu” cho hậu thế thì chùa Báo Quốc, được xây dựng từ thế kỷ XVII thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, lại là trung tâm đào tạo Tăng tài cho Phật giáo cả nước. Đặc biệt, chùa trở thành nơi đầu tiên thành lập Trường Sơ đẳng Phật học (1935) và Trường Cao đẳng Phật học (1940) của cả nước.

7 Phật giáo Huế “riêng mà chung”

Chính vì những nét “rất riêng” và nổi bật của mình, Phật giáo Huế có tiếng nói và sự đại diện mạnh mẽ trong giới Tăng Ni, Phật tử cả nước.

Đặc biệt, chùa Từ Đàm là nơi diễn ra đại hội thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam và ký tên gia nhập Hội Phật giáo thế giới năm 1951. Bên cạnh đó, ngôi chùa Từ Đàm cũng là trung tâm của các hoạt động đấu tranh của Giáo hội Phật giáo chống các chế độ độc tài tại miền Nam vào những năm 60 thế kỷ XX, để lại dấu ấn lớn trong công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954–1975). ■

Khổ và giải thoát trong đạo Phật

JONATHAN REYNOLDS
NGUYỄN VĂN NGHỆ dịch



Không ai thích hay mong muốn trải nghiệm một chuyện khó khăn – nhất là khi trải nghiệm đó có thể rơi vào một phạm trù rộng lớn hơn gọi là “khổ”. Thường thì đó là lý do mà những người không am hiểu lời dạy của Đức Phật về khổ không quan tâm đến lời dạy quan trọng này. Họ không ưa thích, xem thường lời dạy này và không tin rằng một luận điểm có vẻ bi quan như vậy lại thực sự có thể mang lại sự an bình, thoải mái và hạnh phúc cho con người. Nhưng đây chính là những gì đạo Phật mang đến cho chúng ta thông qua chân lý cao quý thứ nhất (khổ đế). Vậy thì phần đông chúng ta nhận thức sai lầm ở chỗ nào về niềm vui chúng ta có thể có được khi chúng ta hiểu rõ về “khổ”.

Chúng ta hãy bắt đầu với chính từ “khổ”. Trong tiếng Phạn và Pali “khổ” là *“dukkha”*. Có lẽ sẽ đúng hơn nếu *“dukkha”* được hiểu là “sự không hoàn hảo” hay thậm chí là “sự mất thăng bằng”. Lúc đầu *“dukkha”* được dùng để chỉ một chiếc xe mà bánh xe và trục bánh xe không

khớp với nhau – nói một cách cụ thể hơn, nó có nghĩa là “ổ trục không tốt” có nghĩa là một tình trạng mà trong đó cái bánh xe thay vì chạy êm thì lại làm cho xe chạy bị xóc và kêu lóc cóc. Do đó từ *“dukkha”* được chọn để chỉ một tình trạng mà trong đó có một cái gì đó không vận hành một cách tối ưu. Nhưng trong trải nghiệm của con người có cái gì không vận hành theo cách có thể tạo ra sự an bình và thoải mái? Câu trả lời trong đạo Phật cho câu hỏi này là chính sự nhận thức không vận hành một cách tối ưu; và bởi vì “nhìn” không rõ, tất cả chúng ta đều chịu đau khổ vì vô minh do những méo mó của nhận thức gây ra. Những quyết định liều lĩnh của Romeo và Juliet, là một ví dụ hơi cường điệu về những quyết định dựa trên thông tin không đầy đủ – những quyết định như thế chính là cách chúng ta lao vào mọi chuyện trong thế gian; và chúng ta lao vào mà không bao giờ có thì giờ để băn khoăn hoặc chú ý xem bằng cách nào chúng ta có thể liên hệ đến mọi chuyện một cách khôn khéo và trực tiếp hơn.



Dukkha thực chất là kết quả của vô minh và từ đó mà nảy sinh ra sự nhận thức mù mờ tạo ra tham ái và những khuynh hướng không tốt đối với mọi trải nghiệm. Đó là lý do tại sao *dukkha* không chỉ giới hạn trong những định nghĩa đơn giản về “đau đớn” và “khổ sở”. Vì đúng ra, nó nói đến quan hệ của ta với những điều kiện của mọi trải nghiệm, bất kể những điều kiện đó có thể là những điều kiện gì. Ví dụ, sự “đau đớn” về thân xác thì chắc chắn là một thực tế của sự sống – có thân xác thì biết được cả khoái lạc lẫn đau đớn; nhưng việc thọ khổ là một sự khó khăn được gia tăng một cách không cần thiết – do mỗi người làm nó gia tăng một cách vô ý thức. Khi chúng ta trải qua đau đớn về thân xác, chúng ta thường hy vọng sự đau đớn giảm bớt đi hay chấm dứt. Khi chúng ta trải qua lạc thú thân xác, chúng ta hy vọng nó tăng lên hay kéo dài ra – và cả hai kiểu hy vọng này là khổ vì trong thực tại không ngừng trôi đi, những cảm nhận này chỉ làm cho chúng ta cách xa với thực tại của giây phút hiện tại. Giây phút hiện tại là

vốn như vậy và bất kỳ sự ham muốn làm cho nó khác đi chỉ làm hạn chế khả năng của chúng ta trải nghiệm thực tại trong điều kiện thực tế. Chủ thuyết của Phật giáo về vô thường (*annica*) đoán chắc rằng mọi trải nghiệm sẽ qua đi bất kể là bạn thích hay ghét trải nghiệm đó, nó sẽ qua đi như mọi chuyện đều sẽ qua đi. Khổ xảy ra như là kết quả của việc chúng ta không hoàn toàn dựa vào chân lý của thực tế này. Khi chúng ta chối bỏ những điều không mong muốn, chúng ta đã khôn khéo phủ nhận tính tạm thời của chúng, và có thể làm chúng diễn ra lâu hơn và có những hệ quả xấu hơn; và khi chúng ta bám víu vào những điều ta mong muốn, chúng ta sẽ thất vọng khi chúng mất đi. Những sự nhầm lẫn này là nguyên nhân gây ra khổ.

Phương thuốc Phật giáo đưa ra để đối trị trải nghiệm đau khổ là sự chấm dứt. Nguyên nhân của đau khổ là vô minh hay là nhận thức không rõ ràng; nếu chúng ta có thể loại trừ cái nguyên nhân này thì chắc chắn chúng ta sẽ loại bỏ được hậu quả của nó (tức là khổ). Để giúp ta đạt được mục đích này, đạo Phật đã chỉ ra Bát Chánh đạo, một quá trình tu tập có hệ thống khởi đầu với “chánh kiến” và bao gồm cả những phạm trù rộng về trí tuệ, giới luật, và những nguyên lý cơ bản về thiên định. Trong kinh nghiệm tu tập của tôi, bao gồm cả 15 năm thực hành các nguyên lý của đạo Phật, tôi thấy Bát Chánh đạo chắc chắn sẽ mang lại cho chúng ta một phương cách để giảm thiểu việc chúng ta bị đánh bầy một cách vô ý thức bởi thực tính theo qui ước hay thực tính theo bề ngoài của trải nghiệm. Khi chúng ta có thể hoàn toàn nắm được thực tại của một trải nghiệm nào đó, thì chắc chắn những sự lựa chọn của chúng ta sẽ được soi sáng một cách khéo léo hơn bởi những gì có hiệu quả thực sự; bởi vì khi ta bước đi trong bóng tối dày đặc của những khu rừng cây thì làm sao chúng ta có thể làm gì có hiệu quả được? Bát Chánh đạo là ngọn đèn mà đạo Phật khuyến khích nhân loại mang theo trên cuộc hành trình thường xuyên tầm tối gọi là cuộc đời. Dĩ nhiên nói vậy không có nghĩa là chúng ta sẽ không thỉnh thoảng vấp phải một cái gì đó chúng ta không nhìn thấy; tuy nhiên, chỉ cần mang theo ngọn đèn của sự tu tập cá nhân của mỗi người, thì chắc chắn chúng ta sẽ ít vấp vấp hơn hoặc là vấp vấp ít nghiêm trọng hơn. ■

Jonathan Reynolds là một thầy giáo dạy thiền và là một nhà trị liệu hiện đang sống ở Berkeley, California. Dựa trên nhiều truyền thống tri thức, việc dạy học và định hướng trị liệu của ông gắn kết với quan điểm dựa trên chánh niệm. Jonathan cũng là giám đốc điều hành của tổ chức *Learning to Listen Yoga & Meditation Collective*, một cộng đồng dạy học gắn bó với việc mang lại cho người ta những công cụ giúp phát huy cuộc sống có ý thức.

Nguồn: Buddhism's Suffering and Liberation, <http://buddhismmagazine.com>



Chúng tôi phóng sinh

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Cứ hủ nhật hôm ấy nhằm ngày mười bốn âm lịch. Chúng tôi rủ nhau tổ chức một cuộc phóng sinh ở TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chúng tôi quyết định thu gom những “chúng sinh” đang chờ chết ở một ngôi chợ nhỏ. Với khả năng của mình, chúng tôi chỉ có thể “giải thoát” toàn bộ số cá rô phi, ếch và cua lớn, cùng với một nửa số cá diêu hồng đang được bày bán vào lúc thu gom.

Tất cả những “chúng sinh” ấy được chúng tôi rộng vào trong các túi ni-lông hay thùng xốp có sẵn nước và được bơm dưỡng khí theo đúng cách những người buôn thủy sản vẫn làm, vì chúng tôi biết nếu không gìn giữ cho các “chúng sinh” ấy có được sức sống thì việc làm của chúng tôi trở thành vô nghĩa.

Hơn chục thành viên trong nhóm bạn và người quen tập hợp tại một trung tâm thiền định cách thành phố không xa lắm. Chúng tôi cùng thắp hương lễ Phật rồi làm lễ quy y cho các chúng sinh này. Những người có mặt hôm nay thành tâm muốn tạo điều kiện cho quý vị cá, cua, ếch để những chúng sinh ấy khi mãn kiếp sẽ được tái sinh vào cõi lành, không bị đọa vào ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Điều bất ngờ và thú vị là khi chúng tôi bắt đầu tụng kinh Bát-nhã rồi trì chú Đại bi thì cua cũng bắt đầu bò ra khỏi các túi. Những chú cá ban này lơ đãr, bấy giờ cũng bắt đầu quẫy rất mạnh. Có chú nhảy cả lên, suýt rơi ra khỏi thùng xốp. Nhiều thành viên bắt đầu chỉ chỏ, bàn tán thảm thì, quên mất cả việc tụng kinh, trì chú

cùng nhóm! Hầu như ai cũng cảm thấy niềm vui trong lòng mình, lại còn cảm nhận được niềm phấn khởi của những chúng sinh sẽ được phóng sinh hôm nay.

Lễ xong, chúng tôi chở cá, cua và ếch đi phóng sinh. Vì không biết rõ đường sá ở Biên Hòa nên chúng tôi vừa đi vừa hỏi đường. Cốt làm sao ra được sông Đồng Nai là được. Cốt sao để các quý vị về được với sông nước, với ngôi nhà thiên nhiên của họ!

Trên đường đi, những chú cua bò ra khỏi các túi ni-lông; bò ra và bám vào chân tôi. Họ bò, bám làm tôi thấy nhột nhột khắp hai bàn chân và bắp đùi dưới. Tôi thấy vui quá. Có lẽ, chỉ rất tình cờ thôi, tôi bật cười. Vừa niệm Phật vừa cười. Cười một phần vì vui khi cứu chúng sinh, phần vì thấy nhột nhột. Đúng là cua đang cù vào chân tôi! Nhột!

Đến gần sông Đồng Nai, chúng tôi rẽ vào một ngõ nhỏ bên phải đường và từ đó tìm lối đi qua nhà dân để ra phía bờ sông. Chủ nhà hoan hỷ và tìm mọi cách giúp đỡ. Đứng trước dòng sông, chúng tôi cùng niệm Phật rồi từ từ thả các chúng sinh ấy xuống sông. Tiếng niệm Phật vẫn đều đều trong lúc chúng tôi thả cua cá và ếch ra khỏi nơi tạm trú. Một thành viên trong nhóm cẩn thận nói với những người dân địa phương đang xúm lại quan sát việc chúng tôi làm, rằng hãy để cho những chúng sinh này được giải thoát, đừng tìm cách bắt lại kéo phải tội.

Khi các chú ếch được thả xuống nước, có vẻ như họ không muốn đi, cứ quanh quẩn bên chúng tôi. Một bạn buột miệng nói rằng, các chú ếch đang lưu luyến những người giải thoát họ. Bạn khác lại nói rằng các chúng sinh này đang ở lại để nghe niệm Phật. Tôi tung những chú cá diêu hồng và cá rô phi ra xa, phía xa bờ. Tận mắt tôi nhìn thấy rõ các chú quay lại, nhô đầu lên khỏi mặt nước, hướng về phía chúng tôi. Tôi cứ nghĩ rằng những chúng sinh này đang cảm ơn chúng tôi.

Hôm sau là thứ hai nhằm đúng ngày rằm, chúng tôi có mặt ở TP.HCM. Vào buổi chiều, chúng tôi lại đi tìm mua ốc để phóng sinh. Tại chợ Phạm Văn Hai chúng tôi thấy có một chỗ bán ốc. Chị bán ốc có bốn khay ốc, chúng tôi mua hết toàn bộ bốn khay ốc ấy với bốn loại ốc khác nhau. Tất cả chắc khoảng hơn chục ký.

Trong nhóm có một em sinh viên, quê Bến Tre, đề nghị nên mang ốc đến phóng sinh ở quận Bảy. Vì em biết rõ đường đi nên chúng tôi chỉ việc chạy xe theo em.

Nơi phóng sinh là một bãi đất bằng sát bờ sông, rất đẹp, có nhiều cây. Một số người đang ngồi uống cafe hay vui chơi. Có cả tiếng đàn ghi-ta của một nhóm bạn trẻ. Chúng tôi cũng tụng kinh, niệm Phật và trì chú trong lúc giải thoát cho những chúng sinh ốc này. Tôi nhìn thấy những chú ốc chậm chạp bò ra khỏi các túi ni-lông, có chú thò cặp giác tu ra ngoe nguẩy khiến tôi có cảm tưởng như chúng sinh ấy đang lắng nghe tiếng trì chú đều đều của chúng tôi. Chỗ chúng tôi ngồi xuống để thả ốc là sát bờ sông, nước trong vắt, nên tôi đã có thể nhìn thấy rõ những chú cá lội dưới nước như đang bơi về phía mình, có thể nghe được tiếng cá quẫy

nước. Trời dần về chiều, bên kia bờ sông tiếng chuông chùa vang ngân. Chúng tôi nghe được trong gió tiếng tụng kinh của quý thầy. Một buổi chiều tuyệt vời làm sao. Trời đẹp. Lòng người cũng đẹp.

Chỉ khi phóng sinh tôi mới hiểu rằng biên giới giữa sanh tử là rất gần. Khi gom cả nửa bể cá diêu hồng, tôi biết rằng có người nghĩ chúng tôi mua cá về để tổ chức nhậu nhẹt đông người. Và nếu chúng tôi chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn khẩu vị thì thọ mạng của bảy cá chiếu Chủ nhật hôm ấy chỉ kéo dài thêm được vài tiếng đồng hồ. Nhưng với quyết định phóng sinh của chúng tôi, chiếu hôm ấy đã có cả trăm sinh mạng được cứu vớt, cùng với những chú cá diêu hồng. Sự sống và cái chết của hàng loạt chúng sinh cũng đã được quyết định trong gang tấc.

Chỉ khi trực tiếp phóng sinh, nhìn thấy tận mắt để cảm nhận một thứ gần như là cảm giác của sinh vật vừa thoát khỏi cái chết cận kề cũng như thái độ cộng hưởng niềm vui của những người đồng hành đồng sự, tôi mới thấy rằng để có được một niềm vui thanh thoát cũng không khó lắm. Cứ việc đi mua động vật về phóng sinh. Tiễn nhiều mua chim, rắn, cá lớn, tiễn ít thì mua ốc, cua, cá nhỏ. Nhưng niềm vui khi phóng sinh khó mà so sánh! Tôi cảm nhận rất rõ niềm vui lớn lao từ các bạn Tứ, Thủy, Chín, Thùy, Đình, Liên, Vũ... Tôi vui với niềm vui của các bạn.

Chỉ khi trực tiếp phóng sinh, bạn mới cảm nhận được rằng các chú cua, tôm, ốc, ếch cũng rất muốn nghe kinh, nghe niệm Phật. Và chỉ khi đó bạn mới thấy thế nào là tình cảm, là sự quyến luyến. Họ có hiểu ta nói không? Họ có biết tấm lòng của ta không? Và họ có biết rằng sinh mạng của họ đã được cứu khỏi lưới hái của tử thần không? Tôi tin rằng có.

Viết đến đây, tôi chỉ mong rằng nếu mỗi chúng ta có thể ăn chay lấy bốn ngày trong một tháng, thậm chí hai ngày thôi, ngày mồng một và ngày rằm, thì đã bớt sát sinh được bao nhiêu rồi. Bạn cứ nhân lên với dân số 90 triệu người con đất Việt mà xem. Còn nếu mỗi chúng ta một tháng chỉ bỏ ra 1% lương để phóng sinh thì số lượng chúng sinh được cứu nhiều đến chừng nào!

Hiện nay ở Việt Nam ta cũng như trên thế giới đã có nhiều ngày lễ. Ngay trong tháng 10 này đã có ngày Doanh nhân, ngày Phụ nữ... Vậy thì tại sao không có thêm ngày Phóng sinh. Tôi nghĩ rằng cũng nên có NGÀY PHÓNG SINH hẳn hoi; khi đó toàn dân, ai ai cũng phóng sinh. Và biết đâu, sẽ có ngày phóng sinh trên toàn cầu! Tôi mơ đến ngày đó. Tôi cũng nghĩ rằng, có thể các bạn và chúng tôi sẽ cùng nhau là những thành viên nòng cốt trong việc vận động để có một ngày như thế. Lúc ấy, môi trường đã bớt ô nhiễm để chúng ta có thể phóng sinh ở bất cứ nơi nào.

Và tôi cũng mơ đến ngày chúng ta chẳng cần phóng sinh, vì sẽ chẳng bao giờ còn có sinh linh nào bị cầm giữ nữa. ■



Nhân chi sơ rờ vú mẹ

VÔ VĂN LÂN

"Nhân chi sơ rờ vú mẹ... tánh bốn thiện miệng...". Thấy giáo khê đặt tách trà xuống bàn. Tiếng gõ thước bỗng vang lên. Có đứa giật mình chỉnh lại "Nhân chi sơ, tánh bốn thiện; tánh tương cận, tập..." miệng ê a đọc đầu lắc qua lắc lại; có đứa mắt

lim dim ngủ gà ngủ gật... Cứ thế đọc đi đọc lại mà chẳng đứa nào hiểu mô tê gì. Thấy hạ cặp mắt để giảm cái nhìn nghiêm nghị, cười thắm "Con trẻ mà!". Đây là không khí lớp học trên dưới mười đứa học trò cách đây đã năm sáu mươi năm. Sau này được biết có người chủ trương "nhân chi sơ tánh bốn ác...". Tánh gốc của con

người vốn thiện hay vốn ác? Không biết bên nào đúng bên nào sai, bên nào cũng có lý nên vị nào cũng được người đời tôn sùng, hậu thế học tập.

Ngày nay giáo dục tiến tiến; năm này sửa đổi, tu chỉnh sách giáo khoa; năm sau cải cách, cải tiến phương pháp dạy và học... Thế mà lạ, không biết sao chất lượng ngày càng sút, đạo đức ngày càng suy và tiêu cực lan tràn từ gia đình đến nhà trường ra ngoài xã hội. Nguyên nhân? Chưa thấy có kết luận. Về mặt hiện tượng thì theo tin báo đài có khi chỉ vì một lý do lãng xet cũng đủ xảy ra bạo lực: xin tiền chơi 'game' hay ăn nhậu không được, con cháu đánh đập ông bà cha mẹ... Chỉ vì chút của cải vài chục triệu, phần tài sản còm cõi mảnh đất nhỏ, ngôi nhà rách nát... cha mẹ con cái đưa nhau ra tòa. Rồi vì tài sản tranh giành, chia chác... cha mẹ con cái vợ chồng anh em xích mích đến đâm chém nhau... con cái hành hung cha mẹ gây thương tích có khi đến chết. Trong nhà trường học sinh chia phe nhóm thanh toán nhau, hành hung thầy cô giáo; thầy cô xâm phạm nhân cách học sinh; cô bảo mẫu hành xử thô bạo với các cháu... trẻ vị thành niên tuổi còn non choẹt mười sáu mười bảy đã lén vào nhà đang tay giết chết cả nhà ba bốn mạng người để cướp vàng chỉ vì đua đòi ăn chơi, sắm sửa... băng nhóm cướp giết đánh đá đâm chém nhau xảy ra như cơm bữa. Trên thế giới cũng có trường hợp kẻ vô can tự dưng xả súng bắn xối xả... làm nhiều học sinh, trẻ em vô cớ chết bị thương; chiến tranh, khủng bố, không ngày nào không xảy ra bạo vụ ôm bom tự sát giết người hàng loạt trên. Con người ngày nay trở nên lạnh lùng trước cái chết, cái khổ đau của người khác. Bạo động không biết đã đến hồi kết chưa nhưng xem ra không còn thuốc chữa! Vì sao? Có phải "Nhân chi sơ tánh bổn thiện hay tánh bổn ác?". Để có một định hướng cho câu trả lời, tưởng cần lướt qua luận điểm của một số nhà văn hóa phương Đông là Mạnh Tử và Tuân Tử tiêu biểu cho tư tưởng Nho giáo; sau đó sẽ trình bày giáo lý của Đức Phật, bậc thánh nhân ra đời trước họ hai ba trăm năm mà tư tưởng của Ngài đã có ảnh hưởng sâu rộng đến phong tục, tập quán, văn hóa một bộ phận nhân loại.

1 *Mạnh Tử* tức Mạnh Kha tự là Dư người đất Châu nay là huyện Châu thuộc tỉnh Sơn Đông; sinh năm 372 trước Tây lịch đời vua Chu Liệt vương, mất năm 289 trước Tây lịch đời vua Chu Noãn vương, là nhà đại hiền triết có công lớn làm sáng tỏ Nho giáo. Mạnh Tử quan niệm con người tánh vốn thiện. Ông nói: "*Nhân tính chi thiện dã, do thủy chi tựu hạ dã: nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hử*" nghĩa là "*Cái thiện của tính con người cũng như nước không lúc nào là không chảy xuống chỗ thấp: con người không có bất thiện, nước không có không chảy xuống thấp*". Ông giải thích thêm rằng, nước mà vấy lên thì có thể lên quá trán; bị ngăn lại

thì nước có thể ở trên núi. Đó là cái thể bị ép chứ không phải là tính tự nhiên của nước. Tính người cũng vậy có thể làm điều bất thiện...". Mạnh Tử cho rằng người ta ai cũng có cái lòng không nỡ đối với người khác... Ai không có lòng trắc ẩn không phải là người; ai không có lòng xấu hổ không phải là người; ai không có lòng cung kính không phải là người; ai không biết phân biệt đúng sai phải trái không phải là người. Lòng trắc ẩn là mối của nhân, lòng xấu hổ là mối của nghĩa, lòng cung kính là mối của lễ, sự hiểu biết phải trái là mối của trí. Nhân nghĩa lễ trí không phải do bên ngoài tạo nên mà con người vốn đã sẵn, chỉ vì không biết mà thôi!

2 *Tuân Tử* tên là Huống tự là Khanh người nước Triệu. Sách sử không ghi rõ năm sinh năm mất của ông nhưng dựa vào những chi tiết được nêu trong *Sử ký Tư Mã Thiên*, các nhà nghiên cứu đoán định ông sinh vào quãng năm 315-310 trước Tây lịch, sau Mạnh Tử chừng nửa thế kỷ. Tuân Tử chủ trương tính ác. Ngay đầu thiên *Tính ác* trong sách *Tuân Tử*, ông nói "*Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả nguy giả*" nghĩa là "*tính người vốn ác, điều thiện là do người đặt ra*". Ông lập luận rằng "... cái tính của người ta sinh ra là hiếu lợi, thuận theo cái tính ấy thì sinh ra tranh đoạt mà sự từ nhượng không có; sinh ra là có đồ kỵ, thuận theo cái tính ấy thì sinh ra tàn tặc (giết hại, cướp bóc) mà lòng trung tín không có. Sinh ra là có lòng muốn của tai mắt thích thanh sắc, thuận theo cái tính ấy thì thành ra dâm loạn mà đánh mất lễ nghĩa đạo lý". Như vậy, thuận theo tính người thì sẽ có tranh đoạt giết hại cướp bóc và dâm loạn. Tuân Tử khẳng định, "tính tự nhiên là ác nên thánh nhân mới đặt ra nhân nghĩa lễ phép để sửa chữa cái tính chí thiện, chứ nếu tính đã thiện thì cần đến bậc thánh bậc vương và nhân nghĩa, lễ phép làm gì! Phàm người ta ai cũng muốn làm điều thiện là vì cái tính ác vậy. Thế thường hễ mỏng là muốn dày, xấu là muốn đẹp, hẹp là muốn rộng, nghèo là muốn giàu, hèn là muốn sang. Nếu không có ở trong ắt phải tìm ở ngoài...". Nói tóm lại, Tuân Tử cho rằng tính tự nhiên là ác, tuy nhiên tính ác có thể làm ra thiện bằng con đường giáo dục, gọi là "kiểu tính". Mục tiêu giáo dục theo Tuân Tử là uốn nắn cái tính lại cho thiện.

Quan điểm của Mạnh Tử và Tuân Tử hoàn toàn trái ngược. Xuất phát từ nhận định triết lý khác nhau về chữ Tính, mỗi vị có lý lẽ riêng bênh vực quan điểm của mình. Dù lập luận vững chãi, học thuyết của họ chỉ xét một phía vẫn còn phiến diện chưa thuyết phục trong khi con người và vạn hữu nói chung là một thực thể hợp nhất trong mối quan hệ tương thuộc. Nói thiện nói ác là còn đối đãi, còn đứng một phía, còn phân biệt đúng sai là còn đấu tranh để thống nhất mâu thuẫn và hệ quả dẫn đến khổ đau. Ai chịu chấp nhận ai khi mỗi người chỉ nhìn ở một khía cạnh.

Chưa kể phạm trù “nhân chi sơ” nếu chỉ đặt mốc từ khi con người hình thành trong bụng mẹ thì “tánh bốn thiện hay bốn ác” hạn chế chỉ một đời người không phản ánh thực tại con người, một tiến trình sinh tử tử sinh vô thủy vô chung. Trong khi trước họ hai ba trăm năm, đã xuất hiện một bậc thánh với con đường Trung đạo siêu vượt sai biệt thiện ác đối đãi. Đó là Đức Phật Thích-ca họ Cồ-đàm, vốn là Thái tử Tất-đạt-đa con vua Tịnh Phạn nước Ấn Độ.

3 Đức Phật với Trung đạo

Trung đạo không có nghĩa ở giữa mà là siêu vượt hai bên đúng sai, phải trái, tốt xấu; với nhận định con người vốn *như như, thanh tịnh*. Từ thực tiễn cuộc sống của một vị thái tử đầy quyền lực, được hưởng nếp sống giàu sang phú quý không thiếu bất kỳ thú vui hưởng thụ nào... mà vẫn không có được an lạc; chứng kiến chúng sinh khổ đau bởi sanh già bệnh chết, bởi ưa muốn mà không được đáp ứng, yêu thương mà phải chia lìa, ghét nhau lại phải chung đụng, bởi thân tử đại vô thường biến dịch... Tất-đạt-đa từ bỏ nếp sống vương giả trở thành Sa-môn Cồ-đàm quyết tìm nguyên nhân và con đường giải thoát khổ đau, cứu chúng sinh ra khỏi sinh tử luân hồi. Chấp nhận cuộc sống đơn độc giữa rừng sâu, chịu đựng đói rét, nắng mưa khắc nghiệt ma thiêng ám khí; trải sáu năm thực hành pháp môn đầu đà khổ hạnh cho đến khi thân thể suy kiệt, tâm không thể sáng suốt minh mẫn... Sa-môn Cồ-đàm quyết định lìa bỏ con đường thứ hai, nếp sống khổ hạnh. Và sau bốn mươi chín ngày đêm tĩnh tọa dưới cội bồ-đề, Ngài giác ngộ chân lý thực tại; nhận ra nguyên nhân khổ đau và con đường đưa đến chấm dứt khổ đau. Đó là Trung đạo hay Bát Thánh đạo, con đường có tám chi phần là chánh kiến, chánh ngữ, chánh tư duy, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Giác ngộ chân lý của cuộc đời, Ngài được xưng tụng là Đức Phật, là bậc giải thoát. Bằng trí tuệ và lòng từ bi, Đức Phật khai mở cho chúng sanh con đường tu học chấm dứt khổ đau và giải thoát sinh tử luân hồi. Thời hiện đại, khoa học phát triển chứng tỏ đạo Phật là giải pháp toàn triệt khả thi cho những vấn đề mang tính thời đại. Và các nước phương Tây với văn hóa hữu thần lâu đời đã quay về nghiên cứu và áp dụng giáo lý đạo Phật trong mọi lãnh vực cuộc sống. Đất nước ta hơn hai ngàn năm truyền thống Phật giáo, một thời gian dài giữ vai trò quốc đạo và là giai đoạn vẻ vang của lịch sử dân tộc. Không hiểu sao tình trạng tiêu cực ngày càng có chiều hướng trầm trọng và con người mãi bất ổn khổ đau?

Nhiều người cho rằng có nhiều lý do nhưng một trong những lý do là trẻ em ngày nay lớn lên không được sờ vú mẹ và mọi sự cố bắt đầu từ đó?! Nghe tưởng đùa nhưng xét kỹ thì không phải chuyện chơi.

Trẻ con trước kia hầu như trăm phần trăm được bú sữa mẹ, thỏa thích sờ vú mẹ. Sữa mẹ không ai chối cãi là nguồn bổ dưỡng tuyệt vời không gì thay thế được. Trẻ được bú sữa mẹ thì ít bệnh và phát triển tốt về mọi mặt tâm sinh lý. Và về chức năng kháng bệnh thì sữa mẹ là vô địch không thuốc đông tây nào bì kịp. Bà mẹ ngày trước trật vú cho con bú tự nhiên không ngại và người thấy cũng như nhiên! Ngày nay nhiều trẻ em mất điểm phúc được sờ vú mẹ vì không có mẹ để sờ vú hoặc có mẹ thì lý do này nọ... mẹ, vì phứt nông nổi lơ lửng và không giải được hậu quả gây ra đành bỏ con hoặc mẹ lại quá bận rộn công việc, công tác, vui chơi hay vì lý do trẻ đẹp... mẹ không thể để vú cho con sờ mà phải che nửa kín nửa hở để... Và đứa trẻ lớn lên thiếu vú mẹ, cũng có nghĩa thiếu tình thương thiếu tất cả... sẽ hận thù và tìm cách bù trừ, để trả thù... gây hậu quả tiêu cực xã hội, tật bệnh nan y, bệnh thời đại... Có lẽ chính vì vậy mấy năm lại đây Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) không ngừng kêu gọi “Cho con bú sữa mẹ” tức đòi trả lại cho bé sơ sinh quyền được sờ vú mẹ. Chẳng biết có quá đáng hay không, nhưng ai có dịp đến thăm nhà nuôi trẻ mồ côi... chùa Quang Châu, phường Hòa Phát, TP. Đà Nẵng chẳng hạn... sẽ thấy vấn đề! Nhiều năm qua sư trụ trì nuôi sáu bảy chục em đủ lứa tuổi cho đi học từ mẫu giáo, cấp một đến đại học. Bé sơ sinh còn đỏ hỏn trong đêm ai đem bỏ trước chùa, sáng ra phát hiện thì khó khăn chùa cũng phải mở rộng lượng từ bi bảo bọc. Sư cô cho biết nhiều em đang đêm khóc thét, dỗ chi cũng không nín. Tưởng bị bệnh đưa đến bệnh viện; khám chẳng thấy bệnh gì. Cho xuất viện trở về, em lại khóc. Một bà mẹ mới sinh ẵm bé vào lòng trật vú cho bú, em bé im re. Từ đó mấy chị mới sinh em bé luân phiên cho các bé ngậm vú ngày đôi lần, mỗi lần năm ba phút. Lại thay các em ăn chơi, không còn khóc. Ai có dịp đến thăm Trung tâm Trẻ mồ côi Hội An cũng chứng kiến cảnh tượng tự. Ở đây nuôi trên dưới hai mươi em bé đủ độ tuổi, trẻ sơ sinh bỏ ở nhiều nơi... người nhặt được đem đến giao Trung tâm. Lâu lâu có khách từ tâm đến thăm tặng quà, các em hết sức vui mừng nhưng không có món quà nào có ý nghĩa hơn niềm sung sướng các em được ẵm bồng. Các em ôm cứng không dứt ra được, cho đến khi cô bảo mẫu hay cô Phó Giám đốc đến bế thay, khách mới có thể ra về.

Như thế, *nhân chi sơ tánh bốn thiện hay bốn ác* không quan trọng bằng yếu tố *trẻ sơ sinh sờ vú mẹ*. Cũng có nghĩa là mẹ và sữa mẹ là tối quan trọng có ý nghĩa để một đứa bé lớn lên thành người bình thường và ảnh hưởng tích cực đến xã hội. Điều mà các nhà làm giáo dục và những cặp cha mẹ trẻ ngày nay không thể coi thường! ■

Tài liệu tham khảo: *Nhọ giáo*; Trần Trọng Kim; Nhà Xuất bản Tân Việt, Sài Gòn; in lần thứ tư.



Phật giáo và văn hóa Phật giáo

HOÀNG TÁ THÍCH

Trung tâm Văn hóa Phật giáo ở Huế, còn gọi là Trung tâm Liễu Quán, nằm bên hữu ngạn sông Hương, được thành lập từ mấy chục năm nay. Sau năm 1975, Nhà nước quản lý mãi cho đến gần hai mươi năm sau mới giao quyền lại cho Tỉnh hội Phật giáo Huế, bấy giờ chỉ là một ngôi nhà... không thể coi là một trụ sở văn hóa Phật giáo được. Tỉnh hội Phật giáo Huế đã cho vẽ một sơ đồ thiết kế để trùng tu, không lấy gì làm đồ sộ, nhưng đúng nghĩa là một trung tâm văn hóa. Kinh phí ước tính tuy không phải là cao, chỉ bằng một căn hộ trung bình ở thành phố, nhưng đối với Tỉnh hội Phật giáo Huế thì lại là một vấn đề khá khó khăn.

Suốt mấy năm trời, các thầy đi vận động khắp nơi, nhưng chẳng có một hưởng ứng nào đáp lại để có thể xây dựng lại cơ sở đó. Mãi cho đến khi duyên trời đưa đẩy, một vị Phật tử ở Sài Gòn nhưng lại quan tâm về

mọi Phật sự, đặc biệt là Phật sự liên quan đến Huế, trong một dịp ra cổ đồ, biết được nhu cầu xây dựng một trung tâm văn hóa Phật giáo cho xứ Huế, đã tận tình ủng hộ toàn bộ kinh phí; nhờ đó Tỉnh hội Phật giáo Huế đã có được Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán như bây giờ. Đúng là cái duyên của Huế nói chung và của Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán nói riêng. Có thể thấy những người quan tâm đến văn hóa Phật giáo cũng không phải là ít, nhưng họ đều là những nhà trí thức thuần túy, không có đầu óc kinh doanh, cho nên lực bất tòng tâm. Nếu không gặp được vị Phật tử hăng tâm hăng sản như nói trên thì chẳng biết đến bao giờ Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán mới có thể đi vào hoạt động.

Song song với chuyện xây dựng Trung tâm Liễu Quán, cách Huế khoảng 30 cây số về phía Nam, một cơ sở Phật giáo khác cũng được xây dựng. Đó là Thiền



viện Trúc Lâm Bạch Mã của Hòa thượng Thích Thanh Từ. Kiến trúc này được thiết kế giữa một vùng núi non hùng vĩ, kinh phí rất lớn. Có điều những người đứng ra quản xuyến việc xây dựng chẳng có ai phải lo lắng về vấn đề tài chánh cả, vì đó là thiền viện của Hòa thượng Thích Thanh Từ, một vị thiền sư nổi tiếng. Phật tử đổ tiền vào cúng dường một cách rộng rãi dễ dàng, vì đệ tử của Hòa thượng từ Bắc chí Nam đông đảo không làm sao đếm hết, và vì đó là một thiền viện. Thiền viện tuy không phải là chùa, nhưng Phật tử cũng có thể đến đây lễ bái, tu tập, hành thiền... như ở một ngôi chùa vậy. Không chỉ một thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã đang được xây dựng, mà vị thiền sư này còn thành lập rất nhiều thiền viện khác từ Bắc chí Nam và luôn luôn nhận được sự cúng dường sung mãn của Phật tử. Thế mới biết sự khác biệt giữa một vị Hòa thượng Phật giáo và một nền văn hóa Phật giáo. Điều này cũng không có gì lạ, vì trong bao nhiêu năm hoằng pháp, Hòa thượng Thanh Từ đã đi khắp nơi, giảng kinh, dạy pháp, hướng dẫn Phật tử hành Thiền và gần gũi với Phật tử. Các thầy đều nói rằng Hòa thượng Thanh Từ đã được hưởng một phước báu, có thể tích lũy từ những kiếp trước. Dù sao đi nữa, Hòa thượng là một thực tế, khác với một trung tâm văn hóa Phật giáo, nghe ra có vẻ mơ hồ hơn.

Phật tử có thể cúng dường Tam bảo một cách dễ dàng. Ngay cả việc cúng dường các Tăng Ni cũng là một chuyện rất đơn giản. Cúng dường một khoản tiền lớn để xây chùa, khác hẳn với việc cúng dường để in ấn kinh sách chứ đừng nói đến danh xưng của bốn chữ văn hóa Phật giáo, có vẻ không thực tế cho lắm đối với Phật tử thường chỉ biết đến chùa chiền. Ngay cả chuyện đến chùa lạy Phật, cầu phước, nhưng không phải chùa nào cũng giống như chùa nào. Chùa nào có thờ linh, các thầy thường xuyên làm lễ cầu an, cầu siêu cho Phật tử thì càng đông người lui tới. Chùa nào không có chúng, không có những lễ nghi như thế thì ít

người lui tới, chuyện đó cũng bình thường. Một vị Hòa thượng đã nói đùa: "Chùa thờ linh lúc nào cũng đông đúc Phật tử đến sinh hoạt, việc điều hành chùa tuy bận rộn nhưng dễ dàng vì có phương tiện cúng dường của Phật tử. Trái lại, những ngôi chùa chỉ đào tạo Tăng Ni có trình độ giáo lý cao như cử nhân, tiến sĩ thì phần lớn không có chúng, không có Phật tử", và vị này đã kết luận: "tiền linh có phần 'hơn' tiền sĩ!!!".

Nghe có vẻ buồn cười, nhưng thực tế là như vậy. Rất nhiều Phật tử đến cúng dường các chùa có thể nói là vì lợi ích cá nhân, vì chùa đối với họ là nơi lui tới, gửi gắm hương linh thân nhân, và còn là nơi đến để cầu phước đức. Thứ hai là vì tình cảm đối với vị trụ trì, xem chùa như một ngôi nhà thứ hai của mình.

Trong khi đó, những cơ sở về văn hóa thì quả là xa xôi và không thực tế cho lắm đối với Phật tử. Phần lớn Phật tử chỉ là những người theo Phật giáo, hiểu Phật giáo qua bốn chữ A-di-đà Phật, đến chùa lễ Phật, cầu an, cầu siêu cho thân nhân, ăn chay, niệm Phật. Họ chỉ cần biết Đức Phật là một vị hoàng tử bỏ ngai vàng cung điện tìm con đường giải thoát cho chúng sanh, nhưng giải thoát thế nào thì họ không hiểu đến nơi đến chốn. Phật tử đọc kinh bằng chữ Pa-li, bằng chữ Phạn, chữ Hán và thuộc lòng để chứng tỏ là một Phật tử thuần thành, nhưng hiểu được chữ Không trong Bát-nhã, thì chắc chắn không có bao nhiêu người.

Bây giờ, càng ngày càng có nhiều người trí thức, nhất là những nhà khoa học, đã từ bỏ những tư duy về tôn giáo khác để nghiên cứu Phật giáo. Tư tưởng Phật giáo giúp cho họ có những giải pháp tìm thấy sự giải thoát về mặt tâm linh trong đời sống con người. Họ nghiên cứu Phật giáo để tìm hiểu những tư tưởng của Đức Phật, để có một nhân sinh quan, một vũ trụ quan sâu sắc, rộng rãi hơn... Nếu có một trung tâm văn hóa Phật giáo tàng trữ kinh sách và những phương tiện, tài liệu để tìm hiểu Phật giáo thì đó là một nơi lý

tưởng cho họ. Ngoài ra, một trung tâm văn hóa Phật giáo còn là nơi để Phật tử sinh hoạt đoàn thể, là nơi các chư Tăng có phương tiện để nghiên cứu kinh sách... Nhưng nếu cùng nghĩ đến chuyện thành lập xây dựng một nơi như thế thì rất khó khăn thực hiện vì nhiều lý do. Thứ nhất, những nơi gọi là trung tâm văn hóa Phật giáo không phải là một ngôi chùa, mà là những nơi dành cho những người trí thức, những người hiểu rõ về giáo lý chứ không dành cho đa phần Phật tử chỉ biết chùa chiền. Thứ hai, những người trí thức trong hàng ngũ Phật giáo thì hầu hết lại không phải là những Phật tử doanh nhân, không đủ phương tiện để thực hiện được. Sau nữa, nếu đó là công việc của Giáo hội Phật giáo thì lại càng khó khăn vì Giáo hội không thể nào có kinh phí để thực hiện.

Ngay giữa việc cúng dường Tam bảo và cúng dường một Tăng sĩ cũng đã có sự khác nhau. Chùa chiền là nơi thờ Phật và vị trụ trì chỉ là một Tăng sĩ đại diện để điều hành. Cúng dường Tam bảo nghĩa là cúng dường vật chất để duy trì hoạt động của chùa, nhang đèn, hoa quả dâng lên bàn thờ... Không cần phải những phẩm vật giá trị, với lòng thành, người Phật tử có thể chỉ dâng lên bàn thờ Phật một đóa hoa, một ngọn nến... cũng là cúng dường Tam bảo. Nhưng không phải Phật tử nào cúng dường Tam bảo cũng nghĩ như thế, mà thường khi lại tính đến những vấn đề to lớn thực tế hơn. Tóm lại, cúng dường Tam bảo là Phật sự. Cúng dường cho một vị Tăng Ni nào đó, không phải là cúng dường Tam bảo, mà chỉ là giúp cho vị Tăng Ni đó có phương tiện

để sinh hoạt riêng tư, dù đó là một công tác trong việc hoằng pháp.

Ở một ngôi chùa bên Trung Quốc, có một tấm bảng viết một câu, đại ý: "Bất cứ thực hiện công việc gì, cũng phải có tiền, Phật sự bất ngoại lệ". Nếu không có một cư sĩ Cấp Cô Độc thì hôm nay chúng ta cũng không thể chiêm ngưỡng dấu tích của khu Kỳ viên, vườn Lộc Uyển ở Ấn Độ mà ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, vị Phật tử này đã bỏ rất nhiều tiền mua để làm một chỗ cho Đức Phật nghỉ ngơi, sinh hoạt.

Nghe nói ông Cấp Cô Độc muốn theo Đức Thế Tôn xuống tóc đi tu, nhưng Phật đã cản lại: "Nếu ông làm một Tỷ-kheo thì phước đức chỉ dành cho một bản thân ông, nhưng nếu ông là một đại gia với cái tâm như thế thì lại có vô số người được hưởng cái phước đó". Đức Phật thật có lý.

Tuy nhiên, có được một trung tâm văn hóa Phật giáo cũng chưa đủ, cái cần thiết là phải cấy văn hóa Phật giáo một cách rộng rãi vào trong tư duy Phật tử, chứ không phải chỉ để cho họ chỉ biết đến chùa lễ bái mà thôi. Chuyện xưa kể có người chơi đàn đứng giữa chợ, tấu lên một khúc nhạc phổ thông. Rất đông người xúm quanh để nghe. Cao hứng, người nghệ sĩ này chơi một khúc nhạc cao hơn. Một số người bỏ đi. Khi người này tấu một khúc nhạc rất cao diệu thì chung quanh gần như không còn bao nhiêu người.

Phải hy vọng và phải làm thế nào để càng ngày, khi một khúc nhạc cao diệu được tấu lên thì vẫn có rất nhiều người biết thưởng thức. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2012

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Chấm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mễ Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ

CT TNHH SXTM
Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiaol1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này: 426 cuốn
 Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



Hàng xóm láng giềng

LÊ HẢI DĂNG

Trong kết cấu làng xã truyền thống, hàng xóm là một tổ hợp tạo nên những giá trị văn hóa cho không gian cư trú. Cuộc sống của chúng ta được bao bọc bởi nhiều nhân thể tương chừng xa lạ, nhưng rất đỗi quen thuộc, gần gũi, đặc biệt là quan hệ láng giềng. Dân gian có câu: “Bán anh em xa, mua láng giềng gần”, “Hàng xóm tắt lửa tối đèn có nhau”... Đó là những quan niệm khẳng định giá trị nhân văn trường tồn từ bao đời nay. Mặc dù trải qua thời gian dài tồn tại bền vững trong kết cấu

làng xã, mối quan hệ hàng xóm láng giềng không phải lúc nào cũng diễn ra một cách tốt đẹp, suôn sẻ; cũng có những khi xuất hiện ít nhiều mâu thuẫn xung đột diễn ra trong lòng thực thể của nó. Song, nhờ vào kết cấu cô lập với thế giới bên ngoài tạo bởi không gian cư trú với những thiết chế hữu hình, trực quan dễ nhận biết như lũy tre, bờ ruộng, đình làng, bến nước, bờ đê... nhằm tạo nên sự cố kết, hàng xóm láng giềng vô hình trung trở thành hợp thể gần gũi thân thuộc, không tách rời nhau. Trong kiến trúc làng xóm, cá thể

chỉ đóng vai trò của một thành tố nhỏ bé hòa tan vào trong chỉnh thể hợp nhất của xóm và làng. Không gian kiến trúc vì thế không phân chia biệt lập, mà nương nhờ, tương tác qua lại. Nhà nhà cách nhau bờ rào, bụi cây, cái giậu mừng tươi, khóm trúc, vườn chuối... Người nhà này có thể đi qua hay đi nhờ con đường dẫn vào nhà người kia. Vượt lên trên hết, hàng xóm trở thành những thực thể giống như bản thể của mỗi người, có cùng sở nguyện và chung sống cạnh nhau. Theo quan niệm của nhiều xã hội văn minh, người hàng xóm cũng giống như bản thân ta nhưng cư trú ở bên cạnh. Mỗi quan hệ tình làng nghĩa xóm vì thế trở nên gắn bó chặt chẽ, mật thiết.

Bước sang xã hội đô thị, trước sự bất tức về thiết chế văn hóa, cộng hưởng với một môi trường hỗn dung giao diện giữa truyền thống và hiện đại xét về mặt thời gian, giữa đô thị và nông thôn xét về mặt không gian, giữa quá trình nông thôn hóa đô thị và đô thị hóa nông thôn xét về mặt tính chất, không gian đô thị bị xâm thực bởi các yếu tố ngoại tạp, còn không gian nông thôn thì tràn ngập yếu tố ngoại nhập, kết cấu hàng xóm hoàn toàn bị biến dạng, trở thành những tổ hợp khiên cưỡng bên nhau. Không ít loại hình kiến trúc "lô cốt" với dây thép gai làm xót xa lòng hàng xóm. Những hình ảnh thô bạo, xâm hại đến tình làng nghĩa xóm mọc lên khắp nơi. Hàng xóm không những cách trở về mặt không gian, mà còn xa lạ về mặt ứng xử. Tâm lý phòng ngừa lẫn nhau thể hiện qua không gian cư trú. Những lưới móc, dây thép gai, bờ tường gắn mảnh chai, mảnh sành... chia sang nhà hàng xóm. Và đặc biệt, chúng hiển hiện, lộ lố một cách trơ trẽn, vô sỉ ngay giữa đô thị được coi như điểm đến của xã hội hiện đại! Bờ rào ngăn cách không gian cư trú dường như mặc nhiên bị biến thành tường lũy, bờ hào nhằm ngăn cách, phòng vệ sự xâm lấn, đột nhập của người hàng xóm. Nhiều quốc gia trên thế giới, chính phủ ra những quy định không cho phép tường rào xây cao quá 60cm. Để làm gì? Để bờ rào trở thành "thiết chế" xác lập quyền sở hữu về không gian cư trú, thay vì làm công việc của pháp luật. Để cho vườn hoa của nhà hàng xóm vẫn làm đẹp cho mắt ta và ngược lại.

Ài cũng biết, có hàng rào chẳng đẹp đẽ gì, đặc biệt loại hàng rào thép gai, mảnh sành, lưới móc, thậm chí có thêm cả dây điện giống như nhà tù, nhưng nếu loại bỏ chúng đi thì lòng bất an. Vấn đề nằm ở chỗ, pháp luật vốn là thứ "hàng rào" ngăn ngừa hành vi xấu xa, đen tối nhằm bảo vệ thiện ý của mỗi con người (công dân). Vì, sự khiếm khuyết hay bất lực của hệ thống giám sát, công tác thực thi pháp luật đã tạo điều kiện cho thứ hành vi ứng xử phản cảm, phản văn hóa, phi nhân tính... nảy nở, phát triển. Những biểu trưng phi văn hóa này dễ dàng khoét sâu, làm rộng thêm khoảng cách giữa những người hàng xóm cư trú bên nhau. Ngày nay, cùng với xu hướng "phẳng

hóa" của thế giới, người ta có thể thông qua internet để giao dịch, liên hệ, trao đổi, thậm chí tán gẫu với người nào đó chưa từng gặp mặt ở bên kia bán cầu, nhưng ngược lại, người ta ngày càng xa lạ với chính những người sống ngay bên cạnh mình. Hiện tượng bất thường này không còn xa lạ trong xã hội cộng cư dựa trên nền tảng của những khác biệt văn hóa. Song, điều ngạc nhiên là, trong một xã hội mệnh danh là ổn định, tại sao người ta lại phòng ngừa, nghi ngờ nhau đến thế? Nhà văn Nguyễn Quang Thiều trong bài: "Nước Mỹ quên khóa cửa và thấy khóa bị phá ở Nội Bài" đã kể rằng, ở Mỹ để iPad ngoài cửa chẳng hề bị trộm cắp. Còn ở ta, vì laptop mà mất cả mạng người. Phải chăng nghèo đói là cội nguồn của tội ác? Tôi từng sống với đồng bào Banar tại Plei Xí Thoại, Phú Yên, người K'ho ở Sơn Diên, Di Linh... trong điều kiện nhà không cần cài cửa. Nhiều đồng bào cư trú ở miền sơn cước trên đất nước ta cách đây mấy năm còn chưa có điện, mì gói coi như thứ hàng xa xỉ. Vậy mà họ vẫn sống hồn nhiên, lương thiện. Trong khi nạn tham nhũng xảy ra hầu hết đối với những kẻ có tiền của, địa vị, tiền bạc, danh vọng... Rõ ràng, nghèo đói chỉ liên quan rất ít đến thói xấu của con người ta. Thiết nghĩ, chuyện trộm cướp (dưới bất cứ hình thức nào) phải coi như nỗi nhục quốc thể, chứ không chỉ hạ giá thành tình hình trị an còn nhiều bất cập!

Xuất phát từ công tác thực thi pháp luật lỏng lẻo, chưa xác lập được chuẩn mực ứng xử để điều tiết hành vi, hệ thống pháp luật chưa trở thành hệ "điều hành" đóng vai trò định hướng, nên tính tự phát trở thành dòng chủ đạo trong lòng đô thị. Những rạn nứt từ bên trong đã phơi bày ra bên ngoài kết cấu không gian cư trú. Giá trị văn hóa hun đúc từ ngàn đời về tình làng nghĩa xóm đã không còn được tiếp nối, thay vào đó, thái độ nghi kỵ, phòng ngừa lẫn nhau ngự trị. Láng giềng vì thế trở thành những kẻ xa lạ, khó hiểu, thậm chí đáng tình nghi... Mọc lên nhan nhản giữa đô thị có nhiều ngôi nhà với hình ảnh dây thép gai, lưới móc đâm nát không gian nhà hàng xóm.

Trong rất nhiều luật, ở ta vẫn chưa có luật cưỡng bức, cưỡng chế dỡ bỏ những biểu trưng phản cảm trên. Chúng vừa không thể trang sức, làm đẹp cho không gian cư trú, vừa không thể coi là một bộ phận cần có xét với tư cách của một thiết chế cấu thành tòa nhà. Quyền của công dân nên được thể hiện trên hệ thống chuẩn mực và tính khả thi của luật pháp, thay vì ký thác trên thực thể của những ngôi nhà. Mấy năm gần đây, xã hội ta liên tục xác lập những ngày lễ nhằm ghi nhận giá trị văn hóa của nhiều ngành nghề, lĩnh vực như Ngày doanh nhân, Ngày môi trường, Ngày gia đình, Ngày phòng chống bệnh Sida, Tim mạch... Trong tương lai chắc hẳn còn phải bổ sung thêm ngày Hàng xóm trước tình trạng xuống cấp, suy thoái về giá trị của thứ văn hóa thuộc loại truyền thống ngàn đời này. ■



C on đường về làng hôm nay sao bình yên quá. Vẫn mùi bụi đường quen thuộc ngày nào như khi con còn ở nhà, vẫn mùi rơm khô giòn thơm nồng trên sân phơi. Đứa con trai thân yêu của ba đã trở về sau nhiều tháng miệt mài học tập. Ở nơi phương xa đó có những ánh đèn đường sáng lấp lánh, nhưng lòng con vẫn thèm một ánh đèn dầu ấm áp nơi quê nhà. Con thèm được ăn bát canh rau muống của mẹ như lúc trước. Vẫn biết nhà mình nghèo không có đủ tiền mua thịt cá cho một bữa ăn thơm tất, nhưng con thích những lời khen của ba dành cho mẹ trong mỗi bữa ăn “má mày nấu canh rau muống ngon hơn cả canh thịt con à”. Dầu bình thường một bữa ăn đạm bạc nhưng không khí gia đình ấm áp, mọi người thương yêu nhau là con đã thấy quá hạnh phúc rồi.

Con lên thành phố ăn học chẳng đủ đầy như người khác, nhưng con không bao giờ phân bua hay đua đòi. Có lúc trong bữa ăn ba đùa với con rằng: “Mày lên thành phố còn được ăn ngày ba bữa cơm thịt chứ ba với mẹ ở nhà ngày nào cũng rau muống xào với rau muống nấu canh thôi”, nghe đến đây lòng con bỗng quặn thắt nói không nên lời. Ba mẹ ở nhà làm lụng vất

vả suốt cả ngày mà chỉ ăn uống như thế thì làm sao lòng con không đau. Con vẫn nhiều lần úp mặt vào gối mà khóc vì thương ba mẹ quá. Nhiều lúc con không muốn đến trường để ba mẹ không phải vất vả vì con nữa, con muốn ở nhà đi làm để ba mẹ bớt khổ. Nhưng ba đã nhìn vào mắt con rồi nói: “Suốt cả cuộc đời ba khổ cực đã nhiều lắm, ba chẳng cho tụi mày được cái gì cả, ba mẹ chỉ cố gắng cho tụi mày cái chữ để ra đời mà kiếm miếng cơm”, giọt nước mắt trên khóe mắt con cứ như sắp rơi xuống khi nghe ba nói như vậy. Ba cả đời lam lũ trên mọi công việc, cả sớm cả trưa không còn biết đồng hồ điểm mấy giờ nữa. Nhà có ba đứa con mà hai đứa đi học đại học ở xa nên ba mẹ vất vả càng thêm vất vả. Mỗi lần trở về nhìn thấy cha gầy đi rất nhiều, còn mẹ thì xác xơ, làm con cảm thấy xót xa và có lỗi. Thế nhưng lúc nào ba cũng làm con bình tâm hơn nơi giảng đường, ba nói với con là “ba mẹ luôn là hậu phương vững chắc, các con cứ yên tâm mà lo ăn học là ba mừng rồi”. Ba thương tụi con nhất trên đời, dù có khó khăn và cực khổ đến bao nhiêu thì ba mẹ vẫn luôn cố hết sức để kiếm tiền đủ cho con ăn học. Đằng sau những câu dạy bảo của ba là cả một chân lý để con bước vào đời.



Ba của con khác với những người khác. Mỗi buổi sáng, ba phải dậy thật sớm để đi cày đi bừa, đi gặt... đến khi ngoài đồng không còn ai nữa thì ba mới chịu về. Buổi tối thì tối mịt mới về, mấy người trong làng thấy ba về là lại đùa "trăng lên rồi hả?". Những lúc nghe nói như thế, con bỗng thương ba vô cùng, con muốn ba về sớm một chút để bữa cơm tối được sớm hơn, nhưng ba bảo "cố gắng cho xong luôn để mai làm việc khác". Ba làm việc bằng tất cả sức lực của mình và không biết mưa gió gì hết. Những khi trời mưa, hầu như mọi người đóng cửa kỹ để ở trong nhà, còn ba mẹ thì vẫn đội mưa làm việc ngoài đồng. Những lúc ấy con tự cảm thấy mình thật bất lực, chỉ vì anh em con mà ba mẹ chịu khổ đến như vậy. Tội con muốn ba mẹ được nghỉ ngơi cho khỏe nhưng có biết làm thế nào đâu.

Những lần con về thăm nhà rồi sau đó ra đi, ba mẹ lại phải ngược xuôi kiếm tiền kiếm gạo. Con vẫn nhớ như in cái khoảnh khắc lần về hôm trước, lúc con đi thì trong nhà chẳng còn đồng bạc nào. Mẹ phải chạy vay khắp xóm để vay mượn. Mà đâu phải mượn là có. Rồi con cũng biết rằng mẹ đã phải "cần răng lay dạ" người này kẻ nọ để kiếm đủ số tiền cho con đi học dù mẹ không bao giờ nói cho con biết điều đó vì mẹ không

muốn con bận lòng mà bỏ học giữa chừng. Cầm đồng tiền trong tay mà lòng con nặng như đeo chì. Ba cứ bảo: "Tội mày lo học đi, thiếu đủ gì ba lo hết, khi nào còn sức thì ba còn lo cho chúng bay được" làm cho con cảm thấy đôi chân mình nặng trĩu khi bước chân ra khỏi nhà để trở vào thành phố. Một lần trước con cũng về và đi như vậy, hôm ấy trong nhà chỉ còn vài bao lúa. Vì con cần tiền vào để đóng tiền phòng tiền học nên ba mẹ đành bảo con chờ lúa đi bán. Mỗi mùa được mười bao lúa nhưng biết bao nhiêu là khoản cần dùng, trong khi đó lúa gạo lại rẻ như bèo, con không đành lòng, nhưng rồi con cũng phải nghe lời ba mẹ.

Con lại nhớ những ngày thất thường của trời mùa đông năm ngoái lúc con về thăm nhà. Mới vừa nắng đẹp đó đã lại đổ mưa. Đang ăn dở bữa cơm, con đã đứng lên muốn phụ ba mẹ chạy ra lấy bó cà rốt đang phơi ngoài đường lại, nhưng ba đã bảo để đấy cho ba, rồi ba mẹ nháo nhào chạy ra đường giữa những làn mưa có lẽ quất buốt da. Từ khi con bước vào đại học năm đầu tiên thì gia đình mình cũng khó khăn quá rồi; giờ đây, em con nối bước con, gánh nặng trên vai ba mẹ lại càng thêm nặng. Vậy mà ba vẫn nói, "ba rất tự hào rằng mình có hai thằng con lớn thì đều vào đại học hết, ba rất mừng và ba sẽ cố gắng lo cho các con ăn học để các con có cái cần câu cơm sau này". Lời ba nói đầy yêu thương, mà con nghe nặng như non Thái.

Con trở về rồi ngày mai con lại đi. Hôm nay mẹ đãi cho cả nhà món cá chim kho cải chua. Con khen mẹ nấu ăn ngon quá, nhưng rồi lại quay sang hỏi mẹ "sao hôm nay mẹ không nấu canh rau muống nữa?". Mẹ cười trả lời con "mẹ nấu ngon cho con trai mẹ ăn bữa rồi mai đi học chứ, phải có sức khỏe thì mới chiến đấu được". Nhưng con vẫn thích cái mùi vị ngọt lành của canh rau muống do mẹ nấu. Nó gắn liền với tuổi thơ và gia đình thân yêu của con. Ngày mai con đi chắc ba mẹ sẽ buồn lắm, ở nhà chỉ còn hai người làm việc quần quật và thằng út thì đi học cả ngày. Con vẫn biết đêm nay sẽ là đêm mà mẹ không ngủ được vì lo chạy vay vay tiền cho con để sáng mai con vào lại trường học. Sao thương mẹ quá, tự nhiên muốn ngả đầu vào lòng mẹ mà thối thức.

Dù đi khắp các ngã cuộc đời thì trong trái tim con vẫn thương ba mẹ nhất. Dù sau này muôn phương nhưng con mãi mãi là con ba mẹ. Con nguyện với lòng mình sẽ cố gắng học thật tốt để không phụ lòng của hai người. Chợt trong tâm con lại vang lên mấy câu thơ "Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ. Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha". Cha mẹ suốt đời chăm lo cho con cái, dõi theo từng bước đi của con để con được trưởng thành. Mẹ cha như những cánh chim, như những bông hoa cho con bay vào cuộc sống. Con viết bài này để gửi đến bố mẹ sự biết ơn chân thành và sự kính mến vô cùng của con dành cho ba mẹ. Con mong rằng ba mẹ sẽ mãi mãi bên cạnh con. ■



Chiếc bếp cà-ràng của khách thương hồ Tây Nam Bộ

PHAN VĂN CHÍN

Hành trang của người lưu dân đi mở cõi xưa, hẳn là gọn gàng, giản tiện lắm; bởi phần lớn trong số họ là những người nghèo, không một “hòn đất chọi chim”. Thế nên họ mới lăm lũi đi về phương Nam, tìm cho mình một tương lai tươi sáng hơn, một ngày mai khác với ngày hôm qua. Trong những túi hành trang đó, chiếc bếp có lẽ là một trong những vật dụng quan trọng nhất. Bếp để giữ được lửa nấu chín thức ăn, bếp để nuôi lửa để phòng thú dữ, đuổi bớt muỗi mòng, bếp để xua tan chướng khí và giữ lại một góc quê hương, một nếp nhà chỉ còn in dấu trong ký ức theo mỗi bước chân dấn xa.

Và hơn tất cả các loại bếp nào khác, chiếc bếp cà-ràng có lẽ một chứng nhân giữ lửa qua ngàn dặm lênh đênh với nhiều tính năng ưu việt, nhất là đối với những người khách thương hồ trên sông nước mênh mông.

Hình bóng khách thương hồ ở Tây Nam Bộ

Khách thương hồ là một biểu tượng rất đẹp, xuất hiện không chỉ trong những tác phẩm văn chương mà còn là một biểu tượng văn hóa cho con người và vùng đất Tây Nam Bộ. Đó là một cuộc sống của một bộ phận cư dân sống trên sông nước, chọn nghề buôn bán như một phương tiện kiếm sống hàng ngày.

Về mặt kinh tế, khách thương hồ là một trong những mắt xích quan trọng trong mạng lưới giao thương bằng đường thủy từ xa xưa ở vùng đất này. Điều này càng được chứng minh khi vai trò của khách thương hồ tiếp tục được phát huy trong xã hội hiện đại. Với tính chất cơ động và nhạy bén, khách thương hồ với công việc buôn bán của mình được đánh giá là một trong những kênh phân phối hàng hóa chính và rộng khắp ở vùng Tây Nam Bộ.

Về mặt văn hóa, khách thương hồ là một trong

những hình ảnh đại diện tiêu biểu cho những cư dân từ thời khẩn hoang ở vùng đất Tây Nam Bộ còn tồn tại cho đến ngày nay. Họ, ban đầu có lẽ là "người dân Trung, Bắc bần cùng lưu tán hay muốn tránh cuộc phân tranh đẫm máu kéo dài giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn, từ đầu thế kỷ XVII đã lần lượt theo gió mùa vào vùng Đồng Nai - Cửu Long để kiếm sống và an thân. Họ là những người tiên phong vũ trang bằng óc phiêu lưu mạo hiểm, bằng cán búa, lưới cày, tấm lưới"¹. Dần dần, theo xu thế một nền kinh tế hàng hóa phát triển ở vùng Tây Nam Bộ, học theo thói kinh doanh của người Hoa, những lưu dân người Việt xưa cũng chọn nghề buôn bán, như một cơ hội mới:

*Ra đi gặp vịt cũng lùa
Gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu.*

Bên cạnh những người chọn nghề buôn bán trên sông nước như một cái nghiệp ấy, còn có những người nông dân miệt vườn, trong những lúc nông nhàn, cũng xuôi ghe từ Tiền Giang về vùng Hậu Giang, Miệt Thứ², làm khách thương hồ trên những chiếc ghe buôn bán hàng bông. Kể cả có khi họ ra đi chỉ với đôi bàn tay trắng cùng một tâm hồn lữ thứ, muốn thỏa chí tang bồng trai tráng bằng đủ thứ nghề như làm thuê, gặt lúa mướn... đó đây.

Và chiếc bếp cà-ràng trong đời sống lênh đênh

Dẫu vì bất kỳ lý do gì, khi đã lựa chọn làm khách thương hồ như một cơ hội mới, một bước ngoặt mới, thì họ phải chấp nhận tất cả những nguy cơ tiềm ẩn đối với cuộc sống cho chặng đường phía trước của mình.

Từ chỗ vô định trên bờ thì bây giờ, cuộc sống của họ được cố định trong một khoảng không gian nhỏ hẹp là con xuồng, chiếc ghe. Nhưng khoảng không gian chật hẹp trên con xuồng, chiếc ghe tưởng chừng như cố định đó lại thêm một lần nữa phải sống đời lênh đênh của nó. Những người khách thương hồ phải tổ chức lại cuộc sống, nơi ăn chốn ở của mình. Trong quá trình đó, chiếc bếp cà-ràng đã hiện diện như một lựa chọn không thể thay thế được.

Bếp cà-ràng là một loại bếp có từ xa xưa của người Khơ-me, có tên gọi ban đầu được gọi là *kran* theo tiếng Khơ-me. Đây là một loại bếp làm từ đất nung, được sử dụng rất phổ biến ở vùng đất Tây Nam Bộ. Có người từng mô tả chiếc bếp cà-ràng như "một cái thùng của cây đàn lục huyền cầm"³ bởi nó có hình dáng số 8, chia bếp ra thành hai phần, phần trên để chứa củi đốt, phần dưới để gặt tro than. Nhờ vậy, chiếc bếp cà-ràng rất thuận lợi cho việc nấu nướng hoặc để giữ ấm thức ăn mà không sợ bị cháy khét hay gây ra hỏa hoạn trên ghe xuồng.

Trong hoàn cảnh của những người sống trên sông nước, luôn cần những bữa cơm thật nóng được nấu thật nhanh trên một mặt bằng không ổn định thì đây



chính là loại bếp sinh ra để phục vụ đời sống luôn di chuyển như vậy.

Ngoài ra, với một lượng gió trời dư dả và nguồn củi tạp vô tận xung quanh, chiếc bếp cà-ràng có thể đốt lửa quanh năm suốt tháng mà chẳng hao tốn quá nhiều công sức và tiền bạc của những người dong ruổi khắp chốn cùng quê.

Với khách thương hồ, ra đi là chấp nhận cuộc sống phiêu dạt rày đây mai đó, như được cực tả bởi câu ca dao:

*Con nước lớn cha chống xuồng
Con nước ròng mẹ nhóm bếp cà-ràng đợi gió
Con nước ròng chảy tràn mùa nước nổi
Vàng bông điên điển Châu Giang
Ai đến Văn Lang, ai về Nam Phố
Con nước kém, ai dừng lại bên bờ Châu Thố
Gác dầm nghe câu hát lao lung.*

Đó là một cuộc sống vừa gò bó, tù túng lại vừa khoáng đạt, tự do đến lạ lùng. Và cùng với hành trình phiêu lưu vô định đó của khách thương hồ, chiếc bếp cà-ràng cũng đồng nghĩa với nghi ngút cơm canh khi đói lòng, là ấm nóng khi gió lạnh, là quẻ hương bản quán giữa trời nước hiu quạnh, mênh mông.

Cùng với thời gian, chiếc bếp cà-ràng đã dần được thay thế bằng những loại bếp hiện đại, tiện nghi khác. Tuy nhiên, hình ảnh chiếc ghe thương hồ với chiếc bếp cà-ràng tỏa sợi khói lam chiều trên những dòng sông mênh mang luôn là một hình ảnh đẹp nhất của vùng đất Tây Nam Bộ. Và nó cũng là dấu ấn khó phai, là công cụ giữ và truyền lửa của cuộc sống khẩn hoang của cha ông từ hơn ba trăm năm trước cho đến thế hệ hôm nay. ■

Chú thích:

1. Dẫn theo Nguyễn Phương Thảo 1997: 43-49
2. Miệt có nghĩa là vùng, gọi là Miệt Thứ vì nơi này có hàng loạt những con kênh được đặt tên theo số thứ tự.
3. Dẫn theo Đinh Văn Liên 1984: 73

Cỏ hoa nghiêm

PHAN NHƯ

Xin ngồi xuống đây
Xanh cùng cỏ dại
Nghe bày đá cuội lao xao
Ai biết mà biết ai?
Răng hoa lá không bao giờ buồn
Khi đưa tay vò nát
Ti tê một dòng nhựa chảy
Với người là rơi dẫu lệ
Với lá hoa chỉ là rơi
Không.

Xin mở vòng tay
Thật thà như mặt đất
Sớm nắng hay chiều mưa
Không bao giờ cúi mặt
Hạnh phúc cũng như nỗi buồn
Cũng thấm sâu tận cùng đất
Dung.

Mãi kia lên chùa làm chú tiểu
Mặc áo màu thổ hoàng
Gánh nước cheo leo đầu ghềnh
Lối về lâm rơi tiếng kinh
Tí tách
Hạt sương trên đầu ngọn
Cỏ hoa
Nghiêm.

Hạt ngọc lưu ly

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Giữa hư không bóng đêm huyền ảo
Mẹ hiện về Hạt ngọc lưu ly
Mẹ hiện về ánh sáng từ bi
Mang tình thương lung linh bằng bạc!

Hạt ngọc lưu ly thiên nhiên tạc
Dáng mẹ hiền thanh thoát trong đêm
Dáng mẹ hiền từ ái vô biên
Long lanh tỏa giữa ngàn sao sáng.

Hạt ngọc lưu ly hương sắc rạng
Tịnh diệu hư vô... dòng sữa thơm
Ánh mắt mẹ... êm đềm con ngủ
Ôi! Thiên liêng vô tận suối nguồn.

Mẹ về cho con vòng tay thương
Và sức sống trái tim màu nhiệm
Và hơi ấm đất trời núi biển
Niềm tin vô biên sâu lắng tâm hồn.

Hạt ngọc lưu ly!
Hạt ngọc lưu ly!
Mẹ về ban rải từ bi
Mắt mẹ hiền dịu hộ trì đời con
Mẹ ơi! Ngàn dặm nước non
Mỗi bước đi... vạn lối mòn nhân gian
Tim con dâng mẹ ngập tràn
Lưu ly hạt ngọc... vô vàn thương yêu!





Tôi nằm nghe đất

LÊ HỒNG THIÊN

Tôi nằm trên cánh đồng làng
Âm vang sóng lúa, âm vang tiếng đời
Nghe mùa cây trái sinh sôi
Tiếng cỏ mọc, tiếng bật chồi của cây?
Âm ồ tiếng của bò cày
Tiếng khoai thổi, tiếng lúa sậy bông vàng.
Bao năm xa cánh đồng làng
Đêm nay về với quê hương nằm đồng
Lặng yên nghe sóng của sông
Hát lời của nước thơm nồng phù sa.
Lặng yên nghe khúc dân ca
Tiếng bà ru cháu như là ru tôi
Nằm nghe đất thở mình ơi!
Đất ru thầm lặng: Những lời cô cây
Đồng làng ru cho mình đây
Lá ngô, lá mía dang tay vẫy vời
Tôi nằm nghe đất. Đất ơi!
Xôn xao, náo nức đất trời sang xuân.

Vết thời gian

MẠC PHƯƠNG TỬ

Thời gian chờ mộng lưu đây
Nhưng không chờ nổi một vại ước mơ
Tóc xanh lộng gió sông hồ
Nhưng không kín lối qua bờ từ sinh.

Tung hô cho phi sức mình
Mai về còn lại cuộc tình lãng du
Áo vai bạc phếch bao giờ
Mà nghe giọt lệ cay từ ngân năm

Áo sờn đỏ bóng chiều xuân
Vai nghiêng sợi nắng vết trâm luân qua
Dở dang một bước quan hà
Đã đánh trôi, giọt lệ pha ân tình!

Đã đánh lối mộng nhân sinh
Trót cho một cuộc phiêu linh tận cùng
Cái sầu tuy có riêng chung
Cái đau đau vẫn nghe chừng bên nhau.

Từ ngàn xưa đến ngàn sau
Kiếp người một gánh đời trao lại đời
Hỏi gì trên bước ngược xuôi
Tháng ngày còn lại bên trời dư âm.

Chiều xuống

NGUYỄN DŨNG

Chiều xuống rồi nắng nhạt cong lưng trâu về xóm
Hoàng hôn buông vương vãi khói nhà tranh
Bàn tay mẹ kêu bếp lửa hồng than
Nghe lảnh lảnh mùa thu giăng trên mái

Mây lấp lờng ánh vàng rơi hoa cải
Giấc con say cho giấc mẹ hao gầy
Tiếng thờ dài do chiều sâu còm gạo
Gà tàn canh chưa kịp giấc nông, sâu

Con ra đi khi vừa tròn mười bảy
Nhìn quê nhà qua những áng mây trôi
Nghe còi tàu biết mùa thu lên ngôi
Nhìn mưa đến biết mẹ ngồi tựa cửa

Chiều thành phố con nhớ chiều xưa ấy
Nhớ mái nhà chưa kịp gọi lúc đi xa
Nhớ chiều xưa còm nắm tiết tháng ba
Mẹ tát nước đồng xa xa nắng quai

Giờ chiều xuống có bao nhiêu chiều con đợi
Con chờ mong, con gọi biết bao chiều
Mà không thể có mẹ, có quê cùng bên cạnh
Xa rồi, xa rồi... một chiều nữa sắp sửa xa.

Khoảng lặng

KIM HOA

Lá khô vài chiếc lá khô
Nương theo cánh gió lạc bờ trầm luân
Vọng thương xa – chợt nhớ gần
Rong rêu ngày tháng bước chân mõi mòn.

Tiếng đêm dạo khúc ni non
Nửa trăng quạnh bóng giọt buồn đắng môi
Về từ khoảng lặng xa xôi
Nẻo trời thương nhớ khó hồi nào khuây!

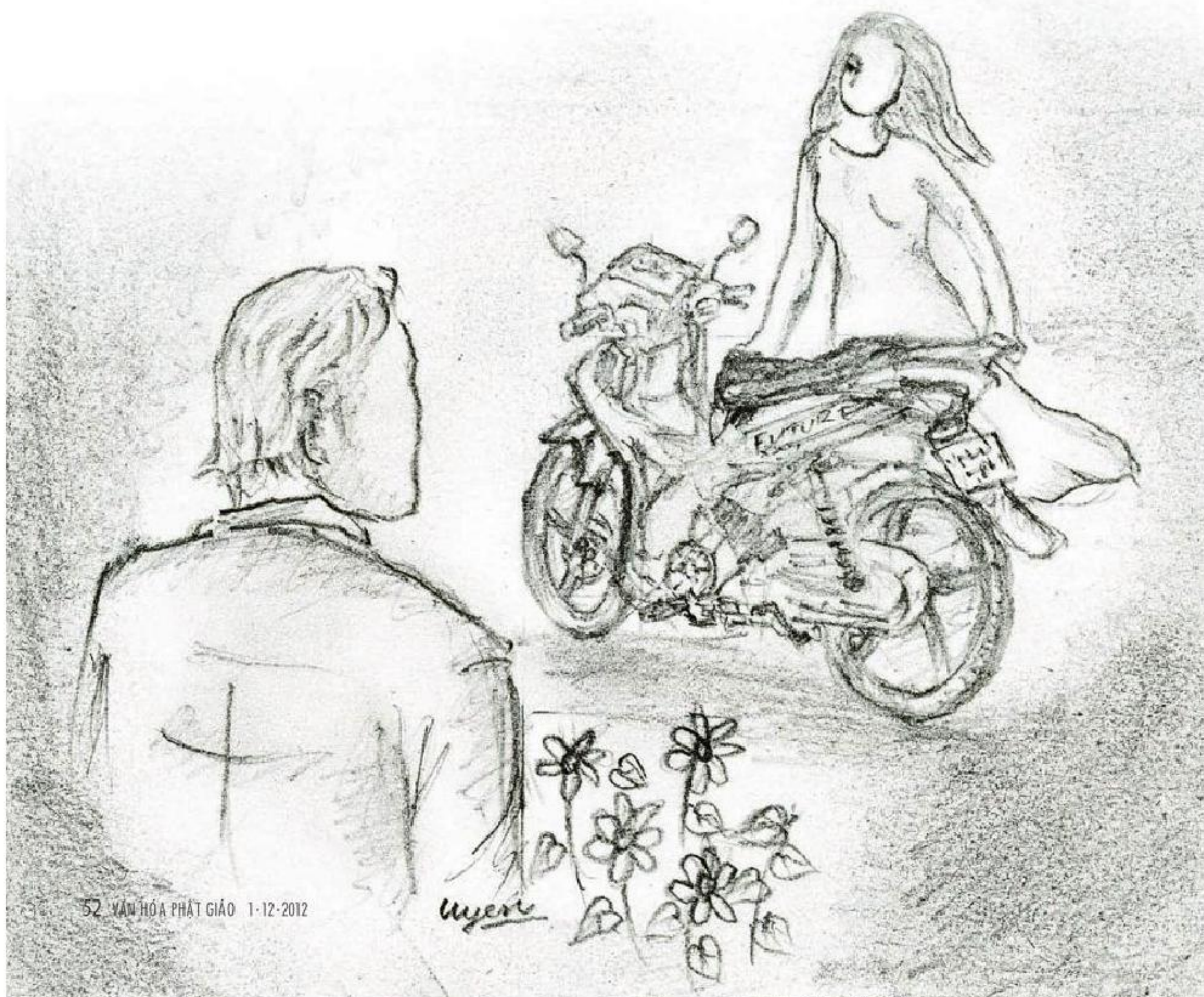
Thăm nghe hột hắng vòng tay
Côi riêng trầm mặc tỉnh-say canh trường
Về thôi đừng tiếc đừng vương
Khẽ khàng chạm giấc vô thường...! Mất cay.

Chợ âm phủ

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

C hạng vạng ngày hai mươi tám tháng Chạp, đang đứng tưới hoa trước sân, tôi chợt nghe tiếng xe máy dừng trước cổng. Còi xe vang lên mấy tiếng. Tôi nhìn ra. Lạ hoắc. Không quen. Đó là một thiếu phụ có gương mặt khá ái, trang điểm phấn son đậm nét, thật quý phái trong trang phục áo dài gấm hoa trắng trên

nền xanh dương óng ánh. Thiếu phụ vẫn còn ngồi trên chiếc Future Neo láng bóng như mới vừa được khai thùng, nhìn tôi cười tươi như hoa, và nhấn thêm mấy tiếng còi. Tôi kinh ngạc, bước ra phía cổng, mắt vẫn không rời gương mặt khá ái lạ lắm kia, để cố nhớ cho ra một chút quen thuộc, nhưng đến đứng sát bên cổng rồi mà vẫn thấy trước mình là một người hoàn toàn xa



la. Chắc là lắm nhà, lắm người, còn không thì là khách hỏi thăm đường, chứ nhất định không phải tìm tôi. Vẫn chưa chịu mở then cài cổng, tôi dè dặt hỏi:

- Chào chị, chị hỏi ai tìm ai?

Thiếu phụ cười, chậm rãi xuống xe, đến đứng sát bên cổng sắt, rồi mới cất tiếng:

- Không nhớ em thật sao, anh?

Tôi nhún nhúm cả vầng trán để cố lục lọi xới bươi trí nhớ. Dường như có một điểm gì đó quen quen, nhưng rất mơ hồ, tôi không sao chớp bắt được. Có lẽ, có lẽ thôi, tôi có gặp gỡ thiếu phụ này một lần nào đó trong đời. Một lần thôi, bởi vì nếu đến hai lần tiếp xúc trò chuyện với bất cứ một ai, thì tôi sẽ nhớ đến chết; bộ não tôi hoạt động rất tốt. Vì vậy người đang đứng trước tôi phải là người đang làm tôi với ai đó. Tôi mở toang cổng ra, lắc đầu cười:

- Chịu. Tôi không thể nhớ ra được. Có đúng là chị quen với tôi không? Hay lắm người?

- Em không lắm đâu. Chính ngôi nhà này. Chính gương mặt của anh này. Chính cái nốt ruồi to dưới cằm anh này. Không thể nào lắm người lộn nhà được!

- Vậy thì... tôi là ai? Chị gọi tên tôi ra thử xem!

- Em không biết tên của anh!

- Sao kỳ vậy?

- Hối đó, em không kịp hỏi tên anh. Em chỉ biết anh là... nhà báo.

- Hối đó là... hồi nào vậy?

- Cách đây hai năm, cũng vào giờ này, ngày này...

Tôi co rúm người lại, lại xáo tung bộ nhớ.

- Vậy... tên chị là gì?

- Trinh.

- Trinh? Trinh à? Ồ, tôi không hề quen biết ai tên Trinh!

- Hối đó anh không hỏi tên em, và em cũng không xưng tên mình cho anh biết. Bộ anh không nhớ nổi vào ngày giờ này hai năm về trước sao?

- Hai năm về trước? Ngày giờ này và cũng tại đây sao?

- Phải. Lúc đó, trước nhà anh, ngoài kia, còn cái chợ "âm hồn". Nay thì chợ đã bị giải tán rồi...

- Chợ "âm hồn"? Ồ... có phải là ...?

- Chuối.

- Chuối? Ra là... Ồ, mà không thể như vậy được!

Không lẽ lại là cô em... cô em bán chuối?

Thiếu phụ vui mừng, nắm lấy bàn tay tôi day liên hồi:

- Anh đã nhớ ra rồi. Đúng là em đây. Em đây!

Tôi há hốc mồm, nhìn lại thiếu phụ thật kỹ mà vẫn chưa dám tin. Phải, trước mắt tôi đúng là cố nhân, người khách chỉ quen tôi trong vòng từ chạng vạng hôm nay đến sáng sớm ngày mai. Lần quen biết ấy, tôi nhớ đến suốt đời. Chuyện xảy ra ngày ấy, tôi không thể nào quên. Nhưng, người khách ngày ấy đã hoàn toàn thay đổi từng lọn tóc đến móng chân, nên tôi không thể nào nhận ra hình bóng còn lờ mờ của cố nhân trong trí não của mình được.

- Đúng là cô em ư? Tôi không mơ đó chứ?

- Không mơ đâu. Bây giờ chịu mời em vào nhà chưa? Hay là anh đã có vợ, sợ chị ghen tuông?

- Ồ không, mời vào... mời vào. Để tôi dắt xe cho...

Thiếu phụ cười, bước lại xách cái túi nhựa căng phồng để trong giỏ xe, tự nhiên bước vào, đứng lại bên những chậu cúc đại đóa ngậm nhĩa, chờ tôi dắt xe khéps cổng xong mới lên tiếng:

- Anh vẫn sống một mình sao?

- Một mình! - Tôi nhún vai bước vào nhà - Vào nhà đi!

Khi cả hai cùng ngồi xuống ghế, cùng nhìn nhau thật lâu, cả tôi lẫn cố nhân bỗng dưng bật cười một tràng sảng khoái. Tiếng cười hòa vào nhau thật thân thiết và đồng cảm. Tôi hiểu, cố nhân cười cũng như tôi, vì đang nhớ lại chuyện tao ngộ kỳ khôi cách đây hai năm về trước...

* * *

Tôi nhớ rất rõ, hôm ấy nhằm ngày hai mươi tám tháng Chạp, chỉ còn hai tờ lịch nữa là sang năm mới. Sau suốt một ngày rong ruổi đi quay phim phóng sự, đưa tin về các huyện miền núi chuẩn bị đón Tết cổ truyền, để kịp phát trên truyền hình vào ngày cuối năm và ngày đầu năm mới, tôi trở về nhà với cả người lẫn xe đỏ quạch bụi đất, mệt rã rời, chỉ thêm được nằm dài ngủ một giấc. Nhưng muốn bước chân vào được đến sân nhà mình không phải chuyện dễ dàng. Con đường trước nhà tôi, hằng năm cứ vào những ngày giáp Tết là trở thành cái chợ chuối. Chuối nhiều vô kể, chuối từ khắp các nẻo đường xa xôi đổ về từ khuya mờ mịt đến sớm tinh mơ vẫn chưa dứt, chiếm hết lòng lề đường từ ngày này qua ngày nọ, hơn nửa tháng trời, vào chiều ba mươi mới chịu tan mất sau khi để lại một con đường lá với rác, rác với lá, hành khổ cho những người công nhân vệ sinh. Tôi đã rất nhiều lần ngửa ngáy nghề nghiệp, định thực hiện phóng sự về "cái chợ âm hồn chuối" vi phạm luật lệ giao thông này, với mỗi mong hằng ngày mình được đi đi về về trên con đường thoáng thông sạch đẹp, nhưng rồi tôi đành phải dẹp bỏ ngay ý định ấy. Bỏ, không vì sợ ai, không vì không đủ tài năng trí lực, mà vì tôi nhìn tận mắt nỗi nhọc nhằn của người dân quê lam lũ. Họ phải bỏ biết bao mồ hôi công sức, quần quật với rẫy vườn quanh năm, để chờ đến những ngày giáp Tết mới xuống chốn thị thành với hy vọng kiếm được một số tiền lớn về trang trải nợ nần, sắm sửa mừng xuân... Họ phải vượt qua bao nhiêu dốc đèo, lội qua bao suối, mượn cộ thuê xe, để chở hoa màu về đến phố, rồi phải một nắng hai sương ăn dấm ở để ngay tại bãi đổ hàng của mình cho đến khi bán sạch hết, mới đón xe về lại chốn quanh hiu xa xôi. Mỗi năm, họ chỉ có dịp này, dịp năm mới sắp đến, ai nỡ nào đánh đuổi họ đi không cho buôn bán? Cho nên tôi không động chạm gì đến "chợ âm hồn chuối", phải bụng lấy làm vui chấp nhận những chướng ngại phiền phức trên đường đi đi về về suốt thời gian "chợ âm hồn chuối" sinh hoạt chào đón tân niên nhộn nhịp... Vượt qua được đoạn đường

gian khổ, đẩy xe lên lề đường trước cổng nhà, tôi chợt động tâm khi nghe được tiếng khóc thút thít sau lưng mình. Quay nhìn, tôi thấy người thiếu phụ bán chuối trước nhà, phía bên phải, đang rủ rượi mặt mày, vừa khóc vừa kéo ống quần lên lau mắt chùi mũi, để lộ cả một bắp chân trắng nõn. Tôi nhìn sang hàng phía bên trái, người bán là một bà già đang ngó tôi, đoán biết tôi đang thắc mắc nên nói ngay đang khi miệng nhai bồm bồm trầu: "Nó mới bị thằng chồng đánh cho một trận đó. Đang bị lên cơn sốt rét, bán chuối không chạy, chồng xuống lấy tiền không có nên thượng tay hạ chân, lại còn dọa hãm không bán hết không được vác mặt về nhà. Về mà ít tiền thì đánh nữa"...

Tôi động tâm, nhìn thiếu phụ, nhưng cô ta đang nằm xuống co ro trên tấm chiếu cốt bên đồng chuối xanh um được cột nối với nhau bằng một sợi dây dừa, toàn thân đang run lên lẩy bẩy, và tiếng thút thít đã chuyển thành nức nở. Bà già hàng bên nói:

- Tội nghiệp. Thằng chồng chỉ biết đến tiền, đâu quan tâm đến bệnh tình của vợ...

Động lòng trắc ẩn, tôi bước lại gọi thiếu phụ:

- Cô em à, lên cơn sốt như vậy... đã uống thuốc gì chưa?

Thiếu phụ vẫn khóc rung rức. Bà già nói:

- Thuốc men gì? Chú có thì cho nó một ít uống đỡ đi!

Tôi vội dắt xe vào nhà, lấy thuốc cùng ly nước lọc đem ra, gọi thiếu phụ dậy uống. Thiếu phụ uống thuốc xong, thều thào cảm ơn tôi, rồi lại nằm xuống. Tôi để nghị:

- Đang sốt mà nằm ngoài này chịu gió sương coi sao đặng? Cô em nên vào nhà tôi, có chăn mền, kín đáo ấm cúng. Tôi sẽ kêu ông y tá gần nhà qua khám bệnh cho!

Thiếu phụ nằm đó, nhìn tôi với ánh mắt biết ơn, yếu ớt nói:

- Em không dám đâu... cảm ơn anh ...

- Đừng ngại. Giúp đỡ nhau là chuyện bình thường mà. Hay cô em... không tin tôi?

Im lặng. Tôi cười khẩy, nói:

- Sợ vợ tôi ghen à? Hay sợ người khác dị nghị? Nói cho cô em yên tâm, tôi còn độc thân, vui tính lắm, và là phóng viên đây. Không lẽ tôi đi hại cô em?

Im lặng. Tôi nhìn sang bà già cầu cứu. Bà già hiểu ý, bước qua lay thiếu phụ:

- Thôi, dậy đi mày. Gặp người tốt giúp đỡ rồi. Mau vô trông nằm nghỉ đi, hàng để ngoài này tao bán giùm cho... Đêm nay mà nằm phơi ngoài này nữa chắc là mày hết ăn Tết đó con à!

Thiếu phụ ngồi dậy nặng nhọc, thều thào:

- Con ngại quá... Hơn nữa, chuối để ngoài này... lỡ mất chắc chết nữa... Của ngoại, ngoại còn chưa giữ xong... thì sao trông chừng được của con? Thôi đi, con nằm đây, có chết cũng chịu...

- Sợ mất chuối thì mang hết vào sân nhà tôi, cả đồng chuối của ngoại nữa! - Tôi để nghị ngay.

- Tốt quá rồi - Bà già vui vẻ - Chuối của tui thì khỏi cần lo, tí nữa sẽ có thằng cháu tui nó đến thay ca, tui về nhà nghỉ, chiếu mai mới xuống đây lại. Chỉ lo dờ chuối của nó vô sân thôi!

Tôi cùng bà già luân phiên nhau thuyết phục một hồi nữa, thiếu phụ mới xiêu lòng, chịu vào nhà tôi nằm nghỉ, chuối được chuyển vào sân... Tối ấy, tôi sang mời chú Quyển y tá hàng xóm đến khám bệnh, tiêm và phát thuốc cho thiếu phụ đầu vào đó. Tôi ngủ trên ghế bố xếp, nhường chiếc giường nệm cho khách, và đánh một giấc ngon lành tới sáng, sau khi cùng khách ăn một bữa tối đơn giản với bánh mì thịt nguội no nê... Mờ mắt dậy, thấy mình nằm trên ghế bố xếp, mới chợt nhớ nhà có khách ngủ qua đêm, tôi chồm dậy nhìn về phía giường trước tiên. Trống trơn và vắng lặng. Chỉ có bên ngoài đường chợ búa xôn xao. Tôi không thấy khách đâu, ra trước cổng kiểm tìm cũng không thấy thiếu phụ. Người cháu trai của bà già cho hay rằng có thấy cô ta đi ra khỏi nhà từ lúc 3 giờ sáng. Tôi nhìn vào sân, chuối vẫn còn nằm nguyên nơi ấy. Vội vào nhà, tôi đau đớn và thất vọng kêu trời khi phát hiện ra nhà mình đã bị trộm. Hai triệu bảy trăm nghìn đồng, tiền của cơ quan thưởng Tết và lương tháng mới lĩnh của tôi, tôi cất trong hộc bàn làm việc không khóa, đã biến mất. Tiền trong túi quần đầy bụi đỏ, còn khoảng trên trăm nghìn đồng, cũng bị vét nhẵn sạch không chừa một tờ. Đau hơn, chiếc máy ảnh mới sắm hiệu Canon, để chung trong giỏ xách với chiếc máy quay phim video, cũng đã đội sương sớm ra đi. Chiếc máy quay phim còn chưa lại chắc vì nó cổng kính nặng nhọc, và cũ kỹ lạc hậu, sẽ gây khó khăn cho kẻ trộm. Khởi điều tra cũng biết ai là thủ phạm rồi. Hỏi thăm tất cả những người bán chuối, không ai biết rõ về nhà cửa của thiếu phụ tệ bạc kia, vì họ đều là những người dân quê mỗi người một xứ một phương, chỉ biết nhau mỗi độ họp chợ "cò hỗn", tan chợ là quên nhau ngay. Tôi đành chịu mất mát, ôm vào cái tiếng đại gãi do bạn bè đồng nghiệp, hàng xóm trên cười trách móc. Tôi còn ôm vào một đồng chuối xanh um chất ở ngoài sân nhà mình, trị giá chừng hơn năm trăm nghìn, bán rẻ lại cho mấy hàng chuối vớt vát ít tiền bỏ túi tiêu xài mấy ngày xuân, còn một ít thì mang tặng bạn bè hàng xóm cứ y như mình là dân nhà quê mang tặng quà cây nhà lá vườn vậy. Tết năm ấy tôi mắc nợ. Rồi Tết năm ấy cũng qua đi. Chuyện cũ quên lãng...

* * *

Nay đang ngồi trước tôi là người thiếu phụ tệ bạc. Đúng là cô ấy. Tôi không biết phải nói gì. Cách tốt nhất là nhường phần cho khách khơi chuyện. Tốt hơn nữa là dẹp bỏ chuyện cũ, đừng nhớ nó như hai năm qua đã từng lãng quên. Thiếu phụ cười thật nhẹ nhàng:

- Anh không ngờ được phải không?

- Ừ. Không thể tưởng tượng nổi, dù tôi là người giàu óc tưởng tượng. Cô em... quá khác!

Thiếu phụ lại cười tòn tèn, đặt túi nhựa lên bàn, từ tốn lôi từng thứ bên trong ra. Tôi bất động, nhìn. Một chiếc máy ảnh kỹ thuật số đời... mới cứng. Cặp rượu ngoại đắt tiền. Cặp trà lon thượng hảo hạng. Hộp mứt. Cây thuốc lá Ba Số Năm. Và cuối cùng là khoảng năm hay sáu tờ giấy bạc mệnh giá năm trăm nghìn đồng. Tôi nhún vai nhìn khách. Thiếu phụ đã không còn cười, mặt nghiêm trang, giọng chân tình:

- Em chỉ mong muốn một điều, là anh không coi em như một kẻ trộm cắp xấu xa, mà chỉ coi như em là một con nợ, em đã vay mượn của anh, nay em nhớ nợ nên quay trở lại để trả ơn anh.

Tôi im lặng. Tuyệt quá. Thiếu phụ hỏi:

- Anh đồng ý như vậy không?

Tôi gật đầu. Thiếu phụ vui ra mặt:

- Anh đáng là bậc trượng phu. Bây giờ, anh nhận cho những món vật này, nhận rồi là em về ngay, nếu cần thì em biến luôn khỏi cuộc đời anh, anh sẽ không bao giờ gặp em một lần nào nữa!

Tôi cố giữ bình thần, nhìn lướt qua những món vật trên bàn, rồi thẳng thắn:

- Cô em vay ít mà trả nhiều quá, làm tôi ngại...

- Phải tính lãi hai năm chớ anh!

- Tôi cho vay không lấy lãi. Nếu nhận hết, tôi thành kẻ cho vay cắt cổ con nợ mất!

- Nếu vậy thì khoản dư ra coi như em tặng anh nhân dịp Tết đến. Đồng ý?

- Thôi được, tôi xin cảm ơn cô em!

Chúng tôi ngồi lặng thinh thật lâu, chờ nhau. Khách cười:

- Anh không hỏi vì sao em được đổi đời, lột xác để có ngày hôm nay ư?

- Không cần thiết phải hỏi, vì đó là chuyện riêng tư của một người.

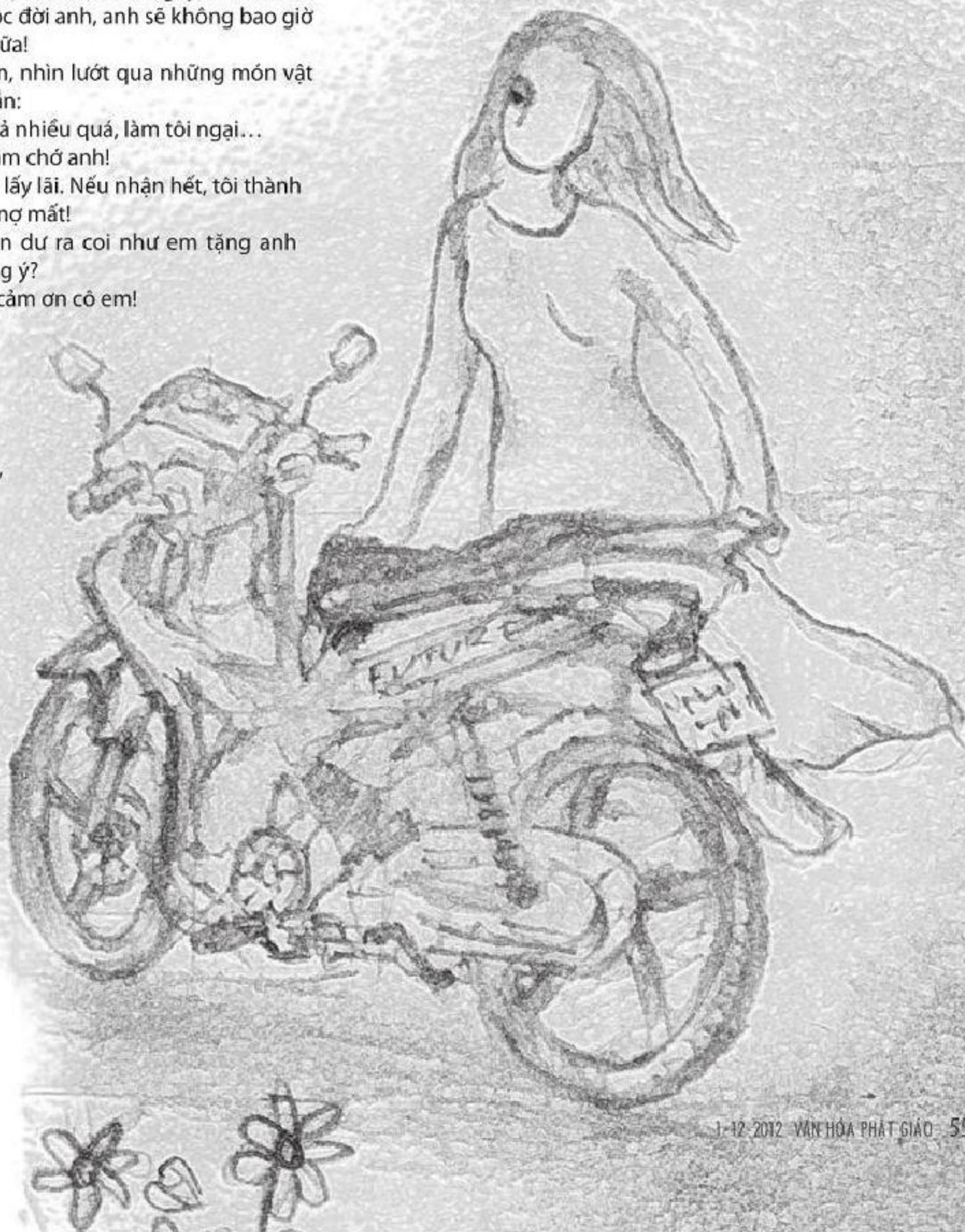
- Sao em nghe nói cánh nhà báo

các anh là những người ưa soi mói, tò mò tọc mạch, vạch lá tìm sâu, mà anh lại không phải như vậy?

- Đúng chuyện, đúng người, tôi mới trở nghề. Không phải lúc nào cũng vậy đâu. Chuyện đời tư của cô em, nếu cô em thích kể thì... tôi nghe!

- Nếu anh không thích nghe biết, thì em không kể.

Chúng tôi cùng bật cười. Chia tay. Từ ấy, tôi không còn điểm phúc gặp lại người thiếu phụ lạ lòng và bí ẩn ấy nữa. Tôi nghiệm ra một điều mà tôi xem như một bài học xương máu quý giá, bài học này dường như đã có từ 25 thế kỷ trước, khi Đức Phật Thích-ca bên tận xứ Thiên Trúc thuyết về lý Nhân quả Luân hồi, tôi được biết từ lâu nhưng nay tôi mới tự mình rút ra được cho riêng mình: *gieo sạ giống tốt nhân đẹp thì đừng bao giờ sợ lỗ lã*. Đúng vậy! ■



Khói bếp chiều quê

NGUYỄN ĐẠI CHƠN

Tôi về nhà vào một chiều cuối tháng. Con đường bờ ruộng cỏ xanh lác lối đi và những vũng nước còn đọng lại sau cơn mưa. Ngôi nhà yên tĩnh quá. Vừa vào đến ngõ hai con chó nhỏ chạy ra vẫy đuôi mừng lớn cỡn, chúng vỗ hai chân trước lên như muốn ôm lấy tôi. Ngôi nhà vẫn vậy, mái ngói thâm nâu, sân nhà còn ẩm mốc màu rêu, cửa để trống, có tiếng động phát ra từ dưới nhà. Mái nhà sau một làn khói bếp bốc lên. Tôi ra hiệu cho hai chú chó im lặng, chúng nằm hờ xuống đất vẫy đuôi rồi chạy nhảy theo tôi vào nhà. Tôi nhẹ nhàng bước vào nhà, qua cánh cửa rồi ra chòi bếp. Nhìn vào căn bếp thấy mẹ tôi đang lom khom nấu nướng. Tôi chưa kịp lên tiếng thì mẹ chợt quay lại; nhìn thấy tôi, ánh mắt bà hiện lên niềm vui. Tôi về đột ngột không báo trước làm mẹ bất ngờ.

Căn bếp của mẹ vẫn như ngày nào, ánh lửa đang bập bùng, ngọn lửa thổi lên làn khói mỏng manh, làn khói bốc lên nóc bếp như làn sương mỏng manh, vẫn vương trên đọt cau, được gió đưa đi xa dần, lan tỏa. Trời chiều dần tối, mẹ đang nêm nếm cho nồi canh chua lá giang. Mắt mẹ mờ nên phải đứng cúi xuống nhìn nồi canh, một tay mẹ cầm chiếc lá dứa đang cháy lên soi. Chiều quê yên bình. Trời buông gió nhẹ và mây lưa thưa chầm chậm trôi. Đàn cò trắng bay nhip nhàng, chúng xếp thành hàng giống như một cánh chim vỗ cánh giữa khoảng không bao la. Tôi lại nhớ về ngày xưa, kỷ niệm về chẳng đâu chẳng đâu nhưng những hình ảnh vẫn rõ ràng dù đã lâu tôi chẳng nhớ đến. Thuở bé, sáng đi học chiều chăn trâu. Mỗi khi tắt nắng trời chiều, bụng đói và tay chân mỏi rã, bọn trẻ chúng tôi hướng nhìn về xóm nhà khuất lẩn trong rừng dừa. Cùng trông về xem những làn khói bếp đã lên chưa. Mỗi khi làn khói thấp thoáng trên đọt dừa và từ từ tan biến thì chúng tôi vội vã gọi nhau lửa trâu về. Mỗi đứa mỗi nhà, đứa nào cũng có một bữa cơm chiều đang đợi, ở đó có nhiều thứ cho cái bụng đang đói. Nghĩ về căn bếp nhà mình đứa nào cũng có thứ riêng để khoe, đứa khoe nồi cá kho ngon lũng nổi, đứa khoe nồi canh thơm phức, có đứa chỉ khoe củ sắn lùi thôi mà nghe thấy cũng thêm.

Những cảm nhận đầu tiên của tôi về căn bếp là sự ấm áp mỗi sáng chiều và làn khói bay bay cay đỏ mắt. Ngày còn bé bỏng, mẹ vừa chăm tôi vừa nấu cơm, tôi thấy mẹ ra khỏi căn bếp với trán lấm tấm những giọt nước và bàn tay mẹ nóng ran da thịt trẻ nhỏ. Khói bếp làm mắt tôi cay xèo, tôi bật khóc và mẹ lại phải dỗ dành, tôi đâu biết rằng làn khói ấy cũng làm mắt mẹ cay cay. Bây giờ căn bếp chẳng thể cũ kỹ hơn được nữa, vẫn "đơn sơ củi nỏ - bộn bề nổi niêu" (Trần Hoàng Vy). Có thay đổi cũng chỉ là đồng tro nhiều thêm mỗi ngày. Đồi dừa bếp ba mới róc ngày nào giờ đã mòn hết nửa. Mẹ tôi vẫn ngày ngày khom lưng nhóm lửa khi những người phụ nữ trong xóm nấu ăn bằng nồi điện, bếp ga. Những ánh lửa củi, những bếp lò rơm, lò trấu dần vắng bóng. Những đứa bé chẳng còn được ngồi tựa mình vào lòng mẹ, cảm nhận hơi ấm lửa than khi chiều đông gió về. Căn bếp mẹ vẫn lên lửa đều đều, những thanh củi cháy giòn tan, ánh lửa sưởi ấm căn bếp, hơi ấm lan tỏa khắp căn nhà. Ba mẹ lấy nhau bao nhiêu năm vẫn gắn bó và yêu thương không biết có phải vì ánh lửa sớm tối ấy không? Chẳng biết nữa nhưng tôi vẫn thấy những bữa cơm ba tấm tắc khen những món ăn mẹ nấu, những món ăn khiến ba đi làm về đến nhà nghe mùi hương lại thêm đói bụng cồn cào. Ánh mắt mẹ nhìn thấy mấy bố con ăn ngon cơm lại cười mãn nguyện. Niềm vui của mẹ chỉ đơn giản vậy thôi, niềm vui ấy qua bao nhiêu năm chẳng đổi thì có lẽ không hề đơn giản.

Căn bếp ba xây từ cái thời ba mẹ mới ra ở riêng. Mái bếp ngói đã ngả màu thâm đen và trũng xuống vì nắng mưa. Mặt dưới mái bếp là một lớp màu đen nhám xù xì. Lớp bồ hóng cứ dày thêm từng ngày. Phía trên vách tường nơi những làn khói men theo cũng đã một màu đen kịt. Phía trên căn bếp cái giàn tre ba bắc ngang cũng đen một màu. Cái giàn tre để ba hóng những cái cán rựa, cán cuốc,... những sợi tơ nhện bồ hóng bám mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một dài xuống. Trên giàn tre ba treo những chùm mực khô mà mỗi bữa nó cứ rơi đi một ít, nhưng những bị hạt giống và xâu hoa vạn thọ là vẫn còn nguyên. Ba thấy kỳ lạ chẳng biết vì sao mất đi, những lúc ba hỏi anh em tôi lại vờ như

không biết rồi vờ ra sau nhà cùng cười tủm tỉm. Căn bếp của mẹ làm mọi thứ thành màu đen. Ông tảo đen, tro đen, khói đen, đít nồi-xoong-chảo cũng đen một lớp dày. Muội than đen quện cùng dầu mỡ cho ra cái chất vừa bắn vừa nhờn nhờn dễ dính và chùi rửa mãi chẳng sạch. Lũ trẻ chúng tôi có lúc chơi trò đánh tù tì quẹt lọ, chơi đại hết chỗ nói, đến lúc vội vã đến trường mang cái mặt lem đen như vết bầm. Căn bếp củi chất ngổn ngang, bó lá dừa làm mái lửa cũng rồi tèm nhem. Mẹ tôi dùng củi dừa nấu bếp. Mỗi khi tàu dừa rụng mẹ lại róc lá rồi chẻ bẹ ra thành từng mảnh nhỏ phơi khô chất thành đống dành cho mùa mưa. Những ngày mưa củi dừa thấm nước, mẹ nhóm lửa vất vả lắm mới cháy. Làn khói đen phủ lấy dáng mẹ gầy, nhuộm bạc mái tóc mẹ theo năm tháng.

Tôi lại nhớ về những bữa cơm chung cả nhà, ba mẹ ngồi nhìn các con ăn cơm ngon lành với bao nhiêu tình thương và niềm hy vọng. Bữa cơm cuối ngày tôi lại khoe những điểm mười ở trường, mẹ dành riêng cho tôi một trái bắp lùi hay con cá nướng. Nhớ ngày giỗ ông nội, những cô dì thím bác lại đến giúp mẹ chuẩn bị mâm cỗ. Bếp rộn ràng tiếng nói tiếng cười, tiếng lửa giòn tan như vui reo. Căn bếp giúp mẹ nấu nổi bánh tét ngày Tết. Năm nào cũng vậy, mẹ tỉ mỉ gói từng chiếc bánh và lại thức trắng đêm bên bếp chờ bánh chín. Ngày xuân có những làn hơi nước se lạnh trong đêm và hay mưa phùn, chẳng rét nhưng cũng đủ làm bàn tay gầy guộc của mẹ tê lạnh. Sớm thức giấc, cái lạnh còn vương lại

trong màn sương, mẹ thức dậy nhóm bếp lửa bắt ấm nước pha trà, cả nhà lại vây quanh nhằm nhai tách trà và bắt đầu ngày mới với bao công việc còn dang dở.

Giữa thị thành văn minh, phố xá nhộn nhịp chẳng tìm đâu ra một làn khói lam chiều. Những căn nhà lên đèn, ánh sáng lung linh và sang trọng, trong khung cửa kính những người mẹ chuẩn bị bữa cơm chiều. Nhưng căn bếp ấy sao xa lạ, ánh lửa xanh không khói lạnh lòng. Tôi lại thêm làn khói bếp nhà quê. Chiều xa quê nhìn về phương quê nhà, trời tắt nắng và không gian mờ dần. Những ánh nhìn rút ngắn dần vì bức tường đêm, đầy người lữ thứ thêm xa quê, lòng càng nhớ càng xa. Mắt đảo đảo tìm ánh lửa bếp bình yên nơi góc nhà, tìm lại làn khói tuổi thơ. Dòng đời tấp nập bước chân chen lấn, đâu đó có người thầm nhủ *"Thôi hãy về một chiều quê yên ả - Nhìn khói bếp chiều ru những mái tranh"* (Đình Lãng). Ôi xa quá rồi! Xa những chiều yên ả tiếng cơm sôi. Tiếng cơm sôi sùng sục rõ mồn một, tiếng xèo xèo khi nước cơm trào ra bếp lửa, tiếng mẹ đảo xới cho nồi cơm cạn, âm thanh quen thuộc ấy còn ai nhớ chẳng? Chiều tan lớp lại đạp xe về ngôi nhà trọ, bụng đói mà nghĩ đến bữa cơm sinh viên, bữa ăn thiếu thốn nhiều, thiếu thứ gì đó mà đôi lúc nhìn nhau chẳng nói nên lời. Ai đó nhớ quê hát khúc nhạc chót chừa nhớ thương *"Xin trả tôi về ngày xưa thơ mộng đó - Bên mái tranh chiều ngồi ngắm áng mây trôi - Mẹ quê đun bếp nghèo thơm mùi rơm qua khói mờ - Vui tình quê triu mến..."*. ■



Nguồn: vnexpress.net



Ảnh: Thủy Hương

Tỏa sáng tinh thần vượt qua trong Lễ hội Katê

NGUYỄN VĂN NHẬT

Trải qua nhiều biến thiên của lịch sử, vương quốc Champa vốn xuất hiện trên một phần mảnh đất chữ S bên bờ biển Đông từ thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch đã hoàn toàn biến mất vào thập niên 30 thế kỷ thứ 19. Người Chăm phần lớn đã phân tán ra khắp vùng Đông Nam Á nhưng vẫn duy trì được sự tồn tại ngày càng vững vàng bên cạnh các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam. Hiện nay, với dân số chưa tới 200.000 người, các thành viên của tộc Chăm vẫn cố gắng gìn giữ và làm tỏa sáng những giá trị văn hóa truyền thống, đã một thời phát triển rực rỡ, để góp phần làm thêm phần phong phú và đa dạng cho nền văn hóa Việt Nam, tạo nên một cầu nối giữa văn hóa Việt Nam với văn hóa Đông Nam Á. Một trong những nét nổi bật của các giá trị ấy là lễ hội Katê vẫn được người Chăm tổ chức hàng năm vào tháng 7 lịch Chăm, tương ứng với thời gian trong khoảng tháng 10 đến tháng 11 dương lịch. Năm nay, bắt đầu từ ngày 15-10-2012, lễ hội Katê của người Chăm đã lần lượt diễn ra tại các ngôi đền tháp lớn ở Ninh Thuận, Bình Thuận, rồi tại Nhà hát Bến Thành ở TP.HCM và cuối cùng lại là tại Khu du lịch sinh thái thuộc Công ty Cổ phần Khánh Sơn ở xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, TP.HCM.

Cần Giờ vốn không phải là địa bàn sinh sống truyền thống của người Chăm, nhưng từ khi Công ty Khánh Sơn xây dựng một khu du lịch sinh thái tại ấp Dơi Lầu,

xã An Thới Đông vào năm 2006 thì nơi này đã từng bước trở thành một địa điểm diễn ra những hoạt động mang tính bảo tồn văn hóa Chăm quy tụ được nhiều thành viên người Chăm thuộc nhiều cộng đồng tộc Chăm không những ở khắp Việt Nam mà còn có những liên hệ với các cộng đồng Chăm ở các nước bạn như Cambodia, Brunei, Malaysia... nữa. Trong Lễ hội Katê Cần Giờ năm 2011, một thông điệp katê đã được ban tổ chức truyền đến mọi cộng đồng Chăm. Cũng xin nhắc lại rằng từ *katê* trong ngôn ngữ Chăm đã được Ban Tổ chức Lễ hội Katê Cần Giờ năm 2011 liên hệ với từ *gate* trong tiếng Phạn, mà *gate* hàm ý vượt qua, và đưa ra thông điệp vượt qua, vượt qua mọi mặc cảm, thành kiến, hiểu lầm... giữa cộng đồng này với cộng đồng khác, giữa cá nhân này với cá nhân khác... để cùng nhau xây dựng một xã hội loài người hòa bình và an lạc; mà trước hết, là cùng nhau xây dựng một quốc gia Việt Nam đa dân tộc trở thành một đất nước hòa bình an lạc. Có thể nói Katê Cần Giờ 2012 diễn ra trong hai ngày 10 và 11-11-2012 đã phần nào thể hiện được thông điệp đó.

Từ sáng sớm ngày 10-11-2012, nhiều đoàn người đã lần lượt về đến nơi tổ chức lễ hội. Họ thuộc những cộng đồng người Chăm sinh sống tại các làng Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận. Cũng có những người từ Daknông xuống. Một nhóm được biết là từ nước bạn



Cambodia sang và rải rác có những người từ Tây Ninh hay An Giang cũng góp mặt. Tất cả hình thành 18 đoàn người đại biểu cho các cộng đồng Chăm, trong đó có cả Chăm Ahier là những người theo truyền thống Bà-la-môn giáo, Chăm Awal là những người chịu ảnh hưởng Hồi giáo và Chăm Islam là những người có tín ngưỡng Hồi giáo chính thống. Tuy thuộc những nhóm tín ngưỡng khác nhau, nhưng tất cả những người tham dự đều cùng một khao khát được hội nhập với truyền thống Katê, và họ đã hăng say hòa vào mọi hoạt động của Lễ hội Katê Cẩn Giờ 2012. Năm nay, lễ hội kéo dài hai ngày theo một chương trình do Trung tâm Unesco Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa Chăm tổ chức với sự tài trợ của Công ty Khánh Sơn, ngoài mục đích phục dựng mọi hoạt động truyền thống của Katê, còn nhằm đến việc mở rộng ý nghĩa vượt qua của Katê, mang lại một tinh thần đoàn kết gắn bó trong toàn thể cộng đồng người Chăm và tô đậm sự hòa nhập của văn hóa Chăm vào văn hóa đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Theo Tiến sĩ Thông Thanh Khánh, cố vấn của đơn vị bảo trợ, việc thành lập một Trung tâm Unesco về Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa Chăm rồi chuyển giao cho Trung tâm này tổ chức Lễ hội Katê Cẩn Giờ 2012 là một bước mở rộng hoạt động bảo tồn văn hóa Chăm trên một quy mô chính thống. Trung tâm đã phối hợp với Chi hội Dân tộc Chăm thuộc Hội Dân tộc học TPHCM để hoạch định một chương trình nghiên cứu có thực chất dựa trên tinh thần hội nhập, từ đó đưa ra những ý kiến chủ đạo trong việc xây dựng chương trình lễ hội có khả năng quy tụ mọi cộng đồng Chăm không phân biệt vùng miền hay tín ngưỡng truyền thống. Sự kiện vào ngày 5-11-2012, tại Nhà hát Bến Thành, Chi hội Dân tộc Chăm tổ chức mừng Katê kết hợp với lễ hội Ramawan, vốn là một lễ hội của riêng người Chăm

Ahier, đã thể hiện tinh thần này. Tinh thần ấy cũng là phần nội dung quan trọng trong bài diễn văn khai mạc Lễ hội Katê Cẩn Giờ 2012 của Tiến sĩ Trương Văn Món, Giám đốc Trung tâm Unesco Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa Chăm, Trưởng Ban tổ chức Lễ hội.

Trong một không gian nằm trên một diện tích đất rộng chừng 2.000m² thuộc Khu du lịch sinh thái Cẩn Giờ của Công ty Khánh Sơn, gần suốt hai ngày, các thành viên tham dự đã làm sống lại những sinh hoạt truyền thống của người Chăm thông qua các trò chơi dân gian, những lễ tục cổ truyền và những hoạt động lễ hội. Tại địa điểm hành lễ, theo luật tục, các vị tu sĩ thuộc cộng đồng Chăm Ahier tiến hành những nghi thức tượng trưng cho việc rước trang phục hoàng gia Chăm, việc mở cửa tháp, việc tắm tượng thần, việc mặc trang phục cho các tượng thần... trong khi các vị tu sĩ thuộc cộng đồng Chăm Awal, cộng đồng Chăm Islam cùng mọi người có mặt đều trang nghiêm theo dõi trong sự tưởng nhớ đến các vị thần linh cũng như ông bà tổ tiên và trời đất đã phù hộ độ trì cho con người. Khi cuộc lễ kết thúc, mọi người lại náo nức chuẩn bị cho các sinh hoạt hội hè.

Hỏi thăm một thanh niên vừa trải qua một trò chơi dân gian có thưởng, bạn này lễ phép và khiêm tốn cho biết, *"Chúng em không nghĩ nhiều về thành bại hay hơn thua mà chỉ muốn hết lòng hòa nhập vào mọi hoạt động của lễ hội"*. Quả thật, những trò chơi như đẩy cây, đội nước, gõ trống gi-năng... đã được mọi thành viên có đăng ký mang hết tài khéo của mình ra tranh đua và được đám đông cổ vũ nhiệt liệt nhưng không có sự cay cú ăn thua. Trưởng ban giám khảo các cuộc tranh tài trong lễ hội năm nay là Tiến sĩ Thành Phần, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Đông Nam Á, nói rằng người Chăm luôn rèn luyện để thể hiện hết



mọi tinh tế trong các hoạt động truyền thống của dân tộc mình để gìn giữ di sản của cha ông. Như trong việc đánh trống basanưng chẳng hạn, ông cho biết trống basanưng có tới 72 loại nhịp điệu và tiết tấu khác nhau, mỗi loại nhịp điệu và tiết tấu được sử dụng cho việc tế lễ một nhóm các vị thần linh khác nhau của người Chăm; các nghệ nhân tham dự vào những cuộc lễ tục hay lễ hội đều phải ý thức được điều đó. Ông cũng nói thêm rằng trong một ban nhạc lễ người Chăm, tiếng trống basanưng sẽ là hiệu lệnh để các nhạc khí khác như đàn kanhi, đàn rabap, kèn saranai, trống gi-năng, trống hagar... phải hòa theo. Vào buổi tối, sinh hoạt văn nghệ truyền thống Chăm diễn ra trên một sân khấu ngoài trời được dựng khá công phu với những tấm phông thể hiện hình ảnh các tòa tháp Chăm uy nghi cổ kính. Tham dự trình diễn văn nghệ là tất cả các đoàn đại diện cho từng làng, từng vùng miền người Chăm. Các nghệ nhân đã thể hiện tài khéo của họ qua những bài hát, những điệu múa, những cuộc hòa tấu nhạc cụ... bằng tất cả tấm lòng.

Đến thường thức buổi văn nghệ mừng Katê năm nay, ngoài những vị khách mời thuộc Trung ương và địa phương, còn có đông đảo đồng bào người Kinh quanh vùng. Buổi văn nghệ kéo dài gần hết đêm cho đến khi chương trình thả hoa đăng được tiến hành. Ban Tổ

chức phát cho mỗi người tham dự một cặp hoa đăng và sau khi lễ rước hoa đăng trên sân khấu hoàn tất, mọi người cùng theo đoàn rước lễ tiến đến một khúc sông lắt lết thả từng cặp hoa đăng xuống mặt nước. Bấy giờ, đèn điện đã tắt, mặt sông bừng lên một màn sáng lung linh, như bày tỏ lời nguyện cầu của người Chăm, mong ước các vị thần linh, ông bà tổ tiên và trời đất phù hộ để được mưa thuận gió hòa, việc làm ăn phát đạt, người người hòa hợp đối xử với nhau bằng tình thương, đối xử với thiên nhiên với sự hài hòa... Chấm dứt lễ thả hoa đăng, các thành viên trẻ của các đoàn còn ở lại tham dự một buổi lửa trại.

Sáng hôm sau, một hoạt động sân khấu hóa lễ tục đã được thực hiện vào lúc 9 giờ sáng với sự tham dự của nhiều đoàn khách mời tiếp tục đến vào buổi sớm, chủ yếu là các nhà nghiên cứu về văn hóa và nghiên cứu về dân tộc học. Việc tổng kết những sinh hoạt của ngày hôm trước cũng được tiến hành cùng với một buổi văn nghệ truyền thống Chăm được diễn lại để phục vụ những vị khán giả mới đến. Gần mười hai giờ, cuộc lễ hội bế mạc trong sự lưu luyến của người tham dự.

Những tài liệu nghiên cứu về văn hóa Chăm đều thống nhất rằng lễ hội Katê vốn là lễ hội của nhóm người Chăm Ahier chịu ảnh hưởng văn hóa Bà-la-môn. Tuy vậy, trong những năm gần đây, lễ hội Katê đã thu hút tất cả mọi người Chăm không phân biệt truyền thống tôn giáo hay tín ngưỡng, cho thấy khát khao của người Chăm trong việc tìm kiếm một biểu tượng văn hóa làm chất kết dính cho tinh thần đoàn kết giữa các cộng đồng người Chăm với nhau, và cũng là một yếu tố để gắn kết tộc Chăm với tộc Việt trên tinh thần tôn vinh mọi giá trị văn hóa của mọi tộc người đang cùng sinh sống với nhau trên mảnh đất hình chữ S bên bờ biển Đông này. Mùa Katê đã khép lại, nhưng dư âm của thông điệp vượt qua mà Lễ hội Katê Cần Giờ 2012 đã nối tiếp vẫn lan tỏa. Hy vọng rằng tinh thần đoàn kết hòa hợp luôn luôn tỏa sáng trong lòng mọi người con dân đất Việt, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, truyền thống... như thông điệp vượt qua đã được lễ hội Katê nhắc nhở. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Cánh đồng lúa trước nhà tôi bắt đầu trở đồng đồng từ mấy ngày nay. Lẫn trong cái màu xanh của lúa là những màu xanh pha trắng của bông. Bức tranh một màu xanh mà tôi thường thấy mỗi lần ra khỏi nhà nay đã thay đổi. Và nó sẽ còn thay đổi trong ba tháng tới nữa. Tôi biết.

Thật may mắn khi tôi được “ở trọ” nơi này. Gió thật mát, không gian “tương đối” êm ả, không khí cũng “tương đối” trong lành. Gần nhà có một xưởng gia công kẽm, máy kẽm chạy liên tục từ sáng tới tối và từ tối tới sáng, kể đó là một xưởng inox, xa hơn tí là một xưởng sản xuất nước hoa, đối diện là một kho chứa dầu cá...!!! Dù mỗi lần đi ngang qua những “nhà máy” đó tôi đều phải nín thở, nhưng tôi rất yêu nơi này. Chỉ cần được nhìn thấy màu xanh mát mẻ của lúa, được ngắm bầu trời trong xanh với những cụm mây trắng, được tận hưởng một cơn gió mát là tôi thấy mình hạnh phúc lắm rồi.

Tôi cứ tưởng sẽ không còn thấy lúa ở đây nữa. Nhưng tôi đã nhầm. Sau gần bốn tháng kể từ lúc bắt đầu mùa mưa dầm ruộng đỏ vẫn ngập đầy nước. Người ta định thời không trồng lúa nữa hay sao? Tôi tự hỏi. Nó biến thành cái bể bơi cho đám vịt hàng xóm tung tăng bắt cá, chơi đùa và trưởng thành.

Rồi đàn vịt biến mất. Gõ lẽ ông chủ của chúng đã đem chúng đi bán. Và một anh nông dân xuất hiện, bắt đầu hành trình mang lại màu xanh cho mảnh đất tương chừng đã bỏ hoang này. Anh lặng thầm, cặm cuội với mưa, với nắng và gió. Thoáng một cái, tôi đã thấy màu xanh trở lại. Tôi vui biết bao, hạnh phúc biết bao khi thấy con người ở đây còn yêu lúa, yêu cái nghề tốn công, tốn sức để có được những hạt gạo thơm tho. Ruộng lúa trước nhà tôi tốt lắm, đủ thấy tay nghề trồng lúa và chăm sóc lúa của anh nông dân rất cao. Tôi nghĩ anh là một chuyên gia trong lĩnh vực này. Tôi có thể cá cược rằng năm nay anh sẽ trúng lớn.

Chắc anh sẽ chẳng bao giờ biết anh đã làm gì cho tôi. Và tôi luôn thầm cảm ơn anh vì màu xanh của lúa trong tôi.

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Giữa cái nắng chang chang, người đi đường bỗng cảm thấy mát dịu lạ thường khi bắt gặp trên vỉa hè một bình nước lọc hay một bình trà đá với đồng chữ “nước uống miễn phí”. Trong dòng người ngược xuôi chen chúc, một bác xe ôm cúi nhặt một túi rác to đùng của ai đó ném xuống đường. Một người khác lượm bỏ vào sọt rác những viên gạch bị đánh rơi để mọi người không vấp ngã. Có người bị tai nạn bất ngờ, mọi người bảo nhau sơ cứu, gìn giữ tài sản của nạn nhân rồi đưa nạn nhân đến bệnh viện nếu cần thiết. Có những lòng nhân không để lại một đồng địa chỉ. Đó là chuyện thường tình.

Mùa thi nào cũng có những quán cơm, những chỗ trọ miễn phí đi kèm với những nụ cười thân thiện, những tấm lòng thơm thảo trên khắp mọi miền đất nước. Tiền bạc, phẩm vật, sức người sức của được vận động nhanh chóng chuyển đến nạn nhân bị thiên tai bão lũ, những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh. Chuyện không có gì để kể. Họ bảo vậy.

Những tổ cấp cháo, nước sôi miễn phí ở các bệnh viện, những chuyến xe cấp cứu từ thiện, những con người vác tù và hàng tổng canh gác rào chắn khi xe lửa đi qua những con đường trong thành phố, những “Yết Kiêu” thời nay chuyên vớt xác dưới sông từ đời này qua đời khác... Và đây những cơ sở luôn đón nhận và chăm sóc những người già neo đơn, những trẻ em không nơi nương tựa, những mảnh đời mắc bệnh ngặt nghèo mà mạng sống như chỉ mảnh treo chuông. Chuyện nhỏ mà, họ đã nghĩ và đã sống như thế.

Giữa bon chen danh lợi lọc lừa dối trá của cuộc đời, biết thấy và biết nghe chúng ta vẫn tìm được vô vàn hình ảnh thể hiện lòng tốt của con người, những điều giúp người ta thấy cuộc đời vẫn còn có ý nghĩa. Xin cảm ơn cuộc sống luôn có những chuyện nhỏ nhặt như vậy.

Triệu Mỹ Ngọc, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

TÀI TRỢ HOSTING MIỄN PHÍ
CHO CÁC WEBSITE CHÙA, PHẬT PHÁP, CÁC WEBSITE VÌ CỘNG ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TITAN

Địa chỉ: 550 Đường 30 tháng 4, TP.Vũng Tàu, Tel/Fax: 064 3571578 - 3571579

Di động: 090 6881081 - Email: info@titanvn.com - Web: www.titanvn.com

PHIẾU ĐẶT BÁO DÀI HẠN

Tạp chí của tất cả những ai
chấp nhận tư tưởng Phật giáo,
quyết tâm xây dựng một xã hội
lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ,
phát huy văn hóa truyền thống
của dân tộc.



To: Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

Ban phát hành

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp.HCM

ĐT: (84-8) 3. 8484.335 - 3. 8484.576

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

Tôi đồng ý đặt mua Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

- | | |
|---|--------------------------|
| ☐ 12 số đầu năm | 304.000 đ |
| ☐ 12 số cuối năm | 304.000 đ |
| ☐ Nguyên năm | 580.000 đ (CK 5%) |

Bắt đầu từ số đến số

Từ tháng /2013 đến tháng /2013

PHÁT HÀNH MỖI THÁNG 2 KỲ

Do cước phí bưu điện tăng khoảng 50% và giá giấy, giá in cũng cao hơn
nên Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đành phải kê giá mới như trên.

Thsp TRUNG TÂM TIN HỌC **ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM**

- ◆ ĐÀO TẠO ◆ TỔ CHỨC THI
- ◆ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO ◆ LIÊN KẾT TỔ CHỨC THI

CẤP CHỨNG CHỈ QUỐC GIA A, B TIN HỌC

- ◆ Tin học văn phòng, đồ họa, quản trị cơ sở dữ liệu.
- ◆ Tin học giáo dục, thiết kế web, Acad 2D, 3D.
- ◆ Phát triển ứng dụng trên Smartphone/Android.
- ◆ Thường xuyên khai giảng khóa mới: 2 lần mỗi tháng.
- ◆ Tổ chức thi tự do cho các thí sinh tự học: 5 tuần một lần.



Phòng học với các thiết bị hiện đại



Đội ngũ giảng viên dày dặn kinh nghiệm

Để biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Q. 5, TP. HCM

ĐT: (08) 38.392.549

Email: tttinhoc@hcmup.edu.vn

Website: <http://thsp.edu.vn>

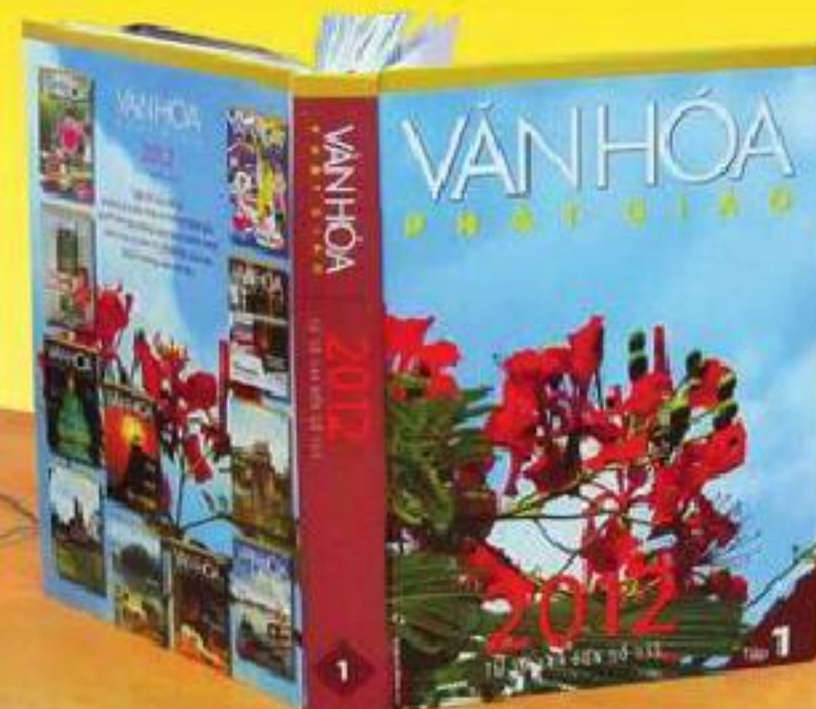
Đang phát hành

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 1 năm 2012**, từ số 144 đến số 155

giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM



Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại năm Tập (Tập 1 + Tập 2)

2006 (2 tập): 340.000VNĐ - 2010 (2 tập): 360.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ - 2011 (2 tập): 420.000VNĐ



Sân Mây CAFE

Sân Mây Café : 224A-B Điện Biên Phủ, P.7, Quận 3. ĐT: 08.3932.2266
 Sân Mây Nhà hàng Chay : 252/43 Cao Thắng, P.12, Quận 10. ĐT: 08.3507.1628

Thông tin tuyển dụng:
 → 05 nhân viên phục vụ
 → 05 nhân viên tạp vụ (Liên hệ: 0168.357.0917 Ms. Phương)



- ◉ Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- ◉ Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- ◉ Gỗ hóa Ngọc (Fossil Wood)
- ◉ Ngọc Bích Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới (Nephrite Jade)
- ◻ Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật chế tác chạm khắc từ đá quý - đá bán quý

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:
 * Showroom 2: 288 A3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (đối diện chùa Vĩnh Nghiêm).
 ĐT: 08.22450068
 * Showroom 1: Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng số 6
 364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình. ĐT: 08.22464269
 * VP. COASTAL GROUP: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình,
 Tel: 08.22450996-62967372. Hotline: 0909.799806 (Mr. Duy Pham)
 Website bán hàng online:
www.daphongthuy.com.vn www.coastalgems.com.vn
 (Cắt mẫu quảng cáo này đem đến showroom chúng tôi, quý khách sẽ được tặng thẻ VIP CARD giảm 8% khi mua hàng)



**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
THÁI LONG VINA**

◉ **Chuyên sản xuất và kinh doanh các loại muối dùng trong các ngành:**

Thực phẩm	Thủy hải sản
Xử lý nước	Thuộc da
Hóa chất	Thức ăn thủy sản, chăn nuôi

Từ muối hạt thiên nhiên, công ty chúng tôi đã tạo ra được nhiều sản phẩm đa dạng như **muối sấy, muối Iốt, muối xay, muối hầm, muối nấu** để đáp ứng cho nhiều ngành nghề khác nhau. Ngoài ra, chúng tôi còn cung cấp các loại muối nhập khẩu.

◉ **Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ:**
Ô.Lộc (0903824480)

ĐC: 79/3 Phan Văn Trị, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 08.35163286 FAX: 08.62942936
EMAIL: thailongvina@yahoo.com



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



QUẢN CHAY - DHARMA FOODS
Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS
Email: nhasach@phapuyen.com

5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quà lưu niệm, pháp phục tăng ni cư sĩ...
ấn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ấn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

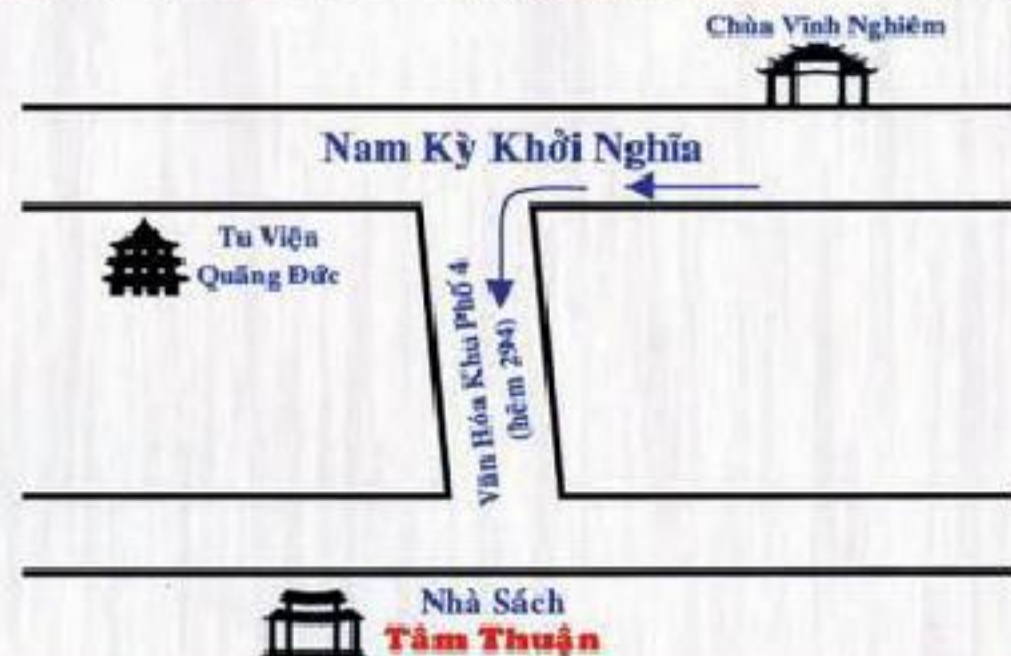
TÂM THUẬN



Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo.
Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
Nhận thực hiện in, ấn tổng kinh sách theo yêu cầu.
Chuyên tượng Phật, Bồ tát, đại hồng chung, chuông mõ.

Giao hàng tận nơi (08) 224 77809

Địa chỉ: 82/108 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
Điện thoại: (08) 224 77809 - 0902 404 748



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ
QUANG NGHE CO., LTD.
NÉN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG TỬ THIÊN

- ❖ **Biển Kampong Som - Núi 5 Thuyền - Bangkok - Siemreap.**
Chi phí: 4.500.000VND (8 ngày 7 đêm)
- ❖ **Campuchia - Lào - Thái Lan - Myanmar.**
Chi phí: 8.300.000 VND (11 ngày 10 đêm)
- ❖ **Ấn độ - Nepal.**
Chi phí: 1.150 USD (14 ngày 13 đêm)
- ❖ **Hành hương xứ Phật Srilanka.**
Chi phí: 30.500.000 VND (7 ngày 6 đêm)
- ❖ **Hành hương Xuyên Việt.** Chi phí liên hệ... (20 ngày 20 đêm)
Có tổ chức hành hương trong nước
Liên hệ: Sư Tạng Minh: 01647826121 - 01646464103 - 08 62750789
Website: dulichhanhhuongtuthien.com
Địa chỉ: 95-103 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, TP.HCM



Nhà hàng chay HOA KHAI

*Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan*

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

TAM BẢO

537 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận

CHUYÊN KINH DOANH:

- Các loại tôn tượng Mật tông, Kim cang thừa, các pháp khí hành lễ Mật tông, các amulet do các vị thánh tăng gia trì.
- Các loại tượng Phật Thái Lan và tượng của các vị thánh tăng, các amulet do các ngài gia trì.
- Các loại hương liệu cúng dường, các loại đá cúng mandala, đá phong thủy và các linh vật may mắn cát tường theo phong thủy...

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: **0907 844 640** (gặp Hoàng)

